

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH (Tên tiếng Việt)	: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
NGÀNH (Tên tiếng Anh)	: Contrastive Linguistics
CHUYÊN NGÀNH	:
MÃ NGÀNH	: 8220241
TRÌNH ĐỘ	: Thạc sĩ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	: Chính quy
KHOA QUẢN LÝ	: Quốc tế học

Đà Nẵng, tháng 7 /2024

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG	3
I. Triết lý giáo dục	3
II. Tầm nhìn	3
III. Sứ mạng	3
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)	3
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)	4
III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	5
IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam	8
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học	9
VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	10
3. Học viên không vi phạm bất cứ quy định nào của Cơ sở đào tạo liên quan đến nghĩa vụ học tập, nghiên cứu khoa học, nghĩa vụ tài chính, nhiệm vụ của học viên trong thời gian học tại trường	VII. Chiến lược giảng dạy và học tập . Error! Bookmark not defined.
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
I. Cấu trúc chương trình đào tạo	12
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	13
2.1. Khung chương trình đào tạo	13
2.2. Kế hoạch đào tạo	14
III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)	16
V. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	17
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	19
I. Quy trình đào tạo	19
II. Cách thức và công cụ đánh giá	19
F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	20

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	30
H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	195
K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	195
I. Cập nhật chương trình đào tạo	195
II. Đánh giá chương trình đào tạo.....	195
PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.....	196
PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA.....	206
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	208
PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN	224
PHỤ LỤC 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT	232
PHỤ LỤC 7: THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH, SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	232

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHNN ngày ...tháng.....năm 20...
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

- Chương trình đào tạo (CTĐT) Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Ngoại ngữ theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNN ngàycủa Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Contrastive Linguistics
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Mã ngành đào tạo:	8220241
5. Đối tượng tuyển sinh:	Người có bằng đại học ngành phù hợp và ngành gần với ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
6. Thời gian đào tạo:	2 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	60
9. Khoa quản lý:	Quốc tế học
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11. Website:	http://khoaqth.ufl.udn.vn/
12. Thang điểm:	Thang điểm 4

13. Điều kiện tốt nghiệp:	Học viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn, đề án theo quy định của Bộ GDĐT và Trường ĐHNN; b) Luận văn, đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu và điểm luận văn, đề án đạt từ 5.5 trở lên; c) Đã nộp luận văn, có xác nhận của người hướng dẫn, Khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo về việc luận văn được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Học liệu và lưu trữ theo quy định; d) Đã công bố công khai toàn luận văn, đề án trên website của Trường; e) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GDĐT công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; f) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu

15. Vị trí việc làm:	<i>(theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành theo QĐ số 1149/QĐ-DHNN)</i>
16. Khả năng nâng cao trình độ:	<i>(theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành theo QĐ số 1149/QĐ-DHNN)</i>
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	- Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế - Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
18. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	07/2024

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường: NHÂN VĂN, SÁNG TẠO, THÍCH ỨNG

II. Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng sẽ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, xã hội và nhân văn ngang tầm khu vực và quốc tế (Theo quyết định số 574/QĐ-ĐHNN ngày 26/5/2021)

Tầm nhìn của Khoa

Khoa Quốc tế học hướng tới là đơn vị đào tạo người học trở thành những công dân toàn cầu với khả năng thích ứng tốt trong môi trường đa dạng và hội nhập về kinh tế, văn hóa, và xã hội.

III. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có sứ mạng đào tạo và nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, văn minh nhân loại, góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Sứ mạng của Khoa

Khoa Quốc tế học có sứ mạng nghiên cứu, cung cấp năng lực kết nối toàn cầu, mở mang không gian ngôn ngữ - văn hóa Việt ra thế giới.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

1. Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu theo định hướng nghiên cứu học viên có trình độ học vấn vững vàng

về ngôn ngữ và Việt ngữ sau khi tốt nghiệp, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thực trong giảng dạy, biên – phiên dịch, phân tích, so sánh đối chiếu với các ngôn ngữ, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Ctrùng lặp ở bậc đại hưng cấp kiến thức so sánh và đối chiếu về ngôn ngữ học và Tiếng Việt không ọc: Kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học... và các thủ pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ.
- **PO2:** Cung cấp kiến thức ngôn ngữ học so sánh đối chiếu theo chuyên ngành hẹp nhằm hướng nghiệp cho các định hướng chuyên môn cụ thể.
- **PO3:** Cung cấp phương pháp xử lý ngôn ngữ học, các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích ứng với các công việc có liên quan đến các nghiệp vụ sosánh, đối chiếu các ngôn ngữ trong thực tiễn.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu có khả năng:

- **PLO1:** Ứng dụng kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học ngôn ngữ vào học tập và côngviệc.
- **PLO2:** Ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ, và các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế
- **PLO3:** Thực hiện nghiên cứu khoa học về so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác.
- **PLO4:** Tạo ra các nguồn tài nguyên và tài liệu cho công việchọc tập, nghiên cứu ngôn ngữ có hiệu quả
- **PLO5:** Đánh giá xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mối tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác
- **PLO6:** Đánh giá hiệu quả xu hướng giao thoa văn hóa và tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới
- **PLO7:** Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc giảng dạy, học tập, và nghiên cứu ngôn ngữ.
- **PLO8:** Phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân.
- **PLO9:** Xây dựng kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao chất lượngsử dụng sinh ngữ trong giao tiếp và công việc.
- **PLO10:** Hoàn thiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước.

III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT hiện hành (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học và Tiếng Việt không trùng lặp ở bậc đại học: Kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học... và các thủ pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ.	X	X								
2.	Cung cấp kiến thức ngôn ngữ học so sánh đối chiếu theo chuyên ngành hẹp nhằm hướng nghiệp cho các định hướng chuyên môn cụ thể			X	X	X	X	X	X		
3	Cung cấp phương pháp xử lý ngôn ngữ học, các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích ứng với các công việc có liên quan đến các nghiệp vụ so sánh, đối chiếu các ngôn ngữ trong thực tiễn.									X	X

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO1. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học và Tiếng Việt không trùng lặp ở bậc đại học: Kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng	PLO1. Ứng dụng kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học ngôn ngữ vào học tập và công việc.	PI.1.1: Xác định được mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ, mối quan hệ qua lại giữa chúng, và quá trình ảnh hưởng đến mối quan hệ này
		PI.1.2: Phân tích được bản chất và cơ sở của các lý thuyết, mô hình, nguyên tắc, và giả thuyết về ngôn ngữ

- ngữ nghĩa học, ngữ dụng học... và các thủ pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ.		PI.1.3: Sử dụng hiệu quả kiến thức về ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế
	PLO2. Ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ, và các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế	PI.2.1: Phân biệt rõ ràng các cấp độ khác nhau của sự phân tích ngôn ngữ, ngữ âm học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ.
		PI.2.2: Xác định các loại nguồn và ý nghĩa của các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ một cách hợp lý
		PI.2.3: Sử dụng đúng các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế
PO2. Cung cấp kiến thức ngôn ngữ học so sánh đối chiếu theo chuyên ngành hẹp nhằm hướng nghiệp cho các định hướng chuyên môn cụ thể	PLO3. Thực hiện nghiên cứu khoa học về so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác.	PI.3.1: Sử dụng chuẩn xác các phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng trong so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác
		PI.3.2: Xây dựng đề cương nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo
		PI.3.3: Viết báo cáo tổng thuật nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo
	PLO4. Tạo ra các nguồn tài nguyên và tài liệu cho công việc học tập, nghiên cứu ngôn ngữ có hiệu quả	PI.4.1: Tạo ra được tài liệu tổng quan liên quan đến vấn đề nghiên cứu
		PI.4.2: Tìm kiếm được thông tin và giải pháp phù hợp cho vấn đề nghiên cứu
		PI.4.3: Chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc có đóng góp quan trọng vào việc thực hiện một dự án có liên quan đến ngôn ngữ (giảng dạy, xây dựng chính sách, kiểm tra năng lực ngôn ngữ, xây dựng chương trình, giáo án giảng dạy, từ điển, v.v.)
	PLO5. Đánh giá xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ tiếng	PI.5.1: Giải thích hợp lý các vấn đề ngôn ngữ và những thách thức ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh chuyên môn khác nhau

	Việt và phong cách học tiếng Việt trong mỗi tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác	PI.5.2: Đánh giá một cách hiệu quả những xu hướng vận động, phát triển của tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mỗi tương quan với các ngôn ngữ khác
		PI.5.3: Sử dụng các khía cạnh phức tạp và xuyên suốt của kỹ năng phân tích, đối chiếu ngôn ngữ nhằm xác định đúng xu hướng vận động và phát triển của tiếng Việt trong mỗi tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác
	PLO6. : Đánh giá hiệu quả xu hướng giao thoa văn hóa và tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới	PI.6.1: Phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là trong ngữ cảnh đa ngôn ngữ, và liên quan đến các phương pháp, mô hình và ứng dụng trong nghiên cứu giao thoa văn hoá và tiếp nhận văn học bằng hai ngôn ngữ trở lên.
		PI.6.2: Đánh giá những xu hướng giao thoa văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.
		PI.6.3: Đánh giá những xu hướng tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.
	PLO7. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc giảng dạy, học tập, và nghiên cứu ngôn ngữ.	PI.7.1: Sử dụng một cách hiệu quả các kỹ năng ứng dụng CNTT và truyền thông vào công việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ
		PI.7.2: Ứng dụng hiệu quả các phương pháp, công nghệ và khái niệm cần thiết để xử lý ngôn ngữ (xử lý văn bản thông minh, giao diện người-máy, dịch máy, điều hướng tài liệu, v.v.).
	PLO8. Phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu một	PI.8.1: Trình bày được các phương diện của vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và một ngôn ngữ khác để phục vụ công việc

	cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân.	PI.8.2: Vận dụng các kỹ năng mềm để giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả PI.8.3: Vận dụng các kỹ năng mềm để phát triển khả năng tư duy độc lập phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân
PO3. Cung cấp phương pháp xử lý ngôn ngữ học, các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích ứng với các công việc có liên quan đến các nghiệp vụ so sánh, đối chiếu các ngôn ngữ trong thực tiễn.	PLO9. Xây dựng kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao chất lượng sử dụng sinh ngữ trong giao tiếp và công việc.	PI.9.1: Xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm cải thiện kiến thức và kỹ năng cá nhân dựa trên sự đánh giá đúng về năng lực của bản thân
		PI.9.2: Giải quyết các vấn đề liên quan đến chất lượng sử dụng sinh ngữ trong cuộc sống một cách hiệu quả
	PLO10. Hoàn thiện phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, xây dựng ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước.	PI.10.1: Vận dụng hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức luật pháp và đạo đức nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước
		PI.10.2: Hình thành ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 7 (Thạc sĩ)		
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan. KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

	KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
--	---	--

Bảng 4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X													
PLO 2		X													
PLO 3		X													
PLO 4	X	X													
PLO 5			X												
PLO 6		X	X	X	X										
PLO 7									X	X	X	X			
PLO 8						X	X			X					
PLO 9							X	X	X	X	X	X			
PLO 10													X	X	X

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể thực hiện tốt các nghiệp vụ ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu và giảng dạy trong nhiều lĩnh vực, ở nhiều cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường và viện nghiên cứu như sau:

- Các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ-văn hóa trong và ngoài nước, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế về văn hóa và giáo dục.

- Các cơ quan, doanh nghiệp có liên quan công việc phiên dịch hay biên dịch, du lịch và một số lĩnh vực khác.

- Có khả năng giảng dạy ngôn ngữ, biên-phiên dịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, các trường nghiệp vụ văn hóa, nghệ thuật, biên tập và xuất bản, báo chí và truyền thông; và các viện chuyên ngành ngôn ngữ và văn hoá.

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

- Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như tự nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí quản lý chuyên môn ở cơ quan công tác.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đào tạo trình độ thạc sĩ và đã đăng ký học bổ sung kiến thức theo quy định;

- Không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn nhưng phải có bằng tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ đối chiếu.

2. Điều kiện được miễn thi môn Ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, văn bằng được công nhận theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài;

- Có bằng tốt nghiệp đại học do chính Trường ĐHNN, Đại học Đà Nẵng cấp trong thời hạn không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật) tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi (Theo phụ lục II), được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn, đề án theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHNN;

- Luận văn, đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu và điểm luận văn, đề án đạt từ 5.5 trở lên;

- Đã nộp luận văn, đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn, Khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo về việc luận văn được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Học liệu và lưu trữ theo quy định;

- Đã công bố công khai toàn luận văn, đề án trên website của Trường;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GDĐT công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

Nhằm giúp học viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, nhà trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

4. Phương pháp giảng dạy

- Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và học viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

- Chiến lược dạy học gián tiếp

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến học viên mà thay vào đó, học viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Based Solving), học theo tình huống (Case Study).

- Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: mô hình (Models), thực

tập (Internship), thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team), ...

- Dạy học tương tác

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning), ...

- Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp học viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).

Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, học viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, học viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 5. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Dạy học trực tiếp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Dạy học gián tiếp	X		X	X	X	X	X	X	X	X
3	Dạy học trải nghiệm		X			X	X	X	X	X	X
4	Dạy học tương tác					X	X		X	X	X
5	Tự học		X	X	X	X	X	X	X	X	X

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 6.

Bảng 6. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	8	8	8	0
B	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	54	42	12	0
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	16	12	4	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	26	18	8	0
IV	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0	0
Tổng		60	50	12	0

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức**2.1. Khung chương trình đào tạo****Bảng 7. Khung chương trình đào tạo**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành
			TC	LT	TH/TN	
Phần kiến thức chung			8			
1	2090150	Triết học (Philosophy)	4	3	1	
2	4138001	Ngoại ngữ (Foreign languages)	4	3	1	
Phần kiến thức cơ sở			16			
Học phần bắt buộc			12			
3	4168001	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	1	1	Không
4	4168002	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	2	1	1	Dẫn luận ngôn ngữ học
5	4168003	Ngôn ngữ học văn bản (Text Linguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương
Các chuyên đề nghiên cứu						
6	4168004	Chuyên đề 1: Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus Linguistics)	3	2	1	
7	4168010	Chuyên đề 2: Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	2	1	Ngôn ngữ học đại cương, Phân tích diễn ngôn
Học phần Tự chọn			4			
8	4168005	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	1	1	Không
9	4168006	Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics)	2	1	1	Không
10	4168007	Loại hình học Ngôn ngữ (Linguistic Typology)	2	1	1	Không
11	4168008	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương
12	4168009	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương
13	4168011	Lược sử Việt ngữ học (An Introduction to the History of Vietnamese Linguistics)	2	1	1	Không
Phần kiến thức chuyên ngành			26			
Học phần bắt buộc			18			

14	4168012	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	2	1	Ngôn ngữ học đại cương
15	4168013	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Phonetics & Phonology versus Other Languages)	3	2	1	Dẫn nhập ngữ âm và âm vị học
16	4168014	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Lexical - semantics versus Other Languages)	3	2	1	Không
17	4168015	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Grammar versus Other Languages)	3	2	1	Ngôn ngữ học đại cương
Các chuyên đề nghiên cứu						
18	4168021	Chuyên đề 3: Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	3	2	1	
19	4168022	Chuyên đề 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ (Computer Assisted Language Learning and Research)	3	2	1	
Học phần Tự chọn			8			
20	4168018	Kí hiệu học (Semiotics)	2	1	1	Không
21	4168020	Giao thoa văn hoá (Cross Cultures)	2	1	1	Không
22	4168017	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages)	3	2	1	Không
23	4168019	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học (Language and Literary Acquisition)	3	2	1	Không
24	4168016	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Stylistics versus Other Languages)	3	2	1	Không
Luận văn tốt nghiệp			10			
25	4168023	Luận văn tốt nghiệp	10			
Tổng tín chỉ toàn khóa			60			

2.2. Kế hoạch đào tạo

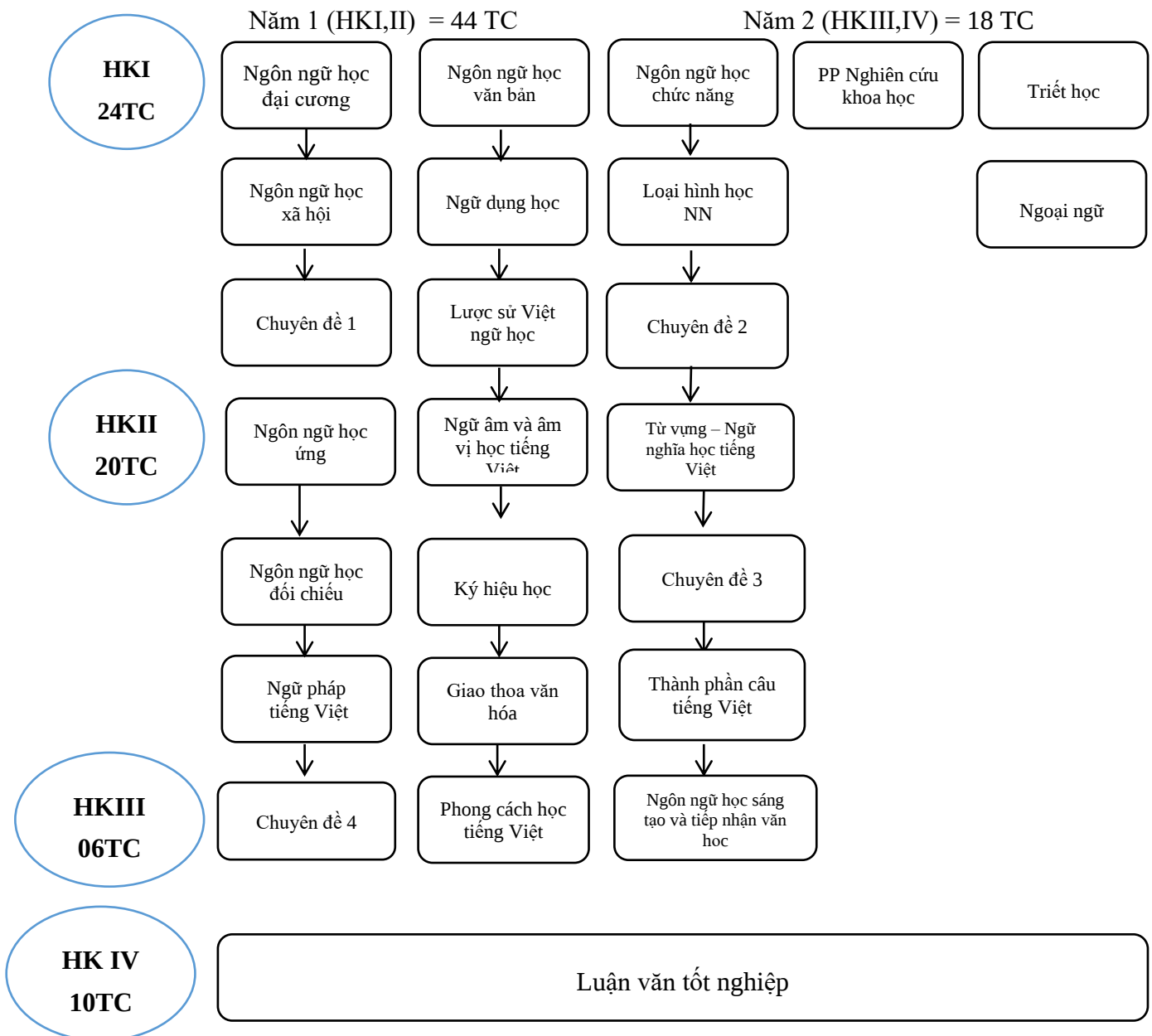
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/TN		
1	Phần kiến thức chung		8				
	2090150	Triết học (Philosophy)	4	3	1		
	4138001	Ngoại ngữ (Foreign languages)	4	3	1		
	Phần kiến thức cơ sở		16				
	Học phần bắt buộc		12				
	4168001	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	2	1	1	Không	
	4168002	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	2	1	1	Dẫn luận ngôn ngữ học	
	4168003	Ngôn ngữ học văn bản (Text Linguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương	
	Các chuyên đề nghiên cứu						
	4168004	Chuyên đề 1: Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus Linguistics)	3	2	1		
	4168010	Chuyên đề 2: Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	2	1	Ngôn ngữ học đại cương, Phân tích diễn ngôn	
	Học phần Tự chọn		4				
	4168005	Ngữ dụng học (Pragmatics)	2	1	1	Không	

	4168006	Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics)	2	1	1	Không	
	4168007	Loại hình học Ngôn ngữ (Linguistic Typology)	2	1	1	Không	
	4168008	Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương	
	4168009	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	2	1	1	Ngôn ngữ học đại cương	
	4168011	Lược sử Việt ngữ học (An Introduction to the History of Vietnamese Linguistics)	2	1	1	Không	
	Tổng tín chỉ trong học kỳ		24				
2	Phần kiến thức chuyên ngành		20				
	Học phần bắt buộc		15				
	4168012	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	2	3	Ngôn ngữ học đại cương	
	4168013	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Phonetics & Phonology versus Other Languages)	3	2	1	Dẫn nhập ngữ âm và âm vị học	
	4168014	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Lexical - semantics versus Other Languages)	3	2	1	Không	
	4168015	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Grammar versus Other Languages)	3	2	1	Ngôn ngữ học đại cương	
	Chuyên đề nghiên cứu						
	4168021	Chuyên đề 3: Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	3	2	1		
	Học phần Tự chọn		5				
	4168018	Kí hiệu học (Semiotics)	2	1	1	Không	
	4168020	Giao thoa văn hoá (Cross Cultures)	2	1	1	Không	
	4168017	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages)	3	2	1	Không	
	Tổng tín chỉ trong học kỳ		20				
3	Chuyên đề nghiên cứu						
	4168022	Chuyên đề 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ (Computer Assisted Language Learning and Research)	3	2	1		
	Học phần Tự chọn						
	4168019	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học (Language and Literary Acquisition)	3	2	1	Không	
	4168016	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Stylistics versus Other Languages)	3	2	1	Không	
Tổng tín chỉ trong học kỳ		06					
4	4168023	Luận văn tốt nghiệp	10				
	Tổng tín chỉ trong học kỳ		10				
Tổng tín chỉ toàn khóa			60				

III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ KHOA QUỐC TẾ HỌC

SƠ ĐỒ CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU



IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

STT	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
	I	Phần kiến thức chung										
1		Triết học (Philosophy)	I	I	R	I	I	I	I	I	M	M
2		Ngoại ngữ (Foreign Languages)	I	I	R	R	R	R	I	M	R	R
		Phần kiến thức cơ sở										
		Học phần bắt buộc										
3		Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	M	R	M	M	R	R	R	M	M	R
4		Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	M	M	R	R	I	R	R	I	R	I
5		Ngôn ngữ học văn bản (Text Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	I	I
		Các chuyên đề nghiên cứu										
6		Chuyên đề 1: Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	I	I
7		Chuyên đề 2: Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	R	I
		Học phần tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)										
8		Ngữ dụng học (Pragmatics)	M	M	R	R	I	I	I	R	R	I
9		Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	R	I	I
10		Loại hình học Ngôn ngữ (Linguistic Typology)	M	M	R	I	R	I	I	I	R	I
11		Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	M	M	R	R	M	R	I	I	R	I
12		Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	M	M	R	R	M	I	R	I	R	I
13		Lược sử Việt ngữ học (An Introduction to the History of Vietnamese Linguistics)	M	M	I	I	M	R	I	I	I	I
		Phần kiến thức chuyên ngành										
	Học phần bắt buộc											
14	II	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	R	M	M	R	R	R	I	I	R	R
15		Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Phonetics & Phonology versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	I	I
16		Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Lexical - semantics versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	R	R
17		Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Grammar versus Other Languages)	M	M	M	R	R	R	I	I	R	R
		Chuyên đề nghiên cứu										
18		Chuyên đề 3: Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	M	I	I	R	R	I	I	M	R	I
		Học phần tự chọn (chọn 01 trong 03 học phần)										
19		Kí hiệu học (Semiotics)	M	R	R	M	I	I	I	I	I	I
20		Giao thoa văn hoá (Cross Cultures)	R	I	R	I	I	M	I	I	R	I
21		Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	I	I
	III	Chuyên đề nghiên cứu										
22		Chuyên đề 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ (Computer Assisted Language Learning and Research)	R	I	I	R	I	I	M	R	M	R
		Học phần tự chọn (chọn 01 trong 02 học phần)										

23		Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học (Language and Literary Acquisition)	R	I	R	R	I	M	I	I	R	I
24		Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Stylistics versus Other Languages)	M	M	M	R	M	I	R	I	R	I
25	IV	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	M	M	M	M	M	M	M	M	M	R
Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp												
Mức I			2	6	3	4	11	14	20	18	7	17
Mức R			3	2	14	18	10	7	3	3	13	7
Mức M			19	17	8	3	4	3	2	4	4	1

PHỤ LỤC 3

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Ngoại ngữ. Thời gian đào tạo trong 2 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ. Theo lộ trình được thiết kế, học viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành được học trong năm học thứ nhất.

Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60TC.

II. Cách thức và công cụ đánh giá

1. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả thông qua các bài kiểm tra định kỳ, bài tiểu luận và dự án học tập².

Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập cá nhân	Tham gia lớp học, thái độ học tập. Chuẩn bị ở nhà cho bài học và báo cáo trên giờ thực hành	R1,2	20%	20%	
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Bài tập lớn và kiểm tra giữa kỳ	R4,5	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: tự luận - Thời gian làm bài: 180 phút	R5	50%	50%	

3. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá theo Rubric

- R1.Đánh giá chuyên cần
- R2. Đánh giá hoạt động
- R3. Đánh giá thuyết trình
- R4. Kiểm tra trắc nghiệm
- R5. Kiểm tra tự luận

4. Cách tính điểm học phần

Điểm của học phần được tính dựa vào trọng số đã được quy định trên phần đánh giá học phần.

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về phương pháp nghiên cứu, các đường hướng và loại hình nghiên cứu cùng những thao tác nghiên cứu khoa học cơ bản khi tiếp cận một đề tài khoa học. Môn học trang bị cho người học kiến thức nền tảng về các loại hình, đường hướng để tiếp cận một đề tài nghiên cứu. Người học sẽ nắm được cách xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu cùng phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục đích mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Người học cũng nắm được các bước thực hiện một đề cương sơ bộ với đề tài đã chọn.
2	Ngôn ngữ học đại cương	Ngôn ngữ học Đại cương cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về lý luận ngôn ngữ trên các phương diện quan yếu nhất (Bản chất, chức năng ngôn ngữ, hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động ngôn ngữ, các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ trong ngôn ngữ học và liên ngành).. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quan điểm , các trường phái lý luận trong ngôn ngữ học, đặc biệt là lý luận trong thế kỷ 20 và đương đại. Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận và các kỹ năng thường gặp trong ngôn ngữ học
3	Ngôn ngữ học văn bản	<i>Ngôn ngữ học văn bản</i> ra đời từ những năm 1960 của thế kỷ XX và đã phát triển ngày càng mạnh mẽ cho đến ngày hôm nay, trải qua hai giai

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		đoạn: giai đoạn từ những năm 1960 đến 1975 là giai đoạn của các “ngữ pháp văn bản” và giai đoạn từ năm 1975 đến nay với các tên gọi như “nghiên cứu diễn ngôn”, “phân tích diễn ngôn” với cùng một đối tượng nghiên cứu là “văn bản” – được hiểu là đơn vị nghĩa trong sử dụng ngôn ngữ. Văn bản phải được nghiên cứu trong tính chỉnh thể của nó. Các hiện tượng là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản được chia thành hai phạm trù lớn: các hiện tượng nằm trong văn bản và các hiện tượng không nằm trong văn bản mà vẫn có quan hệ đến văn bản. Đó là các hiện tượng liên quan đến việc hình thành và giải thích văn bản. Trên cơ sở đó, học phần này tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây: giao tiếp và văn bản, cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, liên kết, mạch lạc, cấu tạo của đoạn văn, một số kiểu văn bản thường dùng.
4	Chuyên đề 1 : Ngôn ngữ học khối liệu	Khối liệu là tập hợp các văn bản hay bộ phận của một loại hình văn bản mà dựa vào đó việc phân tích ngôn ngữ được thực hiện. Ngôn ngữ học khối liệu nghiên cứu ngôn ngữ trên cơ sở khối liệu văn bản. Học phần này trình bày những nội dung cơ bản về khối liệu và ngôn ngữ học khối liệu. Người học nắm và vận dụng kiến thức để lựa chọn, thiết kế khối liệu phục vụ mục đích nghiên cứu ngôn ngữ. Dựa vào một loại hình khối liệu, người nghiên cứu tìm kiếm các minh chứng phục vụ việc mô tả, phân tích một vấn đề cụ thể của ngôn ngữ nhằm đưa ra những luận giải về vấn đề nghiên cứu. Kiến thức của học phần giúp người học xây dựng một khối liệu nghiên cứu đảm bảo về dung lượng và sự đa dạng, đại diện cho phong cách của loại hình diễn ngôn nghiên cứu. Từ đó mô tả, phân tích dữ liệu tìm thấy về loại diễn ngôn, đối sánh với khối liệu tham khảo; sử dụng các phần mềm để truy xuất khối lượng lớn dữ liệu của khối liệu.
5	Ngữ dụng học	Xuất hiện từ thập niên 1930, Ngữ dụng học (NDH) đã nhanh chóng trở thành một bộ môn được nghiên cứu rộng rãi trong Ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt trong ngành Ngôn ngữ học ứng dụng.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		Trọng tâm nghiên cứu của NDH bao gồm các đường hướng và phương pháp giao tiếp giúp người học hiểu và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả trong các ngữ cảnh tình huống khác nhau. Phạm vi ứng dụng của NDH bao gồm các lĩnh vực như dạy và học ngoại ngữ, giao tiếp liên ngôn ngữ, liên văn hóa, sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày giữa những thành viên trong cùng một cộng đồng. Do vậy, học phần NDH không những giúp người nghiên cứu, người học và người dạy hiểu rõ hơn bản chất hành chức của ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh tình huống khác nhau mà còn mở đường cho các lĩnh vực nghiên cứu hữu quan khác liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau.
6	Ngôn ngữ học chức năng	Ngôn ngữ học chức năng (NNNCN) gắn liền và có vai trò then chốt trong lịch sử ngôn ngữ học (NNH). NNHCN là khuynh hướng mới trong ngôn ngữ học. Trong những năm 50 thế kỷ 20, trường phái ngôn ngữ học chức năng ra đời. Sau đó là NNHCN - một khuynh hướng mà Halliday là đỉnh cao. Lý thuyết này một mặt tổng hợp được các thành tựu nghiên cứu ngôn ngữ học suốt dòng lịch sử: Đó là sự thống nhất giữa ngữ nghĩa và cấu trúc qua chức năng ngôn ngữ, lấy nghĩa làm nền tảng. Trong cuốn sách tiêu biểu cho ngôn ngữ chức năng An Introduction to Functional Grammar của Halliday, chúng ta vấn đề cốt lõi là nghĩa, qua ba loại mệnh đề: <i>Nghĩa văn bản</i> trong mệnh đề như một thông điệp. <i>Nghĩa liên nhân</i> trong mệnh đề như một trao đáp và <i>ngữ nghĩa kinh nghiệm</i> hay nghĩa nội dung trong mệnh đề như một biểu hiện. NPCN xem kiến trúc ngôn ngữ từ kinh nghiệm thực tiễn là nguồn mạch sản sinh ra nghĩa giao tiếp. Bởi vậy, NPCN bao trùm tất cả các lĩnh vực của ngôn ngữ học. Bộ môn NPCN gọi lại một diễn trình lịch sử ngôn ngữ học vừa khám phá tính tạo nghĩa trong toàn hệ thống ngôn ngữ và chiến lược sử dụng ngôn ngữ. Đây là mục tiêu bao trùm của học phần dành cho học viên cao học.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
7	Loại hình học Ngôn ngữ	Môn Loại hình học ngôn ngữ cung cấp cho học viên chuyên ngành Ngôn ngữ học đối chiếu các kiến thức cơ bản về loại hình học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...), các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại các loại hình ngôn ngữ, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), phổ niệm ngôn ngữ (khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, các loại phổ niệm ngôn ngữ) đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ đơn lập nói chung và của tiếng Việt nói riêng (về mặt ngữ âm, cấu tạo từ, từ loại, cú pháp). Đồng thời, môn học cũng trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp phân tích, mô tả, đối chiếu đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ và của tiếng Việt để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ
8	Ngôn ngữ học xã hội	Học phần Ngôn ngữ học xã hội cung cấp cho học viên (1) những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; (2) các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, v.v....; (3) kế hoạch và chính sách ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam
9	Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ học ứng dụng được định nghĩa là việc nghiên cứu ứng dụng các khái niệm và lý thuyết ngôn ngữ học vào mọi vấn đề thực tiễn khác nhau liên quan đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng đề cập đến ứng dụng ngôn ngữ trong thực tiễn, có tác động trực tiếp đến các vấn đề giao tiếp ngôn ngữ, đến việc dạy-học ngoại ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng còn liên quan đến các lĩnh vực thực tế khác như dạy tiếng mẹ đẻ, biên soạn từ điển, dịch thuật cũng như các ứng dụng chuyên biệt của ngôn ngữ như ngôn ngữ y khoa, ngôn ngữ hình sự, pháp y... Học phần này giúp người học nắm và vận

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		dụng kiến thức ngôn ngữ học lý thuyết vào phương hướng dạy-học ngoại ngữ, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để vận dụng, nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ, đồng thời quyết định mục đích và nội dung của việc dạy tiếng
10	Chuyên đề 2: Ngôn ngữ học tri nhận	Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các khái niệm và phạm trù cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận. Phạm vi của phần này bao gồm các chủ điểm như nguồn gốc ngôn ngữ học tri nhận, các xu hướng chính, các nguyên lí của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Đặc biệt, giáo trình hướng học viên vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khơi gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của học viên
11	Lược sử Việt ngữ học	Trong quá trình phát triển cũng như hội nhập, việc nghiên cứu tiếng Việt cũng như ngôn ngữ học tiếng Việt đã có những bước chuyển biến ấn tượng. Việt ngữ học truyền thống đã tiếp nhận những đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại trên thế giới từ phân tích diễn ngôn cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống rồi ngôn ngữ học tri nhận trong thời gian gần đây. Sự tiếp nhận này đã làm phong phú việc phân tích tiếng Việt trên các bình diện ngôn ngữ học. Lược sử Việt ngữ học có nhiệm vụ nhìn nhận lại quá trình nghiên cứu, hội nhập và phát triển Việt ngữ học qua các thời kỳ từ giai đoạn khởi nguyên cho đến hiện thời nhằm giúp người học nắm bắt được sự hình thành và phát triển tiếng Việt nói chung và Việt ngữ học nói riêng từ giai đoạn cổ trung đại đến giai đoạn cận hiện đại trên các bình diện ngôn ngữ học - bao gồm lịch sử nghiên cứu ngữ âm, từ vựng, cú pháp, ngữ dụng, phong cách học, kể cả ngôn ngữ học xã hội, đặc trưng văn hóa – ngôn ngữ học tiếng Việt v.v...

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
12	Ngôn ngữ học đối chiếu	Mấy chục năm trở lại đây nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ được nhiều người chú ý tới và trở thành một phân ngành phát triển mạnh trong ngôn ngữ học hiện đại. Sở dĩ như vậy là vì một mặt, nó góp phần đáp ứng những đòi hỏi của lý luận ngôn ngữ học trong giai đoạn mới và mặt khác, nó cho phép đưa những tri thức ngôn ngữ học vào những ứng dụng rộng rãi, thiết thực. Trên cơ sở những tri thức của ngôn ngữ học đại cương, học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cần yếu về ngôn ngữ học đối chiếu, chỉ ra một số bình diện nghiên cứu đối chiếu liên ngôn ngữ. Học phần cũng giới thiệu các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và một số thử nghiệm phân tích đối chiếu. Về mặt thực tiễn, học phần ngôn ngữ học đối chiếu giúp người học hiểu biết về phương pháp nghiên cứu, cách thức vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu liên ngôn ngữ, giúp nâng cao hiệu quả học tiếng nước ngoài, biên soạn sách giáo khoa ngoại ngữ, ngữ pháp và từ điển phiên dịch so sánh, dạy tiếng Việt cho người nước ngoài
13	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	Học phần Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt trang bị cho học viên kiến thức nền tảng cùng kiến thức chuyên sâu về các bình diện ngữ âm âm vị học tiếng Việt để thấu đáo hơn về bản chất tín hiệu của âm, cơ chế tạo âm, các bình diện miêu tả của âm cùng chức năng của âm trong lời nói. Học phần cũng trang bị cho học viên cách phân tích các đặc trưng của âm tiếng Việt và các kỹ năng đối chiếu các nhóm âm của tiếng Việt với tiếng Anh chuẩn, tiếng Anh Mỹ
14	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt có đối chiếu với với các ngôn ngữ khác. Đồng thời môn học cũng trang bị những thủ pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa, đặc biệt là nghiên cứu so sánh đối chiếu.
15	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	Các nghiên cứu liên quan đến cú pháp học nói chung và thành phần câu nói riêng trong những

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		thập niên gần đây có những phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước. Từ những thành tựu của lý thuyết thành tố trực tiếp (Immediate constituents), ngữ pháp tạo sinh chuyển đổi (Generative Transformational grammar) cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional linguistic paradigm) v.v... Mục đích của học phần giúp người học nắm bắt được các đặc điểm ngôn ngữ học của Thành phần câu tiếng Việt; cụ thể như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp của thành tố câu v.v... Nhằm giúp người học lĩnh hội kiến thức cơ bản về các quan điểm, trường phái ngôn ngữ học khác nhau về thành phần câu. Qua đó, đề xuất quan điểm phù hợp liên quan đến ngôn ngữ học để giúp người học thuận lợi tiếp thu và ứng dụng vào việc so sánh đối chiếu
16	Kí hiệu học	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ký hiệu học, về bản chất của ký hiệu học nói chung và hệ thống ký hiệu ngôn ngữ nói riêng; phân tích để thấy ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu đặc biệt; chỉ ra mối quan hệ giữa ký hiệu ngôn ngữ và nghĩa, ...; từ đó vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành giải mã ngôn ngữ của các tác phẩm văn chương
17	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học	Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học (Language and Literary Acquisition) nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận từ góc độ liên ngành ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật ngôn từ nhằm làm sáng tỏ vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo dựng các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (tác phẩm văn học hay tác phẩm văn chương. Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học còn giúp người học xác lập cơ chế chuyển mã từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng gắn với hoạt động năng động của người tiếp nhận, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận tiếp nhận cũng như lý luận phê bình văn học, vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận phê bình văn học nhằm hình thành kỹ

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		năng cảm nhận, phân tích, phê bình các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ
18	Giao thoa văn hoá	Giao thoa văn hóa là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm về văn hóa, đặc tính của văn hóa, giao thoa văn hóa, sốc và xung đột trong giao văn hóa. Người học còn được trang bị kiến thức về các giá trị văn hóa, tính lịch sử trong dụng học giao văn hóa, các hình thức xung hô trong các ngôn ngữ- văn hóa khác nhau. Ngoài ra, người học có thể so sánh đối chiếu các hình thức giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa, một số hành vi ngôn từ trong dụng học giao văn hóa và phát triển năng lực nghiên cứu về các hành vi ngôn từ trong giao văn hóa. Học phần dành cho học viên sau đại học chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. Những học viên sau đại học thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác cũng tìm thấy ở môn học này những kiến thức bổ ích và thiết thực.
19	Chuyên đề 3: Lý thuyết dịch	Học phần Lý Thuyết Dịch (Theory of Translation) nhằm trang bị cho người học những kiến thức, lý luận và kỹ năng cần thiết về dịch thuật như là một hoạt động xuyên ngôn ngữ. Người học sẽ được tiếp cận các vấn đề về lý thuyết dịch thuật từ khái niệm, lịch sử đến các vấn đề liên quan đến dịch thuật như quan hệ ngôn ngữ với văn hóa, cách tiếp cận tương đương, hiện tượng thêm bớt, hiện tượng không dịch được, vấn đề nghĩa trong dịch, , v.v. Ngoài ra, người học còn có cơ hội phân tích các các cách tiếp cận dịch thuật từ góc nhìn ngôn ngữ, hệ thống chức năng nhằm vận dụng các lý thuyết dịch thuật vào giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực hành dịch. Người học còn có cơ hội đánh giá các sản phẩm dịch thông qua hoạt động phê bình dịch, qua đó rút ngắn khoảng cách nhận về lý luận dịch thuật và thực tiễn thực hành dịch
20	Chuyên đề 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ	Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho học viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ. Học phần bao gồm yếu tố lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những tài liệu nghiên

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		cứu về CALL cũng như các phương pháp sư phạm hiện hành trong việc học ngôn ngữ. Việc ứng dụng máy tính và công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ ngày nay đã tồn tại một thời gian dài và dần phát triển. Để công nghệ này có thể được áp dụng hiệu quả, bản thân giáo viên phải có hiểu biết đáng kể về bản chất và quá trình hoạt động của công nghệ trong khuôn khổ chuyên môn. Học viên có mong muốn theo đuổi trình độ cao hơn ở các lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng hoặc TESOL, hoặc dự định bắt đầu việc giảng dạy ngôn ngữ, sẽ nhận thấy khóa học hữu ích và thiết thực. Học phần sẽ trình bày cho học viên về ứng dụng của máy tính cũng như các công nghệ khác hiện nay trong việc dạy và học ngôn ngữ. Học phần sẽ bao gồm các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những tài liệu nghiên cứu về CALL cũng như các phương pháp giáo học pháp hiện hành trong giáo dục ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên sẽ có khả năng tự phát triển dự án CALL của riêng mình
21	Ngữ pháp tiếng Việt	Ngữ pháp tiếng Việt (so sánh đối chiếu với các ngôn ngữ khác) cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi mà ngữ pháp chức năng đã thể hiện trong hơn 20 năm qua và một hướng ứng dụng đúng vào tiếng Việt để những người nghiên cứu ngoại ngữ và những người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ có thêm phương tiện thực hiện đối chiếu ngoại ngữ với tiếng Việt nhờ vào những thành tựu nghiên cứu ngữ pháp mới nhất trong thời đại ngày nay với việc phân biệt các siêu chức năng của câu; các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau của tiếng Việt diễn đạt cùng một sự việc; các kiểu cấu trúc thức khác nhau tồn tại trong tiếng Việt; cấu trúc đề - thuyết trong chức năng văn bản của câu tiếng Việt. Cấu trúc cú pháp của câu được xem xét theo hướng lấy vị tổ làm hạt nhân, lấy câu làm cơ sở, đồng thời nghiên cứu các đơn vị lớn hơn câu, như tính liên kết giữa câu với câu, cho

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		đến toàn văn bản hoặc diễn ngôn. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những tri thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, so sánh đối chiếu các ngôn ngữ.
22	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học	Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học (Language and Literary Acquisition) nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận từ góc độ liên ngành ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật ngôn từ nhằm làm sáng tỏ vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo dựng các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (tác phẩm văn học hay tác phẩm văn chương. Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học còn giúp người học xác lập cơ chế chuyển mã từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng gắn với hoạt động năng động của người tiếp nhận, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận tiếp nhận cũng như lý luận phê bình văn học, vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận phê bình văn học nhằm hình thành kỹ năng cảm nhận, phân tích, phê bình các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHỤ LỤC 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA QUỐC TẾ HỌC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168001
Tên học phần:	PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
1.2 Tên tiếng Anh:	Research Methods
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Nguyễn Văn Long
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☒ Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do ☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể: ☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học cung cấp những kiến thức cơ sở về phương pháp nghiên cứu, các đường hướng và loại hình nghiên cứu cùng những thao tác nghiên cứu khoa học cơ bản khi tiếp cận một đề tài khoa học. Môn học trang bị cho người học kiến thức nền tảng về các loại hình, đường hướng để tiếp cận một đề tài nghiên cứu. Người học sẽ nắm được cách xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu cùng phương pháp nghiên cứu phù hợp với mục đích mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Người học cũng nắm được các bước thực hiện một đề cương sơ bộ với đề tài đã chọn.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản của quy trình nghiên cứu và năng lực tự nghiên cứu.
- Giúp học viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học.

3.2. Về kỹ năng:

- Hướng dẫn học viên xác định được phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, hay phương pháp hỗn hợp.
- Giúp học viên xây dựng năng lực xác định và sử dụng tài liệu nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan.
- Hướng dẫn năng lực thuyết trình đề cương và kết quả nghiên cứu theo phương pháp khoa học ở dạng văn viết và văn nói.
- Hướng dẫn học viên bước đầu tiếp cận với phương pháp viết bài báo, công bố khoa học trong và ngoài nước.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập môn PPLNCKH.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong công tác NCKH, trung thực, minh bạch trong việc sử dụng kết quả NCKH của người khác và của chính mình.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được bản chất của quy trình nghiên cứu và các kiến thức cơ bản của các loại hình của phương pháp nghiên cứu khoa học.
CLO2	Phát triển tư duy phê phán trong phân tích và tổng hợp kết quả từ khối liệu và tổng quan tài liệu nghiên cứu.
CLO3	Xác định được phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, hay hỗn hợp.
CLO4	Xây dựng đề cương và kết quả nghiên cứu theo phương pháp khoa học ở dạng văn viết và văn nói.
CLO5	Tiếp cận với phương pháp công bố khoa học trong và ngoài nước.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO3			PLO5		PLO6			PLO9	
	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	P9.2
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu
1	Nghiên cứu sơ bộ Chiếm 30%	Mục đích của nhiệm vụ này là để cung cấp kinh nghiệm trong cách đọc phần giới thiệu và cơ sở lý luận trong các bài báo nghiên cứu. Bạn nên chọn 5 bài báo nghiên cứu từ dữ liệu thư viện. Đối với mỗi bài báo, trong từng phần riêng biệt, trả lời các câu hỏi sau: <i>Bài viết tập trung tìm cách trả lời câu hỏi nghiên cứu nào?</i> (xác định câu hỏi nghiên cứu và các giả thiết đã thử nghiệm) <i>Động cơ nghiên cứu là gì?</i> (Miêu tả động lực cho việc thực hiện các nghiên cứu. Nếu có thể hãy nêu rõ vì sao nó là bản sao và hoàn thiện hơn của nghiên cứu trước, có sự mở rộng nghiên cứu để xóa bỏ các thiếu sót còn tồn tại trong lý thuyết, hoặc nỗ lực mở ra các phát hiện mới. Cần phải cụ thể. Nêu tên các nghiên cứu trước đây nếu phù hợp) <i>Các phương pháp luận nào được dùng?</i> (Xác định các phương pháp luận dùng để trả lời các câu hỏi nghiên cứu) <i>Phát kiến là gì?</i> (Nêu các kết quả của nghiên cứu. Các câu hỏi nghiên cứu được chứng minh hay là phủ nhận?) Mỗi bài viết nên dài khoảng 150 -200 từ. Thông tin chi tiết của mỗi bài nghiên cứu nên được ghi ở đầu bài viết. Sau khi hoàn thành 5 bài viết. Viết một bài so sánh ngắn (300 – 400 từ) về những phát kiến cho 5 bài báo đã phân tích. Bình luận về các điểm tương đồng và khác biệt và lý do có những điểm tương đồng và khác biệt đó. Các đặc điểm chung này có thể bao gồm các dạng câu hỏi nghiên cứu và động lực, đối tượng nghiên cứu .v.v...
2	Trình bày dàn ý đề cương nghiên cứu Chiếm 30%	Bạn sẽ thuyết trình trong 10 phút về đề cương nghiên cứu của mình. Bài thuyết trình của bạn sẽ được các bạn trong lớp đánh giá.

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu
3	Công việc nghiên cứu Chiếm 40%	Viết một đề cương nghiên cứu khoảng 2000-2500 từ, giải thích phương pháp của dự án nghiên cứu của mình. Mục đích là nghiên cứu một đề tài cụ thể trong ngành ngôn ngữ Anh. Công việc: 1. Bài Giới Thiệu trình bày rõ ràng đề tài nghiên cứu và xây dựng sự liên quan của việc nghiên cứu. Bố cục bài viết nên được chú thích cụ thể. 2. Tổng quan lý thuyết (thân bài) có cấu trúc rõ ràng và phù hợp với tài liệu. Các phần chuyển tiếp cần được chỉ ra rõ ràng. Cần cho thấy được sự thuần thục trong các khái niệm và phát hiện quan trọng, cùng với chi tiết đầy đủ. 3. Trình bày các câu hỏi nghiên cứu rõ ràng, hỗ trợ bằng tổng quan lý thuyết. Từ khóa cần được xác định rạch ròi. Phương pháp luận cần rõ ràng và phù hợp với câu hỏi nghiên cứu. Ngoài ra còn phải có các thành phần tham gia, phương pháp thu thập dữ liệu và phân tích cơ bản.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Báo cáo tổng quan tài liệu nghiên cứu	Báo cáo tổng quan tài liệu nghiên cứu trước đây (Library research)	R2,3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Trình bài tại lớp	Trình bài phát thảo đề cương nghiên cứu (Research proposal presentation)	R3	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4
Thành phần 3	Báo cáo đề cương nghiên cứu	Báo cáo đề cương nghiên cứu (Detailed research proposal)	R3	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	Giới thiệu về nghiên cứu Mục tiêu: Giải thích được nghiên cứu là gì hoặc không phải là gì, tiêu chí nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu khác nhau.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	Trình bày các khía cạnh thảo luận về kiến thức nền tảng và giá trị của phương pháp nghiên cứu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	Giới thiệu khái niệm cốt lõi của mọi dự án nghiên cứu – vấn đề nghiên cứu – và thảo luận xem một vấn đề có thể nghiên cứu là gì. Cảnh báo về những lỗi sai phổ biến Miêu tả cách nhận biết và xác định một vấn đề nghiên cứu..	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	Các dạng nghiên cứu: Mục tiêu: Tìm hiểu bản chất của các khái niệm và làm thế nào có thể xác định được những khái niệm đó.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	Nghiên cứu về vai trò của lý thuyết. Tìm hiểu các dạng nghiên cứu khác nhau và đặc tính của chúng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,4	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
6	Cơ sở lý luận Mục tiêu: Giải thích các vấn đề liên quan trong các cách thu thập dữ liệu tiếp theo và miêu tả các hệ thống lưu trữ thông tin khác nhau Giúp phát triển kỹ năng đọc và ghi chú Trình bày các phương pháp lưu trữ và phân tích hiệu quả dữ liệu thu thập được Reading: Walliman, Ch.2	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	Xây dựng câu hỏi nghiên cứu Mục tiêu: Giải thích vì sao cần có câu hỏi nghiên cứu Câu hỏi nghiên cứu xuất phát từ đâu Đề xuất các dạng câu hỏi nghiên cứu khác nhau Reading: Litosseliti, Ch.1 Task: Annotated bibliography (Library research project)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4

8	Phương pháp nghiên cứu: Định tính, định lượng và hỗn hợp. Đặt vấn đề về sự tách biệt trong phương pháp nghiên cứu định tính với định lượng. Giải quyết các vấn đề gặp phải khi áp dụng 2 mô hình trên vào các dự án nghiên cứu ngôn ngữ học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	Xác định các tiềm năng, rào cản và hạn chế trong việc xem việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp là một biện pháp cần thiết. Trích dẫn các nghiên cứu từng sử dụng nhiều phương pháp luận và thảo luận về những ưu điểm cũng như thách thức của việc kết hợp 2 mô hình trên cũng như các phương pháp luận và phương pháp.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	Thảo luận những cách để phương pháp hỗn hợp có thể đóng góp cho sự phát triển của những phát kiến và ứng dụng của các nghiên cứu, đồng thời giúp giải quyết các vấn đề tồn tại trong việc thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực này. Reading: Johnson, R. B; Litosseliti, Ch.2; Walliman, Ch.7; Mackey, Ch.5 & 6; Dornyei (2007), Ch.2 & 7	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

11	Hình thức: Giới thiệu các công cụ nghiên cứu Phần mềm: Endnote, Word Mục lục chú thích Đề cương nghiên cứu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	Thu thập dữ liệu Mục tiêu: Miêu tả bản chất của các phương pháp nghiên cứu dùng trong thu thập dữ liệu định tính và định lượng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 3,4,5
13	Phân tích dữ liệu Mục tiêu: Đưa ra những phương pháp thích hợp của việc phân tích dữ liệu Reading: Walliman, Ch.7; Litosseliti, Ch.6, 9, 10; Mackey, Ch.8 & 9	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	Hình thức: Giới thiệu công cụ nghiên cứu Phần mềm: Excel, SPSS Đọc: Litosseliti, Ch.4, 5	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 2,3,4,5
15	Course review Nhiệm vụ: Trình bày đề cương nghiên cứu Hạn: Đề cương nghiên cứu (trong 2 tuần)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Walliman, N.	2011	<i>Research methods: The basics.</i>	London: Routledge
2	Litosseliti, L. (Ed.)	2010	<i>Research methods in linguistics</i>	London: Continuum
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Dörnyei, Z.	2007	<i>Research methods in applied linguistics</i>	Oxford: Oxford University Press
2	Hinkel, E. (Ed.)	2011	<i>Handbook of research in second language teaching and learning (Vol. 2)</i>	New York: Routledge

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	The Linguistics Journal	http://www.linguistics-journal.com/	12/5/2024
2	The Linguistics Journal Thesis	http://www.linguistics-journal.com/thesis.php	12/5/2024
3	Languages and Linguistics	http://library.queensu.ca/book/export/html/442	12/5/2024

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Văn Long

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168002	
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC ĐẠI CƯƠNG	
1.2 Tên tiếng Anh:	General Linguistics	
1.3 Số tín chỉ:	2	
1.4 Phân bố thời gian:		
- Lý thuyết:	15	
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30	
- Tự học:		
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:		
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Dương Quốc Cường	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:		
1.6 Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:	Không	
- Học phần học trước:	Dẫn luận Ngôn ngữ học	
- Học phần song hành:		
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do	
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương ☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do ☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp	

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngôn ngữ học Đại cương cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi về lý luận ngôn ngữ trên các phương diện quan yếu nhất (Bản chất, chức năng ngôn ngữ, hệ thống cấu trúc ngôn ngữ, cơ chế hoạt động ngôn ngữ, các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ trong ngôn ngữ học và liên ngành).. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quan điểm, các trường phái lý luận trong ngôn ngữ học, đặc biệt là lý luận trong thế kỷ 20 và đương đại. Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận và các kỹ năng thường gặp trong ngôn ngữ học

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Giúp học viên hiểu được những lý luận cơ bản (cốt lõi nhất) về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, làm chủ được những khái niệm cơ bản liên quan đến bản chất của ngôn ngữ.
- Giúp học viên nắm được những chức năng, hệ thống- cấu trúc ngôn ngữ.

3.2. Về kỹ năng:

Giúp học viên nắm được những nguyên tắc trong dụng ngôn ngữ và các bước trong quy trình tiếp nhận tri thức và phương pháp phân tích ngôn ngữ.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được bản chất và chức năng ngôn ngữ; Xác định được hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ; Trình bày được cơ chế hoạt động của ngôn ngữ; Xác định được bước đầu phương pháp tiếp cận ngôn ngữ của ngôn ngữ học.
CLO2	Xây dựng được các kỹ năng học và tiếp cận lý luận ngôn ngữ trên lớp, kỹ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng được các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của Việt ngữ học.
CLO3	Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO2			PLO5		PLO6			PLO9	
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	PI9.2
CLO1	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO2	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M

CLO3	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập cá nhân	Tham gia lớp học, thái độ học tập. Chuẩn bị ở nhà cho bài học và báo cáo trên giờ thực hành	R1,2	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Bài tập lớn và kiểm tra giữa kỳ	R4,5	30%	30%	CLO 2 CLO 3
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: tự luận - Thời gian làm bài: 180 phút	R5	50%	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÔN NGỮ 1. Bản chất của ngôn ngữ - Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

	- Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt				
2	2. Nguồn gốc của ngôn ngữ - Nội dung và phạm vi của vấn đề - Một số giả thuyết về nguồn gốc ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
3	3. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt - Khái niệm hệ thống và kết cấu. Bản chất tín hiệu của hệ thống ngôn ngữ - Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,
4	CHƯƠNG 2. NGÔN NGỮ VÀ CHỨC NĂNG GIAO TIẾP 1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất - Ngôn ngữ có bản chất xã hội - Chức năng giao tiếp của ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
5	2. Bản chất của hoạt động giao tiếp - Hoạt động giao tiếp - Phân tích yếu tố của mô hình giao tiếp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3

6	CHƯƠNG 3. QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VỚI TƯ DUY VÀ VĂN HOÁ 1. Ngôn ngữ và tư duy - Đồng nhất ngôn ngữ và tư duy - Tách rời ngôn ngữ và tư duy - Ngôn ngữ và tư duy thống nhất nhưng không đồng nhất	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
7	2. Ngôn ngữ và văn hoá - Lý lẽ về ngôn ngữ quy định văn hoá - Lý lẽ về văn hoá quy định tư duy - Quan hệ biện chứng giữa văn hoá và ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3
8	CHƯƠNG 4. MÔ HÌNH QUAN HỆ NGANG - DỌC TRONG NGÔN NGỮ 1. Các đơn vị chủ yếu trong ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3
9	2. Các kiểu quan hệ chủ yếu trong ngôn ngữ - Khái niệm tầng bậc của hệ thống ngôn ngữ - Các hiện tượng ngôn ngữ trong tầng bậc 3. Vấn đề kết hợp các đơn vị ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
10	CHƯƠNG 5. NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH 1. Ngôn ngữ học đối chiếu 2. Ngôn ngữ học so sánh 3. Ngôn ngữ học so sánh lịch sử	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

11	CHƯƠNG 6. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA NGÔN NGỮ 1. Các loại vận động của ngôn ngữ - Tính nguyên nhân trong sự vận động của ngôn ngữ - Tính tự phát và tính có ý thức trong sự vận động của ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3
12	CHƯƠNG 7. CHUẨN HOÁ NGÔN NGỮ 1. Kế hoạch hoá ngôn ngữ - Quan hệ giữa chính sách ngôn ngữ và kế hoạch hoá ngôn ngữ - Đặc điểm của kế hoạch hoá ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	2. Chuẩn hoá ngôn ngữ - Các loại hình lịch sử trong chuẩn hoá	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
14	- Vấn đề chuẩn hoá ngôn ngữ ở Việt Nam	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
15	Ôn tập	GV Tổ chức ôn tập theo chủ đề	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4,5	CLO 1, 2,3

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thiện Giáp	2008	Giáo trình Ngôn ngữ học	Nxb ĐHQG Hà Nội
2	Đỗ Hữu Châu Bùi Minh Toán	2005	Đại cương Ngôn ngữ học	Nxb ĐHQG Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Ferdinand de Saussure	2005	Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương	Nxb KH Xã hội, Hà Nội
2	Iu. V. Rozdenxtvenxki	1998	Ngôn ngữ học đại cương	Nxb Giáo dục, Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Thư viện Ngôn ngữ học	https://hcmussh.edu.vn/thuvien	12/5/2024
2	Ngôn ngữ học lý thuyết	https://www.ngonnguhoc.org/nghien-cuu/tac-gia-tac-pham/1011-2021-02-02-07-15-51	12/5/2024

9. Năm phê duyệt: 2024**10. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Dương Quốc Cường

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1. Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Kiểm tra tự luận**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168003		
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN		
1.2 Tên tiếng Anh:	Text Linguistics		
1.3 Số tín chỉ:	2		
1.4 Phân bố thời gian:			
- Lý thuyết:	15		
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30		
- Tự học:			
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:			
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:			
1.6 Điều kiện tham gia học phần:			
- Học phần tiên quyết:	Không		
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương		
- Học phần song hành:			
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do		
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương		
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành	
		☐ Kiến thức ngành	
	☐ Kiến thức bổ trợ tự do		
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp		

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngôn ngữ học văn bản ra đời từ những năm 1960 của thế kỷ XX và đã phát triển ngày càng mạnh mẽ cho đến ngày hôm nay, trải qua hai giai đoạn: giai đoạn từ những năm 1960 đến 1975 là giai đoạn của các “ngữ pháp văn bản” và giai đoạn từ năm 1975 đến nay với các tên gọi như “nghiên cứu diễn ngôn”, “phân tích diễn ngôn” với cùng một đối tượng nghiên

cứu là “văn bản” – được hiểu là đơn vị nghĩa trong sử dụng ngôn ngữ. Văn bản phải được nghiên cứu trong tính chỉnh thể của nó. Các hiện tượng là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản được chia thành hai phạm trù lớn: các hiện tượng nằm trong văn bản và các hiện tượng không nằm trong văn bản mà vẫn có quan hệ đến văn bản. Đó là các hiện tượng liên quan đến việc hình thành và giải thích văn bản. Trên cơ sở đó, học phần này tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây: giao tiếp và văn bản, cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, liên kết, mạch lạc, cấu tạo của đoạn văn, một số kiểu văn bản thường dùng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho học viên kiến thức tổng quan và hệ thống về giao tiếp và văn bản cũng như lịch sử ra đời ngôn ngữ học văn bản.
- Cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan và hệ thống về cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, hệ thống về liên kết trong văn bản.

3.2. Về kỹ năng:

Cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan và hệ thống về một số kiểu văn bản thông dụng cũng như một số điều cần lưu ý khi tạo lập và phân tích văn bản.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR học phần (CLO)
CLO1	Giải thích được bản chất của giao tiếp, các mô hình giao tiếp, chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, quan hệ tương liên giữa giao tiếp và văn bản.
CLO2	Trình bày được lịch sử ra đời và đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản, các đặc trưng của văn bản, sự phân loại văn bản, các cách phân tích một văn bản – sản phẩm.
CLO3	Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ.
CLO4	Xác định được bản chất của quy chiếu, các loại quy chiếu và hướng quy chiếu trong văn bản, định nghĩa liên kết, quan hệ giữa quy chiếu và liên kết.
CLO5	Phân tích được các tiêu chí phân loại văn bản, phân biệt các loại văn bản, các khuôn hình văn bản.

5. Mối liên hệ giữa CĐR học phần (CLO) với CĐR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO2			PLO5		PLO6			PLO8	
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI8.1	P8.2
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R

CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Học viên phải tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài kiểm tra giữa kỳ.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Học viên thuyết trình trước lớp: - Học viên được phân nhóm để chuẩn bị thuyết trình trước lớp về một chủ đề là một phần của nội dung chương được cho trước. - Học viên thuyết trình theo nhóm trong mỗi buổi học.	R3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Học viên làm bài kiểm tra giữa kỳ: - Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm tự luận - Học viên làm bài trắc nghiệm tự luận sau khi hoàn tất việc học các chương 1, 2 và 3.	R4,5	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4

Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm khách quan + tự luận	R4,5	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5
--------------	-----------------------	----------------------------------	------	-----	-----	-------------------------

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. GIAO TIẾP VÀ VĂN BẢN 1. Giao tiếp - Giao tiếp với tư cách là đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học - Các mô hình giao tiếp - Phân biệt giao tiếp với thông tin - Chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp 2. Giới thiệu về ngôn ngữ học văn bản - Sự ra đời của ngôn ngữ học văn bản - Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản - Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết - “Văn bản” và “Diễn ngôn” - Phân tích diễn ngôn và phân tích hội thoại	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	3. Văn bản và đặc trưng của văn bản - Định nghĩa văn bản - Các đặc trưng của văn bản - Văn bản là sản phẩm và văn bản là quá trình - Các cách phân tích một văn bản-sản phẩm 4. Phân loại văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	- Phân loại văn bản trong lĩnh vực sáng tác nghệ thuật - Phân loại văn bản trong phong cách chức năng - Phân loại văn bản nói miệng và văn bản viết - Phân biệt đơn thoại với đối thoại - Phân biệt văn bản liên tục và văn bản gián đoạn				
3	CHƯƠNG 2. CẤU TRÚC NỘI DUNG VÀ BỐ CỤC VĂN BẢN 1. Cấu trúc nội dung của văn bản - Từ cấu trúc sự việc đến cấu trúc nội dung của văn bản - Quan hệ giữa cấu trúc nội dung với bố cục của văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2. Cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản có ba phần - Căn cứ xác định từng phần trong văn bản có ba phần - Nội dung của các phần cụ thể trong cấu trúc ba phần của văn bản - Phân tích cấu trúc nội dung của văn bản có ba phần	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN 1. Quy chiếu và liên kết - Quy chiếu ngoại hướng và quy chiếu nội hướng - Quan hệ giữa quy chiếu và liên kết	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

6	2. Liên kết và phương tiện liên kết, phép liên kết - Liên kết - Phương tiện liên kết - Phép liên kết - Vai trò của liên kết đối với cấu trúc nội dung của văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	CHƯƠNG 4. MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN 1. Mạch lạc và việc tạo lập văn bản - Mạch lạc phân biệt với liên kết và vai trò quyết định của mạch lạc trong việc tạo lập văn bản - Định nghĩa “mạch lạc”	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	2. Các biểu hiện của mạch lạc - Mạch lạc trong quan hệ giữa các từ ngữ trong một câu - Mạch lạc trong quan hệ giữa các đề tài-chủ đề của các câu - Mạch lạc trong quan hệ giữa các phần nêu đặc trưng ở những câu có quan hệ nghĩa với nhau - Mạch lạc trong trật tự hợp lý giữa các câu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	- Mạch lạc theo quan hệ ngoại chiếu - Mạch lạc trong quan hệ giữa các hành động nói - Mạch lạc trong quan hệ lập luận - Diễn dịch và quy nạp trong quan hệ với lập luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

10	CHƯƠNG 5. NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH 1. Ngôn ngữ học đối chiếu 2. Ngôn ngữ học so sánh 3. Ngôn ngữ học so sánh lịch sử	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	CHƯƠNG 6. CẤU TẠO CỦA ĐOẠN VĂN 1. Đoạn văn và các kiểu loại văn bản - Xác định đoạn văn - Vị trí của đoạn văn trong cấu tạo hình thức của văn bản 2. Chia tách thành đoạn văn - Hai tác dụng của việc chia tách thành đoạn văn và hai loại đoạn văn xét về mặt cấu tạo - Căn cứ để chia tách thành đoạn văn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	3. Câu đề trong đoạn văn - Câu đề và chức năng của câu đề - Vị trí của câu đề trong đoạn văn 4. Một số cấu trúc trong đoạn văn - Quan hệ cấu trúc bên trong đoạn văn - Một số cấu trúc thường gặp bên trong đoạn văn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
13	CHƯƠNG 6. MỘT SỐ LOẠI VĂN BẢN THÔNG DỤNG NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TẠO LẬP VÀ PHÂN TÍCH VĂN BẢN 1. Vấn đề loại văn bản - Các tiêu chí phân loại văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	- Những điều cần lưu ý về phân loại văn bản trong việc tạo lập văn bản		phối của GV		
14	2. Một số loại văn bản nguyên mẫu thông dụng - Văn bản tự sự - Văn bản miêu tả - Văn bản lập luận - Văn bản giải thích	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	3. Những điều cần lưu ý khi tạo lập và phân tích văn bản - Văn bản là đơn vị nghĩa trong sử dụng ngôn ngữ - Dạng tồn tại của văn bản và loại văn bản - Tính đa dạng và hỗn nhập của văn bản trong thực tế 4. Ôn tập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Diệp Quang Ban	2007	Văn bản	Nxb ĐH Sư phạm Hà Nội
2	Trần Ngọc Thêm	1999	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Nxb ĐH Sư phạm Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Thị Việt Thanh	2001	Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt đại cương	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	O.I.Moskalskaja; Trần Ngọc Thêm dịch	1996	Ngữ pháp văn bản	Nxb Giáo dục, Hà Nội

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHUYÊN ĐỀ

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã chuyên đề:	4168004
Chuyên đề 1	NGÔN NGỮ HỌC KHỐI LIỆU
1.2 Tên tiếng Anh:	Corpus Linguistics
1.3 Số tín chỉ:	3
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS. TS. Trần Hữu Phúc
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	- Ngôn ngữ học đại cương - Phân tích diễn ngôn
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Khối liệu là tập hợp các văn bản hay bộ phận của một loại hình văn bản mà dựa vào đó việc phân tích ngôn ngữ được thực hiện. Ngôn ngữ học khối liệu nghiên cứu ngôn ngữ trên cơ sở khối liệu văn bản. Học phần này trình bày những nội dung cơ bản về khối liệu và ngôn ngữ học khối liệu. Người học nắm và vận dụng kiến thức để lựa chọn, thiết kế khối

liệu phục vụ mục đích nghiên cứu ngôn ngữ. Dựa vào một loại hình khối liệu, người nghiên cứu tìm kiếm các minh chứng phục vụ việc mô tả, phân tích một vấn đề cụ thể của ngôn ngữ nhằm đưa ra những luận giải về vấn đề nghiên cứu. Kiến thức của học phần giúp người học xây dựng một khối liệu nghiên cứu đảm bảo về dung lượng và sự đa dạng, đại diện cho phong cách của loại hình diễn ngôn nghiên cứu. Từ đó mô tả, phân tích dữ liệu tìm thấy về loại diễn ngôn, đối sánh với khối liệu tham khảo; sử dụng các phần mềm để truy xuất khối lượng lớn dữ liệu của khối liệu.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về diễn ngôn và khối liệu
- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học khối liệu, xu hướng mới nghiên cứu ngôn ngữ dựa trên khối liệu nghiên cứu và khối liệu tham khảo
- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về việc xây dựng khối liệu đảm bảo về dung lượng, nội dung, tính cân bằng, tính đại diện cho loại hình diễn ngôn phục vụ một vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ cụ thể

3.2. Về kỹ năng:

- Giúp người học vận dụng kiến thức để thực hiện các công cụ phân tích diễn ngôn bao gồm tính phù hợp, các cấu trúc kết hợp, danh mục từ, từ khóa, tần suất sử dụng từ trong diễn ngôn, mức độ phân tán.
- Trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản để sử dụng được các phần mềm chuyên dụng phục vụ nghiên cứu phân tích khối liệu diễn ngôn

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được các khái niệm về diễn ngôn, khối liệu và ngôn ngữ học khối liệu, những thuận lợi của hướng tiếp cận khối liệu trong phân tích diễn ngôn.
CLO2	Phân tích được mục đích sử dụng các loại khối liệu chuyên biệt khác nhau trong nghiên cứu ngôn ngữ, sử dụng khối liệu nghiên cứu và khối liệu tham khảo.
CLO3	Đánh giá được các thành tố cơ bản của việc thiết kế khối liệu, quá trình xây dựng khối liệu phục vụ mục đích nghiên cứu một vấn đề ngôn ngữ cụ thể.
CLO4	Sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu về vấn đề nghiên cứu thông qua một khối liệu cụ thể.

CLO5	Khái quát hóa được bản chất của vấn đề nghiên cứu qua những kết quả được tìm thấy từ khối liệu để đi đến kết luận về đối tượng ngôn ngữ được nghiên cứu bằng phương pháp phân tích khối liệu.
------	---

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO3		PLO5			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI7.1	P7.3
CLO1	I	-	I	-	R	I	I	-	R	I
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	I	-
CLO3	-	R	R	-	R	R	R	M	R	R
CLO4	I	-	M	R	-	-	M	-	I	M
CLO5	R	R	M	R	R	M	M	M	R	R
Học phần	I	R	M	R	R	R	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Học viên phải tham gia thảo luận, thuyết trình, làm bài kiểm tra giữa kỳ.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Thuyết trình và thảo luận - Làm việc theo nhóm	R3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập cá nhân	Các bài tập đánh giá do GV đưa ra	R4	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Sinh viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: Thi viết - Thời gian làm bài: 60 phút	R5	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU 1. Ngôn ngữ học khối liệu - Diễn ngôn - Các mô hình giao tiếp - Sự thay đổi thời kỳ hậu cấu trúc luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	3. Thuận lợi của hướng tiếp cận khối liệu trong phân tích diễn ngôn - Hạn chế xu hướng chủ quan của người nghiên cứu - Hiệu quả trong phân tích diễn ngôn - Khắc phục hạn chế - Tam giác luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG KHỐI LIỆU 1. Giới thiệu 2. Các loại hình khối liệu 3. Thu thập dữ liệu - Dò tìm từ khóa - Diễn ngôn nói	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	- Diễn ngôn trực tuyến - Xin phép tác quyền 4. Chú giải 5. Sử dụng khối liệu tham chiếu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. TẦN SUẤT VÀ ĐỘ PHÂN TÁN 1. Giới thiệu 2. Bài tham khảo “Join the club”	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,4	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
6	3. Cách tính tần suất 4. Tìm hiểu ngữ đoạn 5. Các cấp độ phân tán 6. So sánh các loại hình tần suất	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	CHƯƠNG 4. CẤU TRÚC KẾT HỢP 1. Giới thiệu 2. Tìm hiểu các diễn ngôn về chủ đề “refugees” 3. Phân loại cấu trúc kết hợp 4. Phân tích các thành tố khác	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	5. Ưu thế ngữ nghĩa và ngôn điệu của diễn ngôn 6. Các vấn đề liên quan 7. Hướng dẫn từng bước phân tích cấu trúc kết hợp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	CHƯƠNG 5. LIÊN KẾT 1. Giới thiệu 2. Suy luận liên kết 3. Nhận diện diễn ngôn từ các liên kết	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	4. Diễn ngôn hạn định 5. Mạng lưới các liên kết 6. Hướng dẫn từng bước phân tích liên kết	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

11	CHƯƠNG 6. ĐỐI SÁNH TỪ KHÓA 1. Ôn lại tần suất 2. Giới thiệu về đối sánh từ khóa 3. Phân tích từ khóa 4. Sử dụng khối liệu đối sánh	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	5. Các liên kết từ khóa 6. Các phạm trù từ khóa 7. Các ứng dụng khả hữu về từ khóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
13	CHƯƠNG 7. LIÊN KẾT NGỮ NGHĨA 1. Giới thiệu 2. Danh hóa - Tìm hiểu các liên kết ngữ pháp - Các dạng thức liên kết ngữ pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	3. Tình thái 4. Quy kết 5. Ẩn dụ 6. Định hướng nghiên cứu về sau	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	Ôn tập			R2,4,5	CLO 3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Baker, P.	2006	<i>Using Corpora in Discourse Analysis</i>	London: Continuum Discourse Series
2	Aijmer, K. and Altenberg, B. (eds)	1991	<i>English Corpus Linguistics: Studies in Honour of Jan Svartvik.</i>	London: Longman
Sách, giáo trình tham khảo				

1	Meyer, F. C.	2004	<i>English Corpus Linguistics</i>	Cambridge University Press
2	Hunston, S	2002	<i>Corpora in Applied Linguistics</i>	Cambridge University Press

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Trần Hữu Phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Đánh giá tiểu luận

R5. Kiểm tra tự luận

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168005
Tên học phần:	NGỮ DỤNG HỌC
1.2 Tên tiếng Anh:	Pragmatics
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS. TS. Trần Hữu Phúc
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Xuất hiện từ thập niên 1930, Ngữ dụng học (NDH) đã nhanh chóng trở thành một bộ môn được nghiên cứu rộng rãi trong Ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt trong ngành Ngôn ngữ học

ứng dụng. Trọng tâm nghiên cứu của NDH bao gồm các đường hướng và phương pháp giao tiếp giúp người học hiểu và sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả trong các ngữ cảnh tình huống khác nhau. Phạm vi ứng dụng của NDH bao gồm các lĩnh vực như dạy và học ngoại ngữ, giao tiếp liên ngôn ngữ, liên văn hóa, sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hằng ngày giữa những thành viên trong cùng một cộng đồng. Do vậy, học phần NDH không những giúp người nghiên cứu, người học và người dạy hiểu rõ hơn bản chất hành chức của ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh tình huống khác nhau mà còn mở đường cho các lĩnh vực nghiên cứu hữu quan khác liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về một số khái niệm về ngữ nghĩa học, cú pháp học trong mối tương quan với ngữ dụng học.
- Cung cấp cho học viên kiến thức về một số định nghĩa về các yếu tố chỉ xuất như yếu tố chỉ xuất về người, về không gian, về thời gian và mối tương quan giữa những yếu tố chỉ xuất này với lịch sử ngôn ngữ.
- Cung cấp cho học viên kiến thức về một số định nghĩa liên quan đến tiền giả định, các loại tiền giả định và quan hệ kéo theo.
- Trang bị cho học viên kiến thức của vấn đề phóng chiếu
- Cung cấp cho học viên kiến thức về quan hệ kéo theo định tự
- Cung cấp cho học viên kiến thức về khái niệm nguyên tắc hợp tác hội thoại.
- Cung cấp cho học viên kiến thức về khái niệm hàm ý hội thoại, các loại hàm ý hội thoại, tính chất của hàm ý hội thoại và hàm ý quy ước.
- Cung cấp cho học viên kiến thức về khái niệm hành động lời nói, phương tiện ngôn ngữ thể hiện hành động ngôn ngữ trung, điều kiện thuận ngôn, giả thiết ngữ vi và sự phân loại hành động lời nói.
- Cung cấp cho học viên kiến thức về khái niệm sự kiện lời nói .

3.2. Về kỹ năng:

- Cung cấp cho học viên kiến thức về lịch sử, lịch sử trong hành động lời nói, khái niệm về thể diện, các loại thể diện, khái niệm về lịch sử hướng nội và hướng ngoại và phương tiện ngôn ngữ rào đón.
- Trang bị cho học viên kiến thức về Ngữ dụng học giao văn hóa và những giá trị văn hóa khác nhau.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hiểu được bản chất ngữ nghĩa học, cú pháp học trong mối tương quan với ngữ dụng học.
CLO2	Giải thích và đánh giá hành động lời nói, phương tiện ngôn ngữ thể hiện hành động ngôn ngữ trung, điều kiện thuận ngôn, giả thiết ngữ vi và sự phân loại hành động lời nói, những sự kiện lời nói.
CLO3	Áp dụng kiến thức về tiền giả định, và quan hệ kéo theo, nội dung của vấn đề phóng chiếu; quan hệ kéo theo định tự.
CLO4	Phát triển kiến thức về ngữ dụng học giao văn hóa để có thể áp dụng vào những công trình nghiên cứu về đối chiếu ngôn ngữ

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO2			PLO3		PLO6			PLO8	
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.1	PI3.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI8.1	P8.2
CLO1	I	-	I	-	R	I	I	-	R	I
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	I	R
CLO3	-	R	R	-	R	R	R	M	R	R
CLO4	I	R	M	R	R	R	M	M	I	M
Học phần	I	R	M	R	R	R	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải:

- Tham dự đầy đủ các buổi học
- Tham gia chuẩn bị bài học, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình theo nhóm và thảo luận trong giờ học
- Làm bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ
- Làm bài kiểm tra viết kết thúc môn học

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Khả năng làm việc theo nhóm, thuyết trình và thảo luận	R1,2,3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm	R4	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4

Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	- Kiểm tra cuối kỳ theo kỳ thi viết chung. - Thời gian làm bài: 40 phút	R5	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5
--------------	-----------------------	--	----	-----	-----	-------------------------

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU 1. 1. Các khái niệm 1.1.1. Cú pháp học 1.1.2. Ngữ nghĩa học 1.1.3. Ngữ dụng học 1.2. Chuẩn mực xã hội và Ngữ dụng học 1.2.1. Tính quy chuẩn 1.2.2. Sự ra đời của ngành Ngữ dụng học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	CHƯƠNG 2. CHIẾU VẬT VÀ CHỈ XUẤT 2. 1. Chỉ xuất và các loại chỉ xuất 2.1.1. Định nghĩa chỉ xuất 2.1.2. Chỉ xuất về người 2.1.3. Chỉ xuất về không gian 2.1.4. Chỉ xuất về thời gian 2.2. Chỉ xuất và ngữ pháp 2.2.1. Biểu thức chỉ xuất 2.2.2. Khoảng cách chỉ xuất 2.2.3. Chỉ xuất và ý định của người nói	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 3. QUY CHIẾU VÀ LẬP LUẬN 3.1. Quy chiếu và lập luận 3.1.1. Quy chiếu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	3.1.2. Biểu thức quy chiếu 3.1.3. Lập luận 3.1.4. Tên và chiếu vật 3.1.5. Tầm quan trọng của chiếu vật 3.2. Các loại quy chiếu 3.2.1. Hồi chỉ 3.2.2. Khứ chỉ 3.2.3. Hồi chỉ trống		điều phối của GV		
4	CHƯƠNG 4. TIỀN GIẢ ĐỊNH VÀ KÉO THEO 4.1. Tiền giả định 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Các loại tiền giả định 4.2. Kéo theo 4.2.1. Định nghĩa 4.2.2. Các loại quan hệ kéo theo	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 5. HỢP TÁC VÀ HÀM Ý HỘI THOẠI 5.1. Nguyên tắc hợp tác – 4 phương châm 5.1.1. Lượng 5.1.2. Chất 5.1.3. Quan hệ 5.1.4. Cách thức 5.1.5. Rào đón trong hội thoại	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	CHƯƠNG 6. HÀNH ĐỘNG LỜI NÓI VÀ SỰ KIẾN 6.1. Hành động lời nói 6.1.1. Khái niệm hành động lời nói 6.1.2. Lực ngôn trung 6.1.3. Những phương tiện biểu thị lực ngôn trung 6.1.4. Những điều kiện thuận ngôn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

7	6.2. Phân loại hành động lời nói theo chức năng 6.2.1. Hành động tuyên bố 6.2.2. Hành động trình bày 6.2.3. Hành động biểu cảm 6.2.4. Hành động khuyến lệnh 6.2.5. Hành động cam kết	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4
8	6.3. Phân loại hành động lời nói theo cấu trúc 6.3.1. Hành động lời nói trực tiếp 6.3.2. Hành động lời nói gián tiếp 6.4. Sự kiện lời nói	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
9	CHƯƠNG 7. LỊCH SỰ VÀ GIAO TIẾP 7.1. Lịch sự 7.1.1. Nhu cầu thể diện 7.1.2. Thể diện hướng nội và hướng ngoại 7.1.3. Lịch sự hướng nội và hướng ngoại	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	7.2. Những chiến lược lịch sự lời nói 7.2.1. Những chiến lược lịch sự hướng nội và hướng ngoại 7.2.2. Chiến lược trực ngôn 7.2.3. Chiến lược gián ngôn ước lệ 7.2.4. Chiến lược gián ngôn phi ước lệ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
11	CHƯƠNG 8. HỘI THOẠI VÀ CẤU TRÚC HỘI THOẠI 8.1. Hội thoại 8.1.1. Hành động trao lời 8.1.2. Hành động trao đáp 8.1.3. Tương tác hội thoại	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4

12	8.2. Cặp kể cận 8.2.1. Thành phần đầu tiên của cặp kể cận 8.2.2. Thành phần thứ hai của cặp kể cận 8.2.3. Cặp kể cận chêm xen	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	8.3. Cấu trúc hội thoại 8.3.1. Hành động lời nói - Hồi đáp hưởng ứng 8.3.2. Hành động lời nói - Hồi đáp không hưởng ứng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	CHƯƠNG 9. NGŨ DỤNG HỌC GIAO VĂN HÓA VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA KHÁC NHAU 9.1. Tính cá nhân 9.1.1. Tính cá nhân trong các nền văn hóa khác nhau 9.1.2. Tính tự phát, tính tự chủ, và sự thay đổi lượt lời trong những nền văn hóa khác nhau 9.1.3. Tính cá nhân tự phát và tính cá nhân quy chuẩn trong những nền văn hóa khác nhau	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
15	9.2. Tính trực ngôn 9.2.1. Tính trực ngôn trong văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây 9.2.2. Tính gián ngôn trong văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây Ôn tập	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			

1	Đỗ Hữu Châu, Đỗ Việt Hùng	2007	Giáo trình Ngữ dụng học	Nxb ĐH Sư phạm Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Đức Dân	1998	Ngữ dụng học, Tập 1-2	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	Hồ Thị Kiều Oanh	2014	Một số phương tiện ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự trong giao tiếp lời nói bằng tiếng Anh và tiếng Việt - Hành động ngôn ngữ giúp đỡ	Nhà xuất bản Đại học Huế

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Trần Hữu Phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168006		
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG		
1.2 Tên tiếng Anh:	FUNCTIONAL LINGUISTICS		
1.3 Số tín chỉ:	2		
1.4 Phân bố thời gian:			
- Lý thuyết:	15		
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30		
- Tự học:			
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:			
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Phan Văn Hòa		
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:			
1.6 Điều kiện tham gia học phần:			
- Học phần tiên quyết:	Không		
- Học phần học trước:	Không		
- Học phần song hành:			
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do		
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương		
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành	
		☐ Kiến thức ngành	
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do	
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp		

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngôn ngữ học chức năng (NNNCN) gắn liền và có vai trò then chốt trong lịch sử ngôn ngữ học (NNH). NNHCN là khuynh hướng mới trong ngôn ngữ học. Trong những năm 50 thế kỷ 20, trường phái ngôn ngữ học chức năng ra đời. Sau đó là NNHCN - một khuynh hướng mà Halliday là đỉnh cao. Lý thuyết này một mặt tổng hợp được các thành tựu nghiên cứu ngôn ngữ học suốt dòng lịch sử: Đó là sự thống nhất giữa ngữ nghĩa và cấu trúc qua chức năng ngôn ngữ, lấy nghĩa làm nền tảng. Trong cuốn sách tiêu biểu cho ngôn ngữ chức năng

An Introduction to Functional Grammar của Halliday, chúng ta vấn đề cốt lõi là nghĩa, qua ba loại mệnh đề: *Nghĩa văn bản* trong mệnh đề như một thông điệp. *Nghĩa liên nhân* trong mệnh đề như một trao đáp và *nghĩa kinh nghiệm* hay nghĩa nội dung trong mệnh đề như một biểu hiện. NPCN xem kiến trúc ngôn ngữ từ kinh nghiệm thực tiễn là nguồn mạch sản sinh ra nghĩa giao tiếp. Bởi vậy, NPCN bao trùm tất cả các lĩnh vực của ngôn ngữ học. Bộ môn NPCN gọi lại một diễn trình lịch sử ngôn ngữ học vừa khám phá tính tạo nghĩa trong toàn hệ thống ngôn ngữ và chiến lược sử dụng ngôn ngữ. Đây là mục tiêu bao trùm của học phần dành cho học viên cao học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho người học quá trình hình thành và phát triển của NNHCN. Sau đó, chủ yếu giới thiệu những khái niệm cơ bản về NPCN như: ngữ pháp và ngữ pháp học, nghĩa, chuyển tác... Dẫn dắt người học nhận diện sơ lược quá trình phát triển của ngôn ngữ, của ngôn ngữ học và NNHCN. Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ pháp học thông qua một số định nghĩa như cấu trúc, cấu trúc ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ và lời nói, nội hàm của ngữ pháp.

Xác định vai trò khối liệu trong nghiên cứu ngôn ngữ

- Cung cấp bằng dẫn chứng 3 cơ chế Hình vị, Chữ viết và Từ vựng - ngữ pháp của Halliday để minh họa

- Cung cấp kiến thức cho người học một cách hệ thống về NPCN

- Định hướng phân tích ngữ pháp

- Cung cấp cho người học các hệ thống khái niệm mang tính nền tảng của Ngữ pháp chức năng như ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ pháp chức năng, và 3 loại nghĩa trong 3 loại mệnh đề

- Cung cấp cho người học hệ thống ngữ pháp chức năng, trong đó giới thiệu người đứng đầu lý thuyết là Halliday. Làm học viên hiểu Mệnh đề như một thông điệp

3.2. Về kỹ năng:

- Cung cấp cho học viên kiến thức về lịch sử, lịch sử trong hành động lời nói, khái niệm về thể diện, các loại thể diện, khái niệm về lịch sử hướng nội và hướng ngoại và phương tiện ngôn ngữ rào đón.

- Trang bị cho học viên kiến thức về Ngữ dụng học giao văn hóa và những giá trị văn hóa khác nhau.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm cho người học nhận thức rõ về tính hệ thống trong ngữ pháp chức năng khác với tính cấu trúc trong ngôn ngữ học cấu trúc; phân biệt các khái niệm hình thức khác với chức năng; làm cho người học nhận ra cơ chế tạo nghĩa trong ngôn ngữ; và đưa họ đến nhận biết các chiến lược giao tiếp. Làm cho học viên hiểu Mệnh đề như một trao đáp.

Cung cấp cho người học phương pháp phân tích và nghiên cứu ngôn ngữ; dựa trên các loại hình văn bản khác nhau, nhất là văn bản văn học, phân tích nghiên cứu để cảm thụ.

- Làm cho người học nhận ra sự khác biệt trong hai hệ thống ngôn ngữ: tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài tiếng Anh, làm cho người học biết cách phân tích sâu về tiếng Việt để cảm thụ, sáng tạo và đánh giá. Làm cho người học yêu mến tiếng Việt trên những cơ sở họ nhận diện tính tuyệt vời của ngôn ngữ Việt khi phân tích tiếng Anh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Hệ thống được khái niệm cơ bản về NNCN, quá trình phát triển của ngôn ngữ học chức năng, ngữ pháp học qua một số định nghĩa như cấu trúc, cấu trúc ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ và lời nói, nội hàm của ngữ pháp, vai trò khối liệu trong nghiên cứu ngôn ngữ.
CLO2	Xác định được hệ thống về ngữ pháp học; các lý thuyết ngôn ngữ: Ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học hành vi, ngôn ngữ học tạo sinh và ngôn ngữ học chức năng; nghĩa văn bản trong mệnh đề như một thông điệp.
CLO3	Xác định được các hệ thống khái niệm mang tính nền tảng của Ngữ pháp chức năng như ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ pháp chức năng, và 3 loại nghĩa trong 3 loại mệnh đề; sự khác biệt của ngữ pháp chức năng với các lý thuyết ngôn ngữ khác ở bình diện ngữ pháp; nghĩa kinh nghiệm trong mệnh đề như một sự biểu hiện qua 6 diễn trình: diễn trình vật chất, diễn trình tinh thần, diễn trình quan hệ, diễn trình phát ngôn, diễn trình hành vi và diễn trình tồn tại.
CLO4	Ứng dụng ngữ pháp chức năng, Đối chiếu và nhận ra sự giống nhau và khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh
CLO5	Ứng dụng phương pháp phân tích và nghiên cứu ngôn ngữ qua phân tích để tìm hiểu ngữ pháp chức năng; Xác định được các loại hình văn bản khác nhau, nhất là văn bản văn học, phân tích nghiên cứu để cảm thụ; Phân tích văn bản thông thường để ứng dụng, và phân tích các loại hình văn bản phức tạp để hiểu biết sâu sắc và đánh giá

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO3		PLO6			PLO9	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	P9.3
CLO1	I	I	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	R	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	I	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	R	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	I	R	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Tham gia 100% các buổi học và các hoạt động học tập
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu cứng theo yêu cầu.
- 100 % tham gia kỳ kiểm tra tại lớp, phải làm bài tập nghiên cứu và nộp đúng hạn

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Thuyết trình và thảo luận - Làm việc theo nhóm	R2,3	20%	20%	1,2
Thành phần 2	Kiểm tra giữa kỳ	Thi trắc nghiệm 30' tại lớp	R4	30%	30%	2,3,4
Thành phần 3	Thi	Thi tự luận	R5	50%	50%	4,5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. KIẾN TRÚC NGÔN NGỮ 1. 1. Văn bản và ngữ pháp 1.2. Âm vị học và cú pháp học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.3. Những khái niệm cần yếu 1.4. Ngữ pháp chức năng trong nghiên cứu ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 2. NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG (FUNCTIONAL GRAMMAR) 2. 1. Hướng tới cách tiếp cận mới trong phân tích ngữ pháp (Towards grammatical analysis) 2.2. Từ vựng – ngữ pháp (The lexical – grammar cline)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

4	2.3. Ngữ pháp hóa (Grammaticalization) 2.4. Ngữ pháp và khối liệu (Grammar and the corpus) 2.5. Loại và chức năng (Classes and functions)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo l luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. MỆNH ĐỀ NHƯ MỘT THÔNG điệp (CLAUSE AS MESSAGE) 3.1. Đề và Thuyết (Theme and Rheme) 3.2. Các phức thể cụm từ có chức năng Đề; các thành phần tương đương chức năng Đề (Group or phrase complexes as Theme; thematic equatives) 3.3. Đề và Thức (Theme and Mood)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo l luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	3.4. Các loại Đề văn bản, liên nhân và chủ đề (Textual, interpersonal and topical Themes) 3.5. Đơn vị thông tin: Cái đã biết và cái mới (The information Unit: Given + New) 3.6. Cái đã biết + Cái mới và Đề + Thuyết (Given+ New and Theme + Rheme)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo l luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	3.7. Đề được vị hóa (Predicated themes) 3.8. Đề trong mệnh đề giới hạn, tối thiểu và tỉnh lược (Theme in bound, minor and elliptical clauses) 3.9. nhìn vào các trường hợp tiếng Việt (A glance at Vietnamese cases)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo l luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4

8	CHƯƠNG 4. MỆNH ĐỀ NHƯ SỰ TRAO ĐÁP (CLAUSE AS EXCHANGE) 4.1. Bản chất của hội thoại (The nature of dialogue) 4.2. Cấu trúc thức và phần dư (The structure of Mood and Residue)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	4.3. Tình thái như là hệ thống (Mood as system) 4.4. Mệnh đề như là chủ ngữ (Clause as Subject) 4.5. Nhìn vào những trường hợp của tiếng Việt (A glance at Vietnamese cases)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	CHƯƠNG 5. MỆNH ĐỀ NHƯ LÀ SỰ BIỂU HIỆN (CLAUSE AS REPRESENTATION) 5.1. Mô hình hóa kinh nghiệm về sự thay đổi (Modelling experience of change) 5.2. Diễn trình vật chất (Material process) 5.3. Diễn trình tinh thần (Mental process) 5.4. Diễn trình quan hệ (Relational process)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	5.5. Diễn trình hành vi (Behavioural process) 5.6. Diễn trình phát ngôn (Verbal process) 5.7. Diễn trình tồn tại (Existential process)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	5.8. Phân loại động từ trong tiếng Việt (Classifications of	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

	verbs in the Vietnamese language) 5.9. Hệ thống khái niệm liên quan đến các diễn trình và nghĩa kinh nghiệm trong tiếng Anh và tiếng Việt (The system of concepts relating Processes and experiential meaning in English and Vietnamese)		luyện theo hướng dẫn và điều phối của GV		
13	CHƯƠNG 6. TRÊN, DƯỚI VÀ NGOÀI MỆNH ĐỀ (ABOVE, BELOW AND BEYOND THE CLAUSE) 6.1. Dưới mệnh đề: Nhóm từ và cụm từ cố định (Below the clause: Groups and phrases) 6.2. Trên mệnh đề: Phức thể mệnh đề (Above the clause: The clause complex) 6.3. Chung quanh mệnh đề (Around the clauses)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	CHƯƠNG 7. NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT (FUNCTIONAL GRAMMAR IN ENGLISH AND IN VIETNAMESE) 7.1. Ngữ pháp chức năng trong tiếng Việt (Functional Grammar in Vietnamese) 7.2. Ứng dụng ngữ pháp chức năng trong phân tích văn bản: Hiểu, đánh giá và sáng tạo văn bản (Applying Functional Grammar to Discourse Analysis: Understanding, evaluating and creating)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	Kiểm tra và làm bài nghiên cứu (Test and Research)	GV tổ chức kiểm tra	Học viên làm bài nghiên cứu	R2,4	CLO 3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	M.A.K Halliday	2004	<i>An Introduction to Functional Grammar</i> (Third Edition)	Hodder Arnold, Britain
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Hoang Van Van	2012	An Experiential Grammar of the Vietnamese Clause	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	George Yule	2010	The Study of Language, (Fourth Edition)	Cambridge University Press

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Phan Văn Hòa

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

R5. Kiểm tra tự luận

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168007
Tên học phần:	LOẠI HÌNH HỌC NGÔN NGỮ
1.2 Tên tiếng Anh:	Linguistic Typology
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chinh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Môn Loại hình học ngôn ngữ cung cấp cho học viên chuyên ngành Ngôn ngữ học đối chiếu các kiến thức cơ bản về loại hình học (đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu...), các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại các loại hình ngôn ngữ, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), phổ niệm ngôn ngữ (khái niệm phổ niệm ngôn ngữ, các loại phổ niệm ngôn ngữ) đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ đơn lập nói chung và của tiếng Việt nói riêng (về mặt ngữ âm, cấu tạo từ, từ loại, cú pháp). Đồng thời, môn học cũng trang bị cho

sinh viên các kỹ năng và phương pháp phân tích, mô tả, đối chiếu đặc điểm loại hình của các ngôn ngữ và của tiếng Việt để vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho học viên kiến thức chung về loại hình học ngôn ngữ.
- Trang bị cho học viên kiến thức về cơ sở phân loại các loại hình ngôn ngữ, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ.

3.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng kiến loại hình học của các ngôn ngữ vào vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Xác định được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của loại hình học, ý nghĩa của việc nghiên cứu loại hình học, và các hướng nghiên cứu chính trong loại hình học.
CLO2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về phân loại các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), các cách phân loại của loại hình học cổ điển và loại hình học hiện đại (quan niệm, tiêu chí, kết quả phân loại, ưu điểm và hạn chế).
CLO3	Giải thích được khái niệm, đặc điểm, cách thức biểu hiện và phương pháp xây dựng phổ niệm ngôn ngữ; khái niệm, đặc điểm loại hình ngôn ngữ đơn lập (trong sự phân biệt với các loại hình khác); đặc điểm loại hình cơ bản của tiếng Việt và vị trí của tiếng Việt trong loại hình ngôn ngữ đơn lập.
CLO4	Vận dụng các kiến thức, đặc điểm về loại hình ngôn ngữ, các tiêu chí phân loại, phổ niệm ngôn ngữ để phân tích, mô tả và đối chiếu đặc điểm của các ngôn ngữ cụ thể, và đặc điểm loại hình của tiếng Việt vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ
CLO5	So sánh được tính thống nhất và đa dạng về mặt loại hình của ngôn ngữ, sự khác biệt về loại hình của các ngôn ngữ để có thể chống lại thái độ kỳ thị với các ngôn ngữ thuộc loại hình khác, qua đó bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn những đặc trưng vốn có của tiếng Việt, đồng thời

	cũng biết cách tiếp nhận, đồng hóa đặc điểm của các ngôn ngữ khác để làm cho tiếng Việt thêm phong phú, giàu khả năng biểu hiện.
--	--

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO2			PLO3		PLO6			PLO9	
	PI2.1	PI2.2	PI2.3	PI3.2	PI3.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	PI9.3
CLO1	I	I	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	I	R	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	I	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	I	R	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	I	R	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Chủ động thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (học viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Chuyên cần - Tham gia hoạt động tại lớp	R1,2	20%	20%	CLO 1,2,3
Thành phần 2	Bài tiểu luận cá nhân	Thuyết trình	R3	30%	30%	CLO 2,3,4
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	- Học viên thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận trên giấy - Thời gian làm bài: 70'	R5	50%	50%	CLO 3,4,5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. Khái lược về loại hình học ngôn ngữ: sự ra đời, phát triển, các khuynh hướng nghiên cứu 1. 1. Khái lược về loại hình học ngôn ngữ 1.1.1. Nhiệm vụ nghiên cứu của loại hình học 1.1.2. Phương pháp nghiên cứu của loại hình học 1.1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu loại hình học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.2. Sự ra đời và phát triển của loại hình học 1.2.1. Bối cảnh xuất hiện của loại hình học cổ điển 1.2.2. Loại hình học cổ điển thế kỷ XIX	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	1.2. Sự ra đời và phát triển của loại hình học (tt) 1.2.3. Loại hình học đầu thế kỷ XX	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	1.3. Các khuynh hướng của loại hình học hiện đại. 1.3.1. Khuynh hướng loại hình học định tính	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	1.3. Các khuynh hướng của loại hình học hiện đại (tt) 1.3.2. Khuynh hướng loại hình học định lượng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,4	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
6	CHƯƠNG 2. Các loại hình ngôn ngữ: hình thái (hòa kết, chấp dính, lập khuôn, đơn lập; Cú pháp: hình thái cách, trật tự từ, kết cấu cú pháp 2.1. Khái niệm loại hình ngôn ngữ 2.1.1. Khái niệm loại hình ngôn ngữ 2.1.2. Tiêu chí phân loại các loại hình ngôn ngữ 2.1.3. Các cách phân loại loại hình ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	2.2. Loại hình học hình thái 2.2.1. Loại hình ngôn ngữ hoà kết 2.2.2. Loại hình ngôn ngữ chấp dính	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	2.2. Loại hình học hình thái (tt) 2.2.3. Loại hình ngôn ngữ lập khuôn 2.2.4. Loại hình ngôn ngữ đơn lập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	2.3. Loại hình học cú pháp 2.3.1. Các loại hình hình thái cách 2.3.1. Các loại hình trật tự từ 2.3.3. Loại hình các kết cấu cú pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

10	CHƯƠNG 3. Loại hình ngôn ngữ đơn lập, đặc điểm loại hình tiếng Việt 3.1. Loại hình ngôn ngữ đơn lập 3.1.1. Các quan niệm về loại hình ngôn ngữ đơn lập 3.1.2. Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	3.1. Loại hình ngôn ngữ đơn lập (tt) 3.1.3. Các tiểu loại hình ngôn ngữ đơn lập 3.2. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt 3.2.1. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt 3.2.2. Vị trí của tiếng Việt trong loại hình ngôn ngữ đơn lập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	3.2. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt (tt) 3.2.3. Những vấn đề đang tranh luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
13	CHƯƠNG 4. Phở niệm và các loại phở niệm ngôn ngữ 4.1. Vấn đề các phở niệm ngôn ngữ 4.1.1. Khái niệm phở niệm ngôn ngữ 4.1.2. Phương pháp xây dựng các phở niệm ngôn ngữ 4.1.3. Quan hệ giữa phở niệm ngôn ngữ và loại hình ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

14	4.2. Các loại phổ niệm ngôn ngữ 4.2.1. Tiêu chí phân loại các phổ niệm ngôn ngữ 4.2.2. Các loại phổ niệm ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	4.2. Các loại phổ niệm ngôn ngữ (tt) 4.2.3. Cách trình bày các loại phổ niệm ngôn ngữ Ôn tập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lindsay J. Whaley	1997	<i>Introduction to Typology</i>	Sage Publications
2	Xtankievich N.V	1982	<i>Loại hình các ngôn ngữ</i>	Nxb ĐH&THCN
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Lê Quang Thiêm	2005	<i>Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ</i>	Nxb ĐH Quốc gia, Hà Nội
2	Nguyễn Quang Hồng	2002	<i>Âm tiết và loại hình ngôn ngữ</i>	Nxb ĐH Quốc gia, Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Ngọc Chinh

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

- R1.Đánh giá chuyên cần**
- R2. Đánh giá hoạt động**
- R3. Đánh giá thuyết trình**
- R4. Kiểm tra trắc nghiệm**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168007
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI
1.2 Tên tiếng Anh:	Sociolinguistics
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Trần Quang Hải
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Ngôn ngữ học xã hội cung cấp cho học viên (1) những kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học xã hội như bối cảnh ra đời, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, phương pháp nghiên cứu; (2) các khái niệm cơ bản như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, v.v....; (3) kế hoạch và chính sách ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang

bị cho học viên các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội để ứng dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Hiểu được những vấn đề đặt ra đối với ngôn ngữ học xã hội hiện đại và vận dụng vào tình hình nghiên cứu ngôn ngữ học ở Việt Nam.
- Lý giải được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và cấu trúc xã hội.

3.2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp một số tài liệu cơ bản về ngôn ngữ học xã hội.
- Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo và trình bày quan điểm về một vấn đề ngôn ngữ học xã hội

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được vai trò của các nhân tố xã hội trong lựa chọn ngôn ngữ.
- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Phân tích được lịch sử ra đời và nhiệm vụ của Ngôn ngữ học xã hội.
CLO2	Giải thích được các khái niệm liên quan đến nội dung của môn học như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, v.v....
CLO3	Lý giải được một số mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và cấu trúc xã hội.
CLO4	Phát triển kỹ năng, thao tác để tiến hành một nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội ở mức độ trung bình.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO4			PLO6		PLO8			PLO9	
	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI6.2	PI6.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	P9.3
CLO1	I	I	I	-	-	R	I	-	-	-
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	I	-	M	R	-	R	M	M	-	R
CLO4	R	R	M	R	M	M	M	M	R	R
Học phần	I	R	M	R	M	M	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Học viên phải đảm bảo dự giờ trên lớp 80% số tiết học
- Học viên phải tham gia bài kiểm tra giữa môn học (30% tổng số điểm toàn môn học).
- Tham gia bài thi hết môn học.
- Điểm đạt: tối thiểu từ 5 điểm.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Chuyên cần ít nhất 80% số giờ học - Tham gia thảo luận, trình bày bài theo yêu cầu của GV	R1,2	20%	20%	1,2
Thành phần 2	Bài thi giữa kỳ	- Kiểm tra giữa kỳ - Thời gian làm bài: 45-60 phút	R4	30%	30%	2,3
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	- Học viên thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận trên giấy	R5	50%	50%	2,3,4

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1. 1. Tổng quát về Ngôn ngữ học xã hội 1.2. Biến thể. Cộng đồng giao tiếp. Mạng xã hội	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

2	1.3. Cảnh huống ngôn ngữ 1.4. Thái độ ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 2. ĐA NGỮ XÃ HỘI 2.1. Đa ngữ xã hội và Đa thể ngữ 2.2. Tiếp xúc ngôn ngữ và Vay mượn từ vựng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.3. Giao thoa ngôn ngữ và Lai tạp ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. PHƯƠNG NGỮ (1) 3.1. Phương ngữ địa lý 3.2. Phương ngữ xã hội	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	CHƯƠNG 4. PHƯƠNG NGỮ (2) 4.1. Ngôn ngữ và giới 4.2. Ngôn ngữ và chính trị	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

7	4.3. Ngôn ngữ và tôn giáo 4.4. Phương ngữ xã hội đặc thù: Tiếng lóng và ngôn ngữ mạng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4
8	CHƯƠNG 5. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI TƯƠNG TÁC (1) 5.1. Ngôn ngữ học xã hội tương tác	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
9	5.2. Sự lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	CHƯƠNG 6. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI TƯƠNG TÁC (2) 6.1. Lịch sử trong giao tiếp 6.2. Chọn mã và chuyển mã	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
11	CHƯƠNG 7. NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ DẤU HIỆU 7.1. Ngôn ngữ dấu hiệu và giáo dục	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	7.2. Biến thể ngôn ngữ học xã hội trong Ngôn ngữ dấu hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R1,2	CLO 1, 2,3

			điều phối của GV		
13	CHƯƠNG 8. CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ 8.1. Sinh thái ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	8.2. Chính sách ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
15	8.3. Kế hoạch hóa ngôn ngữ Ôn tập	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Văn Khang	2016	<i>Ngôn ngữ học xã hội</i>	Nxb. Giáo dục, Hà Nội
2	Rajend Mesthrie, Joan Swann, Ana Deumert and William L. Leap	2009	<i>Introducing Sociolinguistics</i> , 2nd edition	Edinburgh University Press, Edinburgh
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Ronald Wardhaugh	2006	<i>An Introduction to Sociolinguistics</i> , 5th edition	Blackwell Publishing Ltd
2	Gitte Kristiansen & René Dirven	2008	<i>Cognitive Sociolinguistics</i>	<i>Cognitive Sociolinguistics</i>

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ mô

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Trần Quang Hải

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168009
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG
1.2 Tên tiếng Anh:	Applied Linguistics
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS. TS. Trần Hữu Phúc
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngôn ngữ học ứng dụng được định nghĩa là việc nghiên cứu ứng dụng các khái niệm và lý thuyết ngôn ngữ học vào mọi vấn đề thực tiễn khác nhau liên quan đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng đề cập đến ứng dụng ngôn ngữ trong thực tiễn, có tác động trực tiếp đến các vấn đề giao tiếp ngôn ngữ, đến việc dạy-học ngoại ngữ. Ngôn ngữ học ứng dụng còn liên quan đến các lĩnh vực thực tế khác như dạy tiếng mẹ đẻ, biên soạn từ điển, dịch thuật cũng như các ứng dụng chuyên biệt của ngôn ngữ như ngôn ngữ y khoa, ngôn ngữ hình sự, pháp y... Học phần này giúp người học nắm và vận dụng kiến thức ngôn ngữ học lý thuyết vào phương hướng dạy-học ngoại ngữ, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để vận dụng, nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ, đồng thời quyết định mục đích và nội dung của việc dạy tiếng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học ứng dụng và quá trình phát triển ngôn ngữ học ứng dụng.
- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ, ứng dụng các khái niệm và lý thuyết ngôn ngữ học vào mọi vấn đề thực tiễn khác nhau có liên quan đến ngôn ngữ.

3.2. Về kỹ năng:

- Giúp người học nắm và vận dụng được các phương diện cơ bản về ngôn ngữ và thực tiễn ứng dụng ngôn ngữ.
- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học ứng dụng, vận dụng kiến thức ngôn ngữ học trong dạy và học ngoại ngữ.
- Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học ứng dụng và vai trò của ngôn ngữ học ứng dụng đối với việc sử dụng và phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Cung cấp cho người học những vấn đề về đường hướng, triển vọng cũng như thách thức đặt ra đối với nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.
- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được các khái niệm về ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng và quá trình phát triển của ngôn ngữ học ứng dụng.
CLO2	Phân tích được các phương diện cơ bản về ngôn ngữ và ứng dụng ngôn ngữ trong thực tiễn thiết kế chương trình, kiểm tra đánh giá, quá trình nhận thức và lĩnh hội ngôn ngữ.
CLO3	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học ứng dụng trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ.
CLO4	Trình bày được đường hướng, triển vọng và thách thức đặt ra đối với nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO3			PLO5		PLO6			PLO9	
	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	P9.2
CLO1	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO2	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO3	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO4	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Tham gia tối thiểu 80% các buổi học và thảo luận, trình bày tại tổ hoặc tại lớp học.
- Theo phân công của giảng viên hoặc nhóm học tập, nhóm thảo luận trình bày một nội dung cụ thể và hướng dẫn thảo luận vấn đề được giao.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Chuyên cần ít nhất 80% số giờ học - Tham gia thảo luận, trình bày bài theo yêu cầu của GV	R1,2	20%	20%	
Thành phần 2	Bài thi giữa kỳ	- Kiểm tra giữa kỳ - Thời gian làm bài: 45-60 phút	R4,5	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	- Học viên thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận trên giấy	R5	50%	50%	

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. LƯỢC SỬ VÀ ĐỊNH NGHĨA 1. 1. Định nghĩa 1.2. Nguồn và đích 1.3. Học ngôn ngữ 1.4. Giới hạn phạm vi 1.5. Chuỗi ETAL và chương trình môn học Ngôn ngữ học ứng dụng 1.6. Các lĩnh vực ứng dụng 1.7. Ngôn ngữ học ứng dụng và dạng thức phi dấu hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	CHƯƠNG 2. HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG: TẦM QUAN TRỌNG CỦA KINH NGHIỆM	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	2.1. Giới thiệu 2.2. Kinh nghiệm cá nhân 2.3. Ngôn ngữ học ứng dụng theo thể chế 2.4. Bảy trường hợp nghiên cứu 2.4.1. Đánh giá chương trình ngôn ngữ 2.4.2. Lĩnh hội ý nghĩa 2.4.3. Ngữ pháp sự phạm 2.4.4. Giao tiếp ở nơi làm việc		điều phối của GV		
3	2.4.5. Ngôn ngữ và nhận diện 2.4.6. Đánh giá tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế 2.4.7. Bình phẩm phương pháp sự phạm 2.5. Phát triển và nghiên cứu trong lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng 2.5.1. Đánh giá ngôn ngữ 2.5.2. Hoạch định ngôn ngữ 2.5.3. Chương trình dạy ngôn ngữ 2.5.4. Lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai 2.6. Kết luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ VÀ THỰC HÀNH NGÔN NGỮ 3.1. Giới thiệu 3.2. Ngôn ngữ và tình huống 3.3. Ngôn ngữ và giới 3.3.1. Thanh điệu cao 3.3.2. Những thay đổi đi đầu 3.3.3. Các ngôn ngữ khác nhau 3.3.4. Sử dụng chuẩn 3.3.5. Phép lịch sự 3.3.6. Nam và nữ 3.3.7. Ngôn ngữ trong giới 3.3.8. Giới tính 3.3.9. Nhà ngôn ngữ và nhà ngôn ngữ ứng dụng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	3.4. Ngôn ngữ học chẩn đoán 3.4.1. Sự suy yếu của ngôn ngữ 3.4.2. Các loại hình suy giảm 3.4.3. Phân tích ngôn ngữ 3.4.4. Các vấn đề ngôn ngữ 3.4.5. Những khác biệt chủ yếu 3.4.6. Lý luận 3.4.7. Hướng tiếp cận kết hợp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

	3.4.8. Các yếu tố cá nhân và xã hội bị mất đi 3.5. Kết luận				
6	CHƯƠNG 4. NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG VÀ DẠY/HỌC NGÔN NGỮ 4.1. Giới thiệu 4.2. Các tuyên bố 4.3. Một trường hợp riêng tư 4.4. Ngôn ngữ học ứng dụng và các vấn đề về thể chế 4.5. Độ tuổi phù hợp 4.5.1. Một nghiên cứu ở trường nữ Presbyterian 4.5.2. Giảng dạy tiếng Anh ở Nepal 4.5.3. Dạy ngôn ngữ tích hợp 4.5.4. Các yếu tố liên quan đến độ tuổi phù hợp 4.5.5. Nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng: Quá trình	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	4.6. Các yếu tố liên quan đến kiểm tra đánh giá 4.7. Tìm hiểu các vấn đề: phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng 4.7.1. Nghiên cứu lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai 4.7.2. Đánh giá năng lực ngôn ngữ 4.7.3. Giảng dạy ngôn ngữ cho mục đích cụ thể 4.7.4. Thiết kế chương trình môn học 4.8. Ngôn ngữ học giáo dục 4.9. Kết luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4
8	CHƯƠNG 5. APPLIED LINGUISTICS AND LANGUAGE USE 5.1. Giới thiệu 5.2. Các vấn đề 5.3. Sửa lỗi trong ngôn ngữ, một vấn đề của ngôn ngữ học ứng dụng 5.3.1. Các học thuyết lỗi thời 5.3.2. Viết hiệu quả 5.3.3. Các dấu hiệu tăng lớp xã hội	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4

	5.3.4. Ngôn ngữ phi phân biệt đối xử 5.3.5. Sửa lỗi và nhà ngôn ngữ học ứng dụng 5.4. Một số yếu tố của ngôn ngữ pháp y 5.5. Tu từ học ứng dụng 5.6. Từ điển học 5.7. Xử lý ngôn ngữ 5.8. Kết luận				
9	CHƯƠNG 6. CHUYÊN MÔN HÓA NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG 6.1. Giới thiệu 6.2. Sự phát triển của Ngôn ngữ học ứng dụng 6.2.1. Phát triển thành chuyên nghiệp 6.2.2. Ngôn ngữ học ứng dụng ở Edinburgh 6.2.3. Nguồn và đích 6.2.4. Tầm quan trọng của suy đoán 6.2.5. Kết luận 6.3. Nghề ngôn ngữ học ứng dụng 6.3.1. Nhu cầu tổng quan 6.3.2. Ngôn ngữ học ứng dụng theo thể c 6.3.3. Định nghĩa về nghề 6.3.4. Nhu cầu phản hồi 6.3.5. Nghề mạnh và yếu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	6.4. Đạo đức trong ngôn ngữ học ứng dụng 6.4.1. Các vấn đề quan tâm hiện nay 6.4.2. Đạo đức nghề nghiệp trong Ngôn ngữ học ứng dụng 6.4.3. Giới hạn về đạo đức 6.4.4. Đánh giá về đạo đức trong nghiên cứu 6.4.5. Quan điểm Ngôn ngữ học ứng dụng phê phán: trở lại vấn đề đạo đức 6.5. Kết luận 6.6. Các phạm trù then chốt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	6.7. Các ứng dụng khả hữu của từ khóa				
11	CHƯƠNG 7. NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG: PHI ‘LÝ THUYẾT GIÁO ĐIỀU’ 7.1. Giới thiệu 7.2. Hậu hiện đại là gì? 7.3. Các thay đổi trong thực hành ngôn ngữ học ứng dụng 7.4. Bình phẩm mới về ngôn ngữ học ứng dụng 7.4.1. Những thay đổi 7.4.2. Vấn đề lý thuyết nảy sinh 7.4.3. Phát triển của thuyết tương đối	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	7.4.4. Phân tích diễn ngôn phê phán 7.4.5. Phê phán theo quan điểm của Widdowson 7.4.6. Ngôn ngữ học ứng dụng phê phán 7.4.7. Lĩnh vực mở của Rampton 7.4.8. Một hướng tiếp cận lý thuyết 7.5. Thực hành theo lý thuyết 7.6. Kết luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	CHƯƠNG 8. THÁCH THỨC CỦA NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG 8.1. Người bản ngữ và ngôn ngữ chuẩn 8.2. Hai người bản ngữ 8.3. Lý thuyết hình mẫu 8.4. Sự đánh giá quan trọng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	8.5. Barth với các nghiên cứu cụ thể 8.6. Một quan điểm ngôn ngữ xã hội học 8.7. Ngôn ngữ chuẩn 8.8. Làm cho các quan điểm khác biệt 8.9. Lý thuyết Văn hóa xã hội học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4

15	8.10. Những khó xử trong ngôn ngữ học ứng dụng 8.11. Tổng quan ETAL 1 8.12. Ngôn ngữ học ứng dụng và trách nhiệm Ôn tập	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
----	---	-------------------	---	------	-----------

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Davies, A.	2007	<i>An Introduction to Applied Linguistics: From Practice to Theory</i>	Edinburgh University Press.
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Baker, W.	2009	The Cultures of English as a Lingua Franca.	<i>Journal of Tesol Quarterly</i> , 43, 567-592.
2	Gitte Kristiansen & René Dirven	2008	<i>Cognitive Sociolinguistics</i>	<i>Cognitive Sociolinguistics</i>

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Trần Hữu Phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Kiểm tra tự luận**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHUYÊN ĐỀ

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã chuyên đề:	41680010
Tên chuyên đề:	NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN
1.2 Tên tiếng Anh:	Cognitive Linguistics
1.3 Số tín chỉ:	3
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Huỳnh Ngọc Mai Kha
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các khái niệm và phạm trù cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận. Phạm vi của phần này bao gồm các chủ điểm như nguồn gốc ngôn ngữ học tri nhận, các xu hướng chính, các nguyên lý của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm và ý niệm hóa, phạm trù và phạm trù hóa, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận, phạm trù xuyên tâm, kết cấu, vấn đề hình/nền, mối quan hệ giữa ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa. Đặc biệt, giáo trình hướng học viên vào những vấn đề tranh luận mà ngôn ngữ học tri nhận đặt ra đối với tiếng Việt, nhằm khơi gợi lòng yêu thích tranh luận và khám phá khoa học của học viên..

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Nắm được bối cảnh ra đời của ngôn ngữ học tri nhận
- Nắm được sự khác biệt của ngôn ngữ học tri nhận với các xu hướng ngôn ngữ học khác.
- Nắm được các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận

3.2. Về kỹ năng:

- Biết vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích của ngôn ngữ học tri nhận vào việc xử lí, giải thích các hiện tượng của tiếng Việt..

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thông qua môn học, xây dựng cho học viên lòng yêu thích ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tri nhận nói riêng, có kỹ năng phân tích và giải thích các sự kiện của tiếng Việt theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, từ đó thấy được nét đặc thù và cái hay cái đẹp trong cách dùng từ, tạo câu nói riêng và cách diễn đạt của người Việt nói chung. Tri thức về ngôn ngữ học tri nhận sẽ là cơ sở giúp sinh viên sau này khi ra trường có thể làm tốt những công việc được giao (giảng dạy, nghiên cứu, làm báo, làm biên tập ở các nhà xuất bản v.v.), đặc biệt đối với các vấn đề về ngôn ngữ-tri nhận-văn hóa.
- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận, những giả định nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận và tư duy nghiệm thân và những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, Ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ pháp tri nhận
CLO2	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về nghiệm thân và cấu trúc ý niệm, sơ đồ hình ảnh, cấu trúc ý niệm
CLO3	So sánh được hình và nền, vật được định vị và mốc định vị, biểu hiện của hình và nền trong cú pháp
CLO4	Ứng dụng phương pháp và phát triển định hướng nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO3		PLO5			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI7.1	PI7.2
CLO1	-	-	I	-	R	I	I	-	R	I
CLO2	-	M	R	-	R	R	R	M	R	R
CLO3	R	-	M	R	-	-	M	-	I	M
CLO4	R	M	M	R	R	M	M	M	R	R
Học phần	R	M	M	R	R	R	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của sinh viên được ghi trong môn học
- Tham dự lớp học đầy đủ (không nghỉ quá 20 % số giờ).
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.
- Vi phạm các qui định sẽ bị trừ điểm thành phần.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Học viên thuyết trình trước lớp: Học viên được phân nhóm để chuẩn bị thuyết trình trước lớp về một chủ đề là một phần của nội dung chương được cho trước. Học viên thuyết trình theo nhóm trong mỗi buổi học.	R3	20%	20%	
Thành phần 2	Bài thi giữa kỳ	Học viên làm bài kiểm tra giữa kỳ: Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm tự luận Học viên làm bài trắc nghiệm tự luận sau khi hoàn tất việc học các chương 1, 2 và 3.	R4,5	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan + tự luận	R4,5	50%	50%	

		Thời gian làm bài: 90 phút				
--	--	----------------------------	--	--	--	--

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN 1.1. Sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận 1.2. Những giả định nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận. 1.3. Tư duy nghiệm thân.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	CHƯƠNG 2. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN 2.1. Ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ pháp tri nhận 2.2. Một số khái niệm cơ bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 3. NGHIỆM THÂN VÀ SƠ ĐỒ HÌNH ẢNH 3.1. Nghiệm thân 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Các mô hình nghiệm thân 3.2. Sơ đồ hình ảnh	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	3.3. Sơ đồ hình ảnh là gì 3.4. Sơ đồ hình ảnh và ngữ nghĩa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 4. CẤU TRÚC Ý NIỆM 4.1. Cấu trúc ý niệm 4.2. Cấu trúc nghĩa 4.3. Hệ thống mang tính sơ đồ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,4	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
6	CHƯƠNG 5. PHẠM TRÙ HÓA 5.1. Phạm trừ hóa 5.2. Phạm trừ hóa và ngữ nghĩa học tri nhận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	CHƯƠNG 6. LÍ THUYẾT ĐIỂN MẪU 6.1. Lí thuyết cổ điển và lí thuyết điển mẫu 6.2. Lí thuyết cổ điển và lí thuyết điển mẫu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4
8	6.3. Các nguyên tắc phạm trừ hóa 6.4. Lí thuyết điển dạng và những vấn đề của lí thuyết điển mẫu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
9	CHƯƠNG 7. ẪN DỰ TRI NHẬN 9.1. Ẫn dự cổ điển 9.2. Ẫn dự theo quan điểm của NNH tri nhận 9.3. Thực hành nghiên cứu mẫu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	CHƯƠNG 8. HOÁN DỰ TRI NHẬN 8.1. Hoán dự cổ điển 8.2. Hoán dự theo quan điểm của NNH tri nhận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
11	CHƯƠNG 8. HOÁN DỰ TRI NHẬN (tt)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo	R2,3	CLO 1, 2,3,4

	8.3. Thực hành nghiên cứu mẫu		luyện theo hướng dẫn và điều phối của GV		
12	CHƯƠNG 9. HÌNH VÀ NỀN 9.1. Hình và nền, vật được định vị và mốc định vị 9.2. Biểu hiện của hình và nền trong cú pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	CHƯƠNG 10. NGỮ PHÁP KẾT CẤU 10. 1. Mô hình của ngữ pháp kết cấu 10.2. Giới thiệu một số cách tiếp cận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	Thực hành thuyết trình nhóm	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
15	Thực hành thuyết trình nhóm Ôn tập	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lý Toàn Thắng	2005	Ngôn ngữ học tri nhận: từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Sách, giáo trình tham khảo				
1	Trần Văn Cơ	2007	Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2	Nguyễn Huy Cận	2005	Viết ngữ học dưới ánh sáng các lý thuyết hiện đại	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3	Đỗ Hữu Châu	1986	Các bình diện của từ và từ tiếng Việt	Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Huỳnh Ngọc Mai Kha

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

R5. Kiểm tra tự luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168011
Tên học phần:	LƯỢC SỬ VIỆT NGỮ HỌC
1.2 Tên tiếng Anh:	A Short History of Vietnamese Linguistics
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Tấn Thi
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành
	☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Trong quá trình phát triển cũng như hội nhập, việc nghiên cứu tiếng Việt cũng như ngôn ngữ học tiếng Việt đã có những bước chuyển biến ấn tượng. Việt ngữ học truyền thống đã tiếp nhận những đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại trên thế giới từ phân tích diễn ngôn cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống rồi ngôn ngữ học tri nhận trong thời gian gần đây. Sự tiếp nhận này đã làm phong phú việc phân tích tiếng Việt trên các

bình diện ngôn ngữ học. Lược sử Việt ngữ học có nhiệm vụ nhìn nhận lại quá trình nghiên cứu, hội nhập và phát triển Việt ngữ học qua các thời kỳ từ giai đoạn khởi nguyên cho đến hiện thời nhằm giúp người học nắm bắt được sự hình thành và phát triển tiếng Việt nói chung và Việt ngữ học nói riêng từ giai đoạn cổ trung đại đến giai đoạn cận hiện đại trên các bình diện ngôn ngữ học - bao gồm lịch sử nghiên cứu ngữ âm, từ vựng, cú pháp, ngữ dụng, phong cách học, kể cả ngôn ngữ học xã hội, đặc trưng văn hóa – ngôn ngữ học tiếng Việt

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

Nắm được sự hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học.

Giới thiệu một số nhà ngôn ngữ học điển hình trong việc phát triển Việt ngữ học..

3.2. Về kỹ năng:

Biết vận dụng các khái niệm và thao tác phân tích Việt ngữ học vào việc xử lý, giải thích các hiện tượng của tiếng Việt.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Giải thích được sự hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học.
CLO2	Giải thích được sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cổ trung đại.
CLO3	Giải thích được sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cận hiện đại trên các bình diện ngôn ngữ học.
CLO4	Phân tích được sự đóng góp quan trọng của một số nhà ngôn ngữ học trong việc phát triển Việt ngữ học.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO3		PLO6			PLO10	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI10.1	PI10.2
CLO1	I	I	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	R	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	R	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	I	R	M	R	M	R	M	R	M	M

Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Chủ động thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (học viên chỉ được vắng mặt tối - đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

6. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập cá nhân	Chuyên cần Tham gia hoạt động tại lớp	R1,2	20%	20%	
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Tiểu luận và thuyết trình	R3	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận trên giấy Thời gian làm bài: 90'	R5	50%	50%	

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. Sự hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học 1. 1. Khái quát về sự hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.2. Quá trình hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

3	CHƯƠNG 2. Sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cổ trung đại 2.1. Tiếng Việt qua sự sáng tạo chữ Nôm	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.2. Tiếng Việt của các giáo sĩ phương tây 2.3. Nghiên cứu tiếng Việt của Lê Quý Đôn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. Sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cận hiện đại: Về ngữ âm và từ vựng 3.1. Lược sử nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt 3.2. Lược sử nghiên cứu từ vựng tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	CHƯƠNG 4. Sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cận hiện đại: Về cú pháp và phong cách học 4.1. Lược sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	4.2. Lược sử nghiên cứu phong cách học tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	CHƯƠNG 5. Sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cận hiện đại: Về ngôn ngữ - xã hội học, đặc trưng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,4	CLO 1, 2,3,4

	văn hóa – ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng 5.1. Việc nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội tiếng Việt		điều phối của GV		
9	5.2. Việc nghiên cứu đặc trưng văn hóa – dân tộc của tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	5.3. Một số chuyên ngành ngôn ngữ học ứng dụng trong tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
11	CHƯƠNG 6. Những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp phát triển của Việt ngữ 6.1. Đóng góp trên lĩnh vực từ vựng, ngữ pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	6.2. Đóng góp trên lĩnh vực phân tích diễn ngôn và ngôn ngữ học tri nhận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
13	Thảo luận và Ôn tập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3,4,5	CLO 1, 2,3,4
14					
15					

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thiện Giáp	2008	<i>Lược sử Việt ngữ học</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Trần Trí Dồi	2011	<i>Giáo trình Lịch sử tiếng Việt</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	Robins R. H	1997	A Short History of Vietnamese Linguistics. Pearson Education Limited	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

9. Năm phê duyệt: 2024**10. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Lê Tấn Thi

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Kiểm tra tự luận**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168012	
Tên học phần:	NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU	
1.2 Tên tiếng Anh:	Contrastive Linguistics	
1.3 Số tín chỉ:	3	
1.4 Phân bố thời gian:		
- Lý thuyết:	30	
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30	
- Tự học:		
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:		
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Lưu Quý Khương	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:		
1.6 Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:	Không	
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương	
- Học phần song hành:		
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do	
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương	
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành
		☐ Kiến thức ngành
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp	

2. Mô tả tóm tắt học phần

Mấy chục năm trở lại đây nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ được nhiều người chú ý tới và trở thành một phân ngành phát triển mạnh trong ngôn ngữ học hiện đại. Sở dĩ như vậy là vì một mặt, nó góp phần đáp ứng những đòi hỏi của lý luận ngôn ngữ học trong giai đoạn

mới và mặt khác, nó cho phép đưa những tri thức ngôn ngữ học vào những ứng dụng rộng rãi, thiết thực.

Trên cơ sở những tri thức của ngôn ngữ học đại cương, học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết cần yếu về ngôn ngữ học đối chiếu, chỉ ra một số bình diện nghiên cứu đối chiếu liên ngôn ngữ. Học phần cũng giới thiệu các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và một số thử nghiệm phân tích đối chiếu. Về mặt thực tiễn, học phần ngôn ngữ học đối chiếu giúp người học hiểu biết về phương pháp nghiên cứu, cách thức vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu liên ngôn ngữ, giúp nâng cao hiệu quả học tiếng nước ngoài, biên soạn sách giáo khoa ngoại ngữ, ngữ pháp và từ điển phiên dịch so sánh, dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

Trang bị cho người học kiến thức tổng quan về đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu của ngôn ngữ học đối chiếu và mối quan hệ giữa ngôn ngữ học đối chiếu với các phân ngành ngôn ngữ học khác cũng như quan hệ với lý luận và thực tiễn dịch thuật, với việc khắc phục lỗi trong khi học ngoại ngữ

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về so sánh, các kiểu so sánh, khái niệm “cái thứ 3 trong so sánh” (*tertium comparationis*) và các kiểu của nó trong nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ.

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và hệ thống trong nghiên cứu đối chiếu về ngữ âm và hình vị các ngôn ngữ.

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản và hệ thống trong nghiên cứu đối chiếu về trên các bình diện ngôn ngữ học như từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng và một số bình diện khác..

Cung cấp cho người học kết quả hai thử nghiệm về phân tích đối chiếu đã được tiến hành trên hai bình diện cú pháp - ngữ nghĩa và logic- ngữ nghĩa đối với hai phổ quát ngôn ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt, hai ngôn ngữ vốn rất khác nhau về mặt loại hình: *phương tiện so sánh* và *phương tiện nói*.

3.2. Về kỹ năng:

Giúp học viên nắm được những nguyên tắc trong dụng ngôn ngữ và các bước trong quy trình tiếp nhận tri thức và phương pháp phân tích ngôn ngữ.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về so sánh, các kiểu so sánh, khái niệm “cái thứ 3 trong so sánh” (<i>tertium comparationis</i> -TC), các kiểu

	của nó trong nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và xác định được TCkhi đối chiếu 2 đối tượng cụ thể trong 2 ngôn ngữ cụ thể.
CLO2	Vận dụng một cách sáng tạo kiến thức được trang bị vào đối chiếu 2 bình diện ngữ âm và hình vị và tìm ra được những điểm giống nhau và khác biệt về 2 bình diện này giữa các ngôn ngữ được nghiên cứu đối chiếu.
CLO3	Phân tích các lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp phân tích đối chiếu đã được vận dụng trong hai thử nghiệm về phân tích đối chiếu <i>phương tiện so sánh</i> và <i>phương tiện nói</i> trong tiếng Anh và tiếng Việt và bình luận được kết quả phân tích đối chiếu của hai thử nghiệm.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO3			PLO5		PLO6			PLO9	
	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	P9.2
CLO1	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO2	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO3	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập cá nhân	Tham gia lớp học, thái độ học tập. Chuẩn bị ở nhà cho bài học và báo cáo trên giờ thực hành	R1,2	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Bài tập lớn và kiểm tra giữa kỳ	R4,5	30%	30%	CLO 2 CLO 3

Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: tự luận - Thời gian làm bài: 180 phút	R5	50%	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
--------------	-----------------------	--	----	-----	-----	-------------------------

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU 1.1. Những tiền đề lý luận 1 - Về đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu - Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử - Ngôn ngữ học (Ngữ vực học) - Loại hình học - Ngôn ngữ học đối chiếu - Nội dung thuật ngữ - Phạm vi, giới hạn nghiên cứu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
2	1.2. Những tiền đề lý luận 2 - Quan hệ chủ yếu với loại hình học - Quan hệ chủ yếu với ngôn ngữ học tâm lý - Quan hệ với ngôn ngữ học xã hội - Quan hệ với lý luận và thực tiễn dịch thuật - Quan hệ với ngữ pháp tạo sinh - Quan hệ với việc khắc phục lỗi trong khi học ngoại ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

3	CHƯƠNG 2. CƠ SỞ CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CÁC NGÔN NGỮ 2.1. So sánh và các kiểu so sánh 2.2. Khái niệm tertium comparationis (TC) 2.3. Các kiểu TC trong nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,
4	CHƯƠNG 3. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CÁC NGÔN NGỮ 3.1. Các nguyên tắc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ 3.2. Các phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ - Khái quát - Phạm vi đối chiếu - Các bước phân tích đối chiếu - Những cách tiếp cận cơ bản trong nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ - Ngôn ngữ học khối liệu và những nét mới trong phương pháp nghiên cứu đối chiếu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
5	CHƯƠNG 4. NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU VỀ NGỮ ÂM VÀ HÌNH THÁI 4.1. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ âm - Nghiên cứu đối chiếu các đơn vị ngữ âm đoạn tính - Nghiên cứu đối chiếu các đơn vị ngữ âm siêu đoạn tính	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3

6	4.2. Nghiên cứu đối chiếu về hình vị - Đối chiếu hình vị về mặt cấu tạo - Đối chiếu hình vị về mặt hoạt động	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
7	CHƯƠNG 5. NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU VỀ TỪ VỰNG, NGỮ PHÁP VÀ NGỮ DỤNG 5.1. Đối chiếu về từ vựng - Đối chiếu về sự giống nhau - Đối chiếu về sự khác nhau	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3
8	5.2. Đối chiếu về ngữ pháp 5.3. Đối chiếu về ngữ dụng và các bình diện khác - Đối chiếu về ngữ dụng - Đối chiếu một số bình diện ngôn ngữ khác	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3
9	CHƯƠNG 6. MỘT SỐ THỦ NGHỆ PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU (trên cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt) 6.1. Phân tích đối chiếu cú pháp-ngữ nghĩa của các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt - Tổng quan về cấu trúc so sánh ngang bằng - Các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh ngang bằng trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

10	6.2. Phân tích đối chiếu yếu tố nối trong quan hệ nhân quả trong tiếng Anh và tương đương trong tiếng Việt - Các yếu tố nối chỉ nguyên nhân	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	- Các yếu tố nối chỉ nhân-quả trong phát ngôn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3
12	- Các yếu tố nối chỉ nguyên nhân trong phát ngôn và lập luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	- Các phương thức chuyển đổi kết cấu nối và những đặc tính của yếu tố nối trong quan hệ nhân quả	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
14	- Các yếu tố nối khác chỉ nguyên nhân - Các yếu tố nối chỉ hệ-quả	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
15	Ôn tập	GV Tổ chức ôn tập theo chủ đề	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4,5	CLO 1, 2,3

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thiện Giáp	2008	Giáo trình Ngôn ngữ học	Nxb ĐHQG Hà Nội
2	Đỗ Hữu Châu Bùi Minh Toán	2005	Đại cương Ngôn ngữ học	Nxb ĐHQG Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Ferdinand de Saussure	2005	Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương	Nxb KH Xã hội, Hà Nội
2	Iu. V. Rozdenxtvenxki	1998	Ngôn ngữ học đại cương	Nxb Giáo dục, Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Thư viện Ngôn ngữ học	https://hcmussh.edu.vn/thuvien	12/5/2024
2	Ngôn ngữ học lý thuyết	https://www.ngonnguhoc.org/nguyen-cuu/tac-gia-tac-pham/1011-2021-02-02-07-15-51	12/5/2024

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Lưu Quý Khương

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Kiểm tra tự luận**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168013
Tên học phần:	NGỮ ÂM VÀ ÂM VỊ HỌC TIẾNG VIỆT (Có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
1.2 Tên tiếng Anh:	VIETNAMESE PHONETICS AND PHONOLOGY VERSUS OTHER LANGUAGES
1.3 Số tín chỉ:	3
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Ngũ Thiện Hùng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Ngôn ngữ học đại cương
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành
	☐ Kiến thức ngành
	☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt trang bị cho học viên kiến thức nền tảng cùng kiến thức chuyên sâu về các bình diện ngữ âm âm vị học tiếng Việt để thấu đáo hơn về bản chất tín hiệu của âm, cơ chế tạo âm, các bình diện miêu tả của âm cùng chức năng của âm

trong lời nói. Học phần cũng trang bị cho học viên cách phân tích các đặc trưng của âm tiếng Việt và các kỹ năng đối chiếu các nhóm âm của tiếng Việt với tiếng Anh chuẩn, tiếng Anh Mỹ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

Trang bị cho người học kiến thức về bản chất tín hiệu học của âm trong cấu trúc nhị diện, đặc trưng và vai trò của âm trong quá trình sản sinh và tiếp nhận của giao tiếp bằng lời nói

Trang bị cho người học kiến thức về cơ chế tạo âm qua các giai đoạn, quá trình sản sinh âm

Trang bị cho người học kiến thức về các đặc trưng ngữ âm của các nhóm âm tiếng Việt cùng các tương đồng dị biệt giữa các nhóm âm tiếng Việt với tiếng Anh chuẩn và tiếng Anh Mỹ

3.2. Về kỹ năng:

Trang bị cho người học kiến thức cùng kỹ năng xác định các tương đồng, dị biệt qua sự phân biệt các âm vị và âm tố trong tiếng Việt với tiếng Anh chuẩn và tiếng Anh Mỹ trên các bình diện ngữ lưu

Trang bị cho người học kiến thức cùng kỹ năng xác định các khả năng phân bố và khả năng kết hợp của các âm trong cấu trúc âm tiết tiếng Việt trong đối chiếu với tiếng Anh chuẩn, tiếng Anh Mỹ; các tương đồng và dị biệt của âm tiếng Việt và âm tiếng Anh qua các biến thể phát âm của âm vị cùng cơ sở phái sinh của các âm trong phát âm.

Trang bị cho người học kiến thức cùng kỹ năng sử dụng các công nghệ phần mềm để xử lý, phân tích và minh họa các đặc trưng âm học và cấu tạo âm.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Giải thích được cơ chế tạo âm cùng cách hoạt động tương tác của các bộ phận cấu âm trong quá trình tạo âm.
CLO2	Xác định được các tương đồng, dị biệt trong tiếng Việt và tiếng Anh về đặc trưng ngữ âm và chức năng của trọng âm, thanh điệu, các loại ngữ điệu,
CLO3	Đối chiếu được các tương đồng, dị biệt trong tiếng Việt và tiếng Anh về khả năng phân bố và khả năng kết hợp của các âm trong cấu trúc âm tiết; các biến thể phát âm của âm vị cùng cơ sở phái sinh của các âm trong phát âm.

CLO4	Vận dụng được các công nghệ phần mềm để xử lý phân tích và minh họa đặc trưng âm học, cấu tạo âm tiếng Việt và tiếng Anh
CLO5	Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm để hợp tác giải quyết các vấn đề của đề tài được giao với bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

Chủ động thực hiện giờ tự học.

Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.

Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Thuyết trình nhóm.	R3	20%	20%	
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Thi giữa kỳ: thi trắc nghiệm; thời gian: 40 phút	R4	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Thi cuối kỳ: thi tự luận; thời gian: 60 phút	R5	50%	50%	

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	BÀI 1. NGỮ ÂM VÀ NGỮ ÂM HỌC 1.1. Ngữ âm và kiến trúc ngữ âm 1.2. Cơ sở của ngữ âm	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.3. Ngữ âm học và âm vị học 1.4. Những vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ Chương 1	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	BÀI 2. CÁC ĐƠN VỊ NGỮ ÂM 2.1. Âm tiết 2.2. Âm tố và âm vị	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.3. Thanh điệu, trọng âm và ngữ điệu	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	2.3. Những vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ Chương 3	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	Chương 3. LÝ THUYẾT SYLLABEME VÀ CƠ CẤU ÂM TIẾT TIẾNG VIỆT 3.1. Lý thuyết syllabeme	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	3.2. Đặc điểm của âm tiết và khả năng phân xuất âm tiết tiếng Việt				
7	3.3. Xác định số lượng âm tiết tiếng Việt	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	3.4 Những vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ Chương 3	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
9	CHƯƠNG 4. THANH ĐIỆU TIẾNG VIỆT 4.1. Thanh điệu và quy luật phân bố của thanh điệu tiếng Việt	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	4.2. Thanh điệu với chức năng khu biệt nghĩa 4.3. Thanh điệu với chức năng thể hiện nghĩa gọi tả	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	4.4. Thanh điệu với hình thức ngữ âm của từ ngữ 4.5. Những vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ Chương 4	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	Chương 5. CÁC ĐƠN VỊ NGỮ ÂM ĐOẠN TÍNH 5.1. Hệ thống âm đầu 5.2. Hệ thống âm đệm	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

			các câu hỏi của GV		
13	5.3. Hệ thống âm chính 5.4. Hệ thống âm cuối	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	5.5. Những vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ Chương 5	GV giảng giải	Học viên nghiêm túc theo dõi, tham gia thảo luận các câu hỏi của GV	R2,3,4	CLO 3,4,5
15	Thảo luận và Ôn tập				

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Đỗ Hữu Châu	2005	<i>Từ vựng-ngữ nghĩa</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Lotman	2007	<i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i>	Nxb. ĐHQG. Hà Nội
2	Mai Thị Kiều Phương	2008	<i>Tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ văn học</i>	Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Ngũ Thiện Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

R5. Kiểm tra tự luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168014		
Tên học phần:	TỪ VỰNG - NGŨ NGHĨA HỌC TIẾNG VIỆT (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)		
1.2 Tên tiếng Anh:	Vietnamese Lexical - semantics versus Other Languages		
1.3 Số tín chỉ:	3		
1.4 Phân bố thời gian:			
- Lý thuyết:	30		
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30		
- Tự học:			
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:			
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Hữu Bình		
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:			
1.6 Điều kiện tham gia học phần:			
- Học phần tiên quyết:	Không		
- Học phần học trước:	Không		
- Học phần song hành:			
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do		
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương		
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành	
		☐ Kiến thức ngành	
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do	
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp		

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt có đối chiếu với các ngôn ngữ khác.

Đồng thời môn học cũng trang bị những thủ pháp nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa, đặc biệt là nghiên cứu so sánh đối chiếu.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Mô tả, lý giải bản chất đặc điểm cơ bản về cấu tạo từ vựng tiếng Việt
- Nắm bắt nguồn gốc và sự phân bố của các lớp từ tiếng Việt
- Mô tả, lý giải bản chất đặc điểm cơ bản về nghĩa từ vựng tiếng Việt
- So sánh đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của từ vựng tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác

3.2. Về kỹ năng:

- Cung cấp cho học viên kiến thức về lịch sử, lịch sử trong hành động lời nói, khái niệm về thể diện, các loại thể diện, khái niệm về lịch sự hướng nội và hướng ngoại và phương tiện ngôn ngữ rào đón.
- Trang bị cho học viên kiến thức về Ngữ dụng học giao văn hóa và những giá trị văn hóa khác nhau.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản của từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt
CLO2	Giải thích được những vấn đề về từ vựng và nghĩa của từ tiếng Việt
CLO3	So sánh những vấn đề về từ vựng và nghĩa của từ tiếng Việt với các ngôn ngữ khác
CLO4	Chọn lựa thủ pháp phù hợp khi thực hiện nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa trong một bối cảnh cụ thể
CLO5	Chủ động, tự tin khi sử dụng và nghiên cứu từ ngữ

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (không nghỉ quá 20% số giờ).
- Thực hiện đầy đủ các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Thuyết trình và thảo luận - Làm việc theo nhóm	R3	20%	20%	
Thành phần 2	Kiểm tra giữa kỳ	Thi trắc nghiệm 30' tại lớp	R4	30%	30%	
Thành phần 3	Bài tập lớn	Làm bài tập nghiên cứu ngoài lớp học trong vòng 30 ngày khi kết thúc môn học	R2,5	50%	50%	

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TỪ VỰNG VÀ TỪ VỰNG HỌC 1. 1. Từ và từ vựng 1.2. Từ vựng – ngữ nghĩa học 1.3. Phương pháp nghiên cứu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	CHƯƠNG 2. ĐƠN VỊ TỪ VỰNG 2.1. Từ tiếng Việt 2.1.1. Đặc điểm ngữ âm 2.1.2. Đặc điểm ngữ pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

3	2.2. Đặc điểm cấu tạo của từ 2.2.1. Đơn vị cấu tạo từ 2.2.2. Phân loại theo hình thức cấu tạo	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.3. Ngữ cố định 2.3.1. Thành ngữ 2.3.2. Quán ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. Ý NGHĨA CỦA TỪ 3.1. Các thành phần nghĩa của từ 3.1.1. Nghĩa biểu vật 3.1.2. Nghĩa biểu niệm 3.1.3. Nghĩa biểu thái	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	3. 2. Hiện tượng nhiều nghĩa 3.2.1. Hiện tượng nhiều nghĩa biểu vật 3.2.2. Hiện tượng nhiều nghĩa biểu niệm	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	3.3. Sự chuyển biến nghĩa của từ 3.3.1. Sự chuyển biến ý nghĩa 3.3.2. Phân loại ý nghĩa trong từ nhiều nghĩa 3.3.3. Phương thức chuyển biến ý nghĩa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG NGỮ NGHĨA 4.1. Các trường nghĩa 4.1.1. Khái niệm trường ngữ nghĩa 4.1.2. Các loại trường nghĩa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

9	4.2. Đồng nghĩa 4.2.1. Bản chất hiện tượng đồng nghĩa 4.2.2. Phân loại từ đồng nghĩa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	4.3. Trái nghĩa 4.3.1. Bản chất hiện tượng trái nghĩa 4.3.2. Các cặp từ trái nghĩa và nội dung quan hệ trái nghĩa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	4.4. Hiện tượng đồng âm 4.4.1. Bản chất hiện tượng đồng âm 4.4.2. Phân loại hiện tượng đồng âm	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG TỪ VỰNG 5.1. Xét theo lĩnh vực đời sống 5.2. Xét theo thời gian sử dụng	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
13	5.3. Xét theo phạm vi sử dụng 5.4. Xét theo nguồn gốc ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	Thuyết trình theo chủ đề	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	Kiểm tra và làm bài nghiên cứu (Test and Research)			R2,4,5	CLO3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Đỗ Hữu Châu	1981	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Nhà xuất bản Giáo dục
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Công Đức, Nguyễn Hữu Chương	2004	Từ vựng tiếng Việt	Nxb Đại học Quốc gia HCM

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Hữu Bình

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Bài tập tiểu luận**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168015		
Tên học phần:	NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)		
1.2 Tên tiếng Anh:	Vietnamese Grammar versus Other Languages		
1.3 Số tín chỉ:	3		
1.4 Phân bố thời gian:			
- Lý thuyết:	30		
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30		
- Tự học:			
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:			
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ		
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:			
1.6 Điều kiện tham gia học phần:			
- Học phần tiên quyết:	Không		
- Học phần học trước:	Dẫn luận Ngôn ngữ học		
- Học phần song hành:			
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do		
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương		
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành	
		☐ Kiến thức ngành	
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do	
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp		

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngữ pháp tiếng Việt (so sánh đối chiếu với các ngôn ngữ khác) cung cấp cho người học những tri thức cốt lõi mà ngữ pháp chức năng đã thể hiện trong hơn 20 năm qua và một hướng ứng dụng đúng vào tiếng Việt để những người nghiên cứu ngoại ngữ và những người nước ngoài học tiếng Việt như một ngoại ngữ có thêm phương tiện thực hiện đối

chiếu ngoại ngữ với tiếng Việt nhờ vào những thành tựu nghiên cứu ngữ pháp mới nhất trong thời đại ngày nay với việc phân biệt các siêu chức năng của câu; các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau của tiếng Việt diễn đạt cùng một sự việc; các kiểu cấu trúc thức khác nhau tồn tại trong tiếng Việt; cấu trúc đề - thuyết trong chức năng văn bản của câu tiếng Việt. Cấu trúc cú pháp của câu được xem xét theo hướng lấy vị tổ làm hạt nhân, lấy câu làm cơ sở, đồng thời nghiên cứu các đơn vị lớn hơn câu, như tính liên kết giữa câu với câu, cho đến toàn văn bản hoặc diễn ngôn. Bên cạnh đó, môn học còn cung cấp những tri thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu, so sánh đối chiếu các ngôn ngữ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Sau khi học xong học phần này: học viên nắm được những cấu trúc cú pháp của câu; nghĩa trong câu; nghĩa không được diễn đạt bằng từ ngữ.
- Học viên nắm được các loại câu ghép, đặc biệt là các kiểu quan hệ nghĩa giữa các mệnh đề trong câu ghép và cách diễn đạt chúng.

3.2. Về kỹ năng:

Học viên còn nắm được những phương pháp, nguyên tắc nghiên cứu so sánh, đối chiếu các ngôn ngữ. Học viên còn được thực hành đối chiếu cú pháp tiếng Việt với cú pháp tiếng Anh và đối chiếu với các ngôn ngữ khác.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Xác định được các siêu chức năng của câu; các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau của tiếng Việt diễn đạt cùng một sự việc; cấu trúc đề - thuyết trong chức năng văn bản của câu tiếng Việt và tính liên kết giữa câu với câu cùng những tri thức cơ bản về nghiên cứu, đối chiếu các ngôn ngữ.
CLO2	Phát triển các kỹ năng học và tiếp cận lý luận ngôn ngữ trên lớp, kỹ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng được các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của Việt ngữ học và so sánh đối chiếu.
CLO3	Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ và ngôn ngữ học đối chiếu.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	-	M	R	-	M	R	R	M	R	-
CLO2	R	-	M	R	-	M	M	-	-	M
CLO3	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	M	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Tham gia lớp học, thái độ học tập. - - Chuẩn bị ở nhà cho bài học và báo cáo trên giờ thực hành	R1,2	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Bài tập lớn và kiểm tra giữa kỳ	R4	30%	30%	CLO 2 CLO 3
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: tự luận - Thời gian làm bài: 180 phút	R5	50%	50%	CLO 2 CLO 3

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. CẤU TRÚC CÚ PHÁP CỦA CÂU 1.1. Cấu trúc cú pháp của câu và khung câu 1.1.1. Câu đơn và cú 1.1.2. Từ cấu trúc cú pháp của câu đến khung câu 1.2. Các bộ phận trong khung câu và các kiểu nghĩa trong câu 1.2.1. Sơ bộ về kiểu nghĩa biểu hiện trong câu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
2	1.2.2. Sơ bộ về mối quan hệ giữa cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện 1.3. Câu nêu đặc trưng, câu bị động, câu quan hệ 1.3.1. Câu nêu đặc trưng 1.3.2. Câu bị động, câu quan hệ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
3	CHƯƠNG 2. NGHĨA TRONG CÂU 2.1. Nghĩa biểu hiện trong câu 2.1.1. Sơ lược về nghĩa biểu hiện và cấu trúc nghĩa biểu hiện 2.1.2. Phân tích nghĩa biểu hiện trong câu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
4	2.2. Nghĩa của câu trong giao tiếp 2.2.1. Nghĩa tình thái 2.2.2. Cấu tạo của câu phân loại theo mục đích nói	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3

5	CHƯƠNG 3. CÂU GHÉP 3.1. Câu phức 3.1.1. Phân biệt câu phức và câu ghép 3.1.2. Các kiểu câu phức thường gặp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3
6	3.2. Câu ghép 3.2.1. Khái niệm về câu ghép 2.2.2. Khái quát về các kiểu câu ghép 3.2.3. Hiện tượng ghép nhiều bậc	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
7	CHƯƠNG 4. CỤM TỪ, TỪ LOẠI TIẾNG VIỆT 4.1. Cụm từ tiếng Việt 4.1.1. Cụm danh từ 4.1.2. Cụm động từ 4.1.3. Cụm tính từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3
8	4.2. Từ loại tiếng Việt 4.2.1. Tiêu chuẩn định loại từ tiếng Việt 4.2.2. Các loại từ trong tiếng Việt 4.2.3. Hiện tượng chuyển di từ loại trong tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3
9	CHƯƠNG 5. CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT 5.1. Tiếng và từ tố trong ngữ pháp Việt Na 5.1.1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp Việt Nam 5.1.2. Cấu tạo ngữ pháp của từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

10	5.2. Từ đơn và từ phức 5.2.1. Từ đơn đơn tố 5.2.2. Từ phức đơn tố và từ phức đa tố	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
11	5.3. Từ ghép 5.3.1. Đặc trưng chung của từ ghép 5.3.2. Từ ghép đẳng lập 5.3.3. Từ ghép chính phụ 5.4. Từ láy 5.4.1. Đặc trưng chung của từ láy 5.4.2. Phân loại từ láy	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3
12	CHƯƠNG 7. NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU CÁC NGÔN NGỮ 6.1. Các bước phân tích đối chiếu 6.2. Các bình diện nghiên cứu đối chiếu 6.2. 1. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ âm 6.2. 2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng 6.2. 3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp 6.2. 4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng và các bình diện khác	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	CHƯƠNG 7. ĐỐI CHIẾU CÂU TIẾNG ANH VÀ CÂU TIẾNG VIỆT TRÊN CÁC BÌNH DIỆN CÚ PHÁP – NGỮ NGHĨA VÀ NGỮ DỤNG 7.1. Câu trong tiếng Anh 7.1.2. Các đặc điểm cú pháp của các thành tố của câu tiếng Anh	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

	7.1.3. Các kiểu câu và chức năng diễn ngôn của câu tiếng Anh				
14	7.2. Đối chiếu câu tiếng Anh và câu tiếng Việt 7.2.1. Những nét giống nhau chủ yếu 7.2.2. Những nét khác nhau chủ yếu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
15	Ôn tập	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4,5	CLO 2,3

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Diệp Quang Ban	2009	Ngữ pháp tiếng Việt	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	Nguyễn Chí Hoà	2006	Ngữ pháp tiếng Việt thực hành	Nxb ĐHQG Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	MAK Halliday	2004	Dẫn luận Ngữ pháp chức năng	Nxb ĐHQG Hà Nội
2	Iu. V. Rozdenxtvenxki	1998	Ngôn ngữ học đại cương	Nxb Giáo dục, Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Thư viện Ngôn ngữ học	https://hcmussh.edu.vn/thuvien	12/5/2024
2	Ngôn ngữ học lý thuyết	https://www.ngonnguhoc.org/nguyen-cuu/tac-gia-tac-pham/1011-2021-02-02-07-15-51	12/5/2024

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Thị Quỳnh Thơ

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Đánh giá bài tiểu luận

R5. Kiểm tra tự luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168016
1.2 Tên học phần:	PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
1.3 Tên tiếng Anh:	Vietnamese Stylistics versus Other Languages
1.4 Số tín chỉ:	3
1.5 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.6 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS. TS. Phan Văn Hòa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.8 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành
	☐ Kiến thức ngành
	☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngay từ thời cổ đại Hy Lạp, tu từ học đã ra đời. Sau này trở thành môn khoa học lớn trong ngôn ngữ học gọi là phong cách học. Là một ngành khoa học quan trọng trong ngôn ngữ

học, nhưng khác nhau rất lớn trong các ngành ấy. Nếu các ngành ngôn ngữ học nghiên cứu các quy tắc, cấu trúc, đơn vị hình thành và phát triển như là bộ phận của ngôn ngữ thì phong cách học nghiên cứu toàn bộ những vấn đề đó để rút ra cách thức sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nhất. Vì vậy đối tượng của phong cách học là mọi thể hiện của ngôn ngữ ở mọi cấp độ kết cấu khác nhau được vận dụng trong lời nói nhằm thể hiện các chức năng khác nhau hay cùng tổng hợp các chức năng như thông báo, tác động hay thẩm mỹ. Bởi vậy, bộ môn phong cách học bao gồm một loạt các phương thức phong cách như ẩn dụ, hoán dụ, phép lặp, song đôi, vần điệu, hoặc các hiện tượng ngôn ngữ như phương ngữ, đồng âm, trái nghĩa, đồng nghĩa... hay các thể loại văn bản như văn bản văn chương, văn bản khoa học... và cách sử dụng các phương thức, hiện tượng ấy trong lời nói. Chính đối tượng của ngành khoa học này có tính đặc thù là sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, nên nó rất cần thiết cho sinh viên đại học, học viên cao học và các đối tượng có ý thức muốn sử dụng ngôn ngữ hiệu quả nhất.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về sự ra đời của phong cách học với tư cách là một ngành khoa học trong ngôn ngữ học. – Cung cấp cho học viên kiến thức về một số định nghĩa trong phong cách học.
- Cung cấp cho người học kiến thức về các phương tiện biểu đạt ngữ âm, từ vựng và các phương thức phong cách như ẩn dụ, hoán dụ...
- Cung cấp cho người học kiến thức về các phương tiện biểu đạt ở bình diện cú pháp dưới góc nhìn phong cách văn bản và lời nói như đảo câu, phản đề, cấu trúc song đôi....
- Cung cấp cho người học các dạng thức phong cách văn bản như bản văn văn chương, chính luận... báo chí từ đó chuẩn bị cho họ cách ứng dụng.

3.2. Về kỹ năng:

Giúp người học so sánh phong cách văn bản trong tiếng Việt có đối chiếu với các ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Anh. Ứng dụng các phương thức phong cách học

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Giải thích được sự ra đời của phong cách học với tư cách là một ngành khoa học trong ngôn ngữ học, và một số định nghĩa trong phong cách học.
CLO2	Phân biệt được các phương tiện biểu đạt ở bình diện cú pháp dưới góc nhìn phong cách văn bản và lời nói như đảo câu, phản đề, cấu trúc song đôi....

CLO3	Sử dụng kiến thức phong cách học để sáng tạo và phân tích văn bản, cảm thụ văn bản.
------	---

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	-	M	R	-	M	R	R	M	R	-
CLO2	R	-	M	R	-	M	M	-	-	M
CLO3	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	M	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và tham gia đầy đủ số giờ thực hành.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và tham dự thi kết thúc học phần.
- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, làm và nộp bài tập đúng hạn.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	- Tham gia lớp học, thái độ học tập. - Chuẩn bị ở nhà cho bài học và báo cáo trên giờ thực hành	R1,2	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm giữa kỳ	R4	30%	30%	CLO 2 CLO 3
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: - Hình thức thi: tự luận	R5	50%	50%	CLO 2 CLO 3

		- Thời gian làm bài: 180 phút				
--	--	-------------------------------	--	--	--	--

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN PHONG CÁCH HỌC 1.1. Định nghĩa (Definitions and background) 1.1.1. Ghi nhận chung về phong cách và phong cách học (General notes on Style and Stylistics) 1.1.2. Những phương tiện biểu hiện và phương thức phong cách (Expressive means and Stylistic Devices)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
2	1.2. Chức năng và nghĩa (Functions and Meanings) 1.2.1. Phong cách chức năng của ngôn ngữ và những biến đổi trong sử dụng ngôn ngữ (Functional styles of language and varieties of language) 1.2.2. Nghĩa nhìn nhận theo quan điểm phong cách học (Meaning from a stylistic point of view)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
3	CHƯƠNG 2. PHÂN LOẠI PHONG CÁCH HỌC 2.1. Từ vựng thông thường và từ vựng đặc biệt 2.1.1. Từ vựng thông thường trong văn viết và từ vựng thông thường trong khẩu ngữ 2.1.2. Từ vựng viết chuyên biệt: Thuật ngữ, từ, từ vay mượn, từ tạo lập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều	R1,2	CLO 1, 2,3

	2.1.3. Từ trong khẩu ngữ chuyên biệt: tiếng lóng, biệt ngữ, từ nghề		phối của GV		
4	2.2. Phong cách học trong ngữ cảnh 2.2.1. Thi ca, tiểu thuyết, văn xuôi 2.2.2. Nhìn lại phong cách học trong tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
5	CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT NGỮ ÂM, TỪ VỰNG VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC PHONG CÁCH HỌC 3.1. Những phương tiện biểu đạt qua ngữ âm và các phương thức phong cách học 3.1.1. Cấu tạo và Sử dụng từ tượng thanh 3.1.2. Cấu tạo và sử dụng từ láy 3.1.3. Âm điệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3
6	3.2. Các phương tiện biểu đạt qua từ vựng và các phương thức phong cách học 3.2.1. Sự kết hợp có chủ ý của mặt phong cách học từ vựng 3.2.2. Châm bím, nghịch hợp, so sánh, sử dụng tục ngữ... 3.2.3. Uyển ngữ, Ngoa dụ, Cách nói vòng vo,...	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

7	CHƯƠNG 4. CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT QUA CÚ PHÁP VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC PHONG CÁCH HỌC 4.1. Tổ chức cú pháp 4.1.1. Đảo ngữ phong cách học, Phản đề, Liệt kê... 4.1.2. Cấu trúc rời và cấu trúc song song 4.1.3. Phép tiến, Phép treo, Phép chéo	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3
8	4.2. Những nối kết lời nói và sử dụng phong cách đối với nghĩa cấu trúc 4.2.1. Phép miễn hợp, phép lặp liên từ 4.2.2. Phép dùng khoảng lặng 4.2.3. Câu hỏi tu từ, Phép uyển ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3
9	CHƯƠNG 5. ẪN DỤ VÀ HÓA DỤ: HAI PHƯƠNG THỨC PHONG CÁCH MANG ĐẬM DẤU ẨM TRI NHẬN 5.1. Ẩn dụ 5.1.1. Ẩn dụ là một khái niệm rộng 5.1.2. Ẩn dụ ý niệm và lịch sử phát triển lý luận 5.1.3. Ứng dụng ẩn dụ ý niệm trong nghiên cứu ngôn ngữ, đối chiếu ẩn dụ trong trong tiếng Việt và trong tiếng Anh 5.1.4. Ẩn dụ, tư duy và văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3

10	5.2. Hoán dụ 5.2.1. Định nghĩa hoán dụ và các quan niệm về hoán dụ 5.2.2. Hoán dụ ý niệm và ẩn dụ ý niệm 5.2.3. Ứng dụng hoán dụ trong ngôn ngữ 5.3.4. Tầm quan trọng của các phương thức phong cách học từ ẩn dụ, hoán dụ đến các phương thức phong cách khác.	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
11	CHƯƠNG 6. PHONG CÁCH CHỨC NĂNG TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TRONG TIẾNG ANH 6.1. Phong cách văn chương 6.1.1. Mẫu hòa điệu 6.1.2. Đặc trưng từ vựng cú pháp của văn thơ 6.2. Phong cách chính luận 6.2.1. Hùng biện và diễn văn 6.2.2. Văn bản tranh luận và bài viết xã luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3
12	6.3. Phong cách báo chí và phong cách văn xuôi khoa học (Newspaper Style & Scientific Prose Style) 6.3.1. Mẫu tin ngắn, quảng cáo, thông báo, lời dẫn biên tập (Brief News Items, Advertisements, Announcements & the Editorial) 6.3.2. Văn phong khoa học, văn phong thời sự (Scientific Writings, and Official Documents)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	6.3. Phong cách báo chí và phong cách văn xuôi khoa học (Newspaper Style & Scientific Prose Style)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận	R1,2	CLO 1, 2,3

	6.3.1. Mẫu tin ngắn, quảng cáo, thông báo, lời dẫn biên tập (Brief News Items , Advertisements, Announcements & the Editorial) 6.3.2. Văn phong khoa học, văn phong thời sự (Scientific Writings, and Official Documents)		theo hướng dẫn và điều phối của GV		
14	CHƯƠNG 7. ỨNG DỤNG PHONG CÁCH HỌC TRONG PHÂN TÍCH VĂN BẢN 7.1. Ôn tập về phong cách học đại cương 7.1.1. Phong cách học, tu từ học và hiệu quả trong giao tiếp 7.1.2. Phong cách học trong sử dụng ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3
15	7.2 Phong cách học và phân tích văn bản 7.2.3. Phân tích văn bản: Tiếng Việt, tiếng Anh 7.2.2.Discourse Analysis: English and Vietnamese Ứng dụng phong cách học (Stylistic Applications)	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Diệp Quang Ban	2009	Ngữ pháp tiếng Việt	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	Nguyễn Chí Hoà	2006	Ngữ pháp tiếng Việt thực hành	Nxb ĐHQG Hà Nội

	Sách, giáo trình tham khảo			
1	MAK Halliday	2004	Dẫn luận Ngữ pháp chức năng	Nxb ĐHQG Hà Nội
2	Iu. V. Rozdenxtvenxki	1998	Ngôn ngữ học đại cương	Nxb Giáo dục, Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Thư viện Ngôn ngữ học	https://hcmussh.edu.vn/thuvien	12/5/2024
2	Ngôn ngữ học lý thuyết	https://www.ngonnguhoc.org/nghien-cuu/tac-gia-tac-pham/1011-2021-02-02-07-15-51	12/5/2024

9. Năm phê duyệt: 2024

10. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Phan Văn Hòa

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

R5. Kiểm tra tự luận

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168017	
Tên học phần:	THÀNH PHẦN CÂU TIẾNG VIỆT (có đối chiếu với ngôn ngữ khác)	
1.2 Tên tiếng Anh:	Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages	
1.3 Số tín chỉ:	3	
1.4 Phân bố thời gian:		
- Lý thuyết:	30	
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30	
- Tự học:		
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:		
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Tấn Thi	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:		
1.6 Điều kiện tham gia học phần:		
- Học phần tiên quyết:	Không	
- Học phần học trước:	Không	
- Học phần song hành:		
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do	
1.8 Thuộc khối kiến thức	☒ Giáo dục đại cương	
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☐ Kiến thức cơ sở ngành
		☐ Kiến thức ngành
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp	

2. Mô tả tóm tắt học phần

Các nghiên cứu liên quan đến cú pháp học nói chung và thành phần câu nói riêng trong những thập niên gần đây có những phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu cũng như trong nước. Từ những thành tựu của lý thuyết thành tố trực tiếp (Immediate constituents),

ngữ pháp tạo sinh chuyển đổi (Generative Transformational grammar) cho đến mô hình ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional linguistic paradigm) v.v...

Mục đích của học phần giúp người học nắm bắt được các đặc điểm ngôn ngữ học của Thành phần câu tiếng Việt; cụ thể như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp của thành tố câu v.v... Nhằm giúp người học lĩnh hội kiến thức cơ bản về các quan điểm, trường phái ngôn ngữ học khác nhau về thành phần câu. Qua đó, đề xuất quan điểm phù hợp liên quan đến ngôn ngữ học để giúp người học thuận lợi tiếp thu và ứng dụng vào việc so sánh đối chiếu.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Giới thiệu các quan điểm ngôn ngữ học về thành phần câu và giải pháp cho vấn đề thành phần câu tiếng Việt.
- Giới thiệu các thành phần chính của câu gồm nòng cốt câu, vị ngữ, chủ ngữ và bổ ngữ qua một số bình diện ngôn ngữ hữu quan như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp v.v...
- Giới thiệu các thành phần phụ của câu gồm khởi ngữ, tình thái ngữ, định ngữ và trạng ngữ qua các bình diện ngôn ngữ như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp v.v....

3.2. Về kỹ năng:

Hướng dẫn học viên đối chiếu thành phần câu tiếng Việt với ngôn ngữ đích (chủ yếu tiếng Anh) qua các bình diện cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp v.v.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được khái niệm các quan điểm ngôn ngữ học về thành phần câu và giải pháp cho vấn đề thành phần câu tiếng Việt, vai trò, vị trí của thành phần câu trong nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy và công tác dịch thuật.
CLO2	Xác định được mục đích, nhiệm vụ của việc ứng dụng lý thuyết thành phần câu vào nghiên cứu đối sánh, nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ, nghiên cứu dịch thuật, v.v...
CLO3	Giải thích được các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu thành phần câu nói chung và đối sánh thành phần câu nói riêng.
CLO4	Ứng dụng một số bình diện ngôn ngữ hữu quan như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp v.v... của thành phần câu vào giảng dạy ngoại ngữ và nghiên cứu dịch thuật

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO2	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO3	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO4	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Tham dự ít nhất 80% thời lượng giảng dạy (vắng phải có lí do chính đáng)

Tham gia thuyết trình theo nhóm và hợp tác thảo luận trong giờ học

Tham gia thi hết môn

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Hoạt động tại lớp	- Chuyên cần - Tham gia hoạt động tại lớp	R1,2	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Tiểu luận	Tiểu luận và thuyết trình	R3,4	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận trên giấy Thời gian làm bài: 90'	R5	50%	50%	CLO 3 CLO 4

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. Các quan điểm ngôn ngữ học về thành phần câu và giải pháp cho vấn đề thành phần câu tiếng Việt. 1.1. Các quan điểm ngôn ngữ học về thành phần câu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.2. Giải pháp cho vấn đề thành phần câu tiếng Việt	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 2. Các thành phần chính của câu: nòng cốt câu và vị ngữ. 2.1. Nòng cốt câu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.2. Vị ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
5	CHƯƠNG 3. Các thành phần chính của câu: chủ ngữ và bổ ngữ. 3.1. Chủ ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

6	3.2. Bồ ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	Thảo luận chuyên đề	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4
8	CHƯƠNG 4. Các thành phần phụ của câu: <i>định ngữ và trạng ngữ</i>	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
9	4.1. Định ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	4.2. Trạng ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
11	CHƯƠNG 5. Các thành phần phụ của câu: <i>khởi ngữ, tình thái ngữ</i> 5.1. Khởi ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R2,3	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
12	5.2. Tình thái ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3
13	CHƯƠNG 6. Đối chiếu thành phần câu tiếng Việt với ngôn ngữ đích (chủ yếu tiếng Anh) qua các bình diện cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp 6.1. Đối chiếu thành phần câu tiếng Việt với ngôn ngữ đích (chủ yếu tiếng Anh) qua các bình diện cấu trúc	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	6.2. Đối chiếu thành phần câu tiếng Việt với ngôn ngữ đích (chủ yếu tiếng Anh) qua chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
15	Ôn tập và thảo luận	GV tổ chức ôn tập	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4,5	CLO 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Minh Thuyết & Nguyễn Văn Hiệp	2008	<i>Thành phần câu tiếng Việt</i>	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Quirk R. & Sidney G.	1999	<i>A Student's Grammar of English applied linguistics</i>	UK: Longman Group Ltd
2	Tran Huu Manh	2007	<i>Ngôn ngữ học Đối chiếu Cấu pháp tiếng Anh – Tiếng Việt</i>	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			
3			

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Lê Tấn Thi

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Bài tiểu luận****R5. Kiểm tra tự luận**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168018
Tên học phần:	KÝ HIỆU HỌC
1.2 Tên tiếng Anh:	Semiotics
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chính
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ký hiệu học, về bản chất của ký hiệu học nói chung và hệ thống ký hiệu ngôn ngữ nói riêng; phân tích để thấy ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu đặc biệt; chỉ ra mối quan hệ giữa ký hiệu ngôn ngữ và nghĩa, ...; từ đó vận dụng kiến thức lý thuyết để thực hành giải mã ngôn ngữ của các tác phẩm văn chương.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

Trang bị cho học viên kiến thức về ký hiệu ngôn ngữ.

Trang bị cho học viên kiến thức chung về ký hiệu học.

3.2. Về kỹ năng:

Vận dụng kiến thức ký hiệu học, ký hiệu trong ngôn ngữ vào phân tích các tác phẩm văn chương và các lĩnh vực khoa học khác.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.

- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Xác định được đặc trưng của ký hiệu học nói chung, ký hiệu học trong ngôn ngữ nói riêng.
CLO2	Mô tả được những vấn đề cơ bản của ký hiệu học, trong đó ngôn ngữ là một hệ thống ký hiệu đặc biệt, mối quan hệ giữa ký hiệu ngôn ngữ và nghĩa.
CLO3	Phân tích được về các khái niệm cơ bản của ký hiệu học để từ đó biết vận dụng vào phân tích các tác phẩm văn chương và các lĩnh vực khoa học khác.
CLO4	Trình bày các vấn đề về ký hiệu học, ký hiệu ngôn ngữ học và vận dụng kiến thức ký hiệu học để phân tích các tác phẩm văn chương.
CLO5	Tổ chức thực hiện giờ tự học để nâng cao kiến thức về ký hiệu học, ký hiệu ngôn ngữ học nhằm phân tích các tác phẩm văn học

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO3		PLO5			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	P6.3
CLO1	-	-	I	-	R	I	I	-	R	I
CLO2	-	I	-	R	-	-	-	R	I	-
CLO3	R	R	R	-	R	R	R	M	R	R
CLO4	M	-	M	R	-	-	M	-	I	M
CLO5	M	R	M	R	R	M	M	M	R	R
Học phần	M	R	M	R	R	R	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

Chủ động thực hiện giờ tự học.

Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).

Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.

Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Hoạt động tại lớp	Chuyên cần, tích cực hoạt động tại lớp.	R1,2	20%	20%	
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Tiểu luận giữa kỳ	R3	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Học viên thi cuối kỳ theo kỳ thi chung: Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan + tự luận Thời gian làm bài: 70 phút	R4,5	50%	50%	

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ KÝ HIỆU VÀ KÝ HIỆU HỌC 1. 1. Ký hiệu học 1.2. Ký hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.3. Các điều kiện để trở thành ký hiệu học 1.4. Sự khác biệt giữa ký hiệu và ký hiệu học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và	R1,2	CLO 1, 2,3,4

			điều phối của GV		
3	CHƯƠNG 2. BẢN CHẤT CỦA KÝ HIỆU 2.1. Tín hai mặt của ký hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.2. Tính vô đoán của ký hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
5	2.3. Giá trị khu biệt của ký hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
6	CHƯƠNG 3. NGÔN NGỮ LÀ MỘT HỆ THỐNG KÝ HIỆU ĐẶC BIỆT 3.1. Tính phức tạp, nhiều tầng bậc của hệ thống ký hiệu ngôn ngữ 3.2. Tính đa giá trị của ký hiệu ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	3.3. Tính hình tuyến của ký hiệu ngôn ngữ 3.4. Tính sản sinh của ký hiệu ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
8	3.5. Tính độc lập tương đối của ký hiệu ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo	R2,4	CLO 1, 2,3,4

			luận theo hướng dẫn và điều phối của GV		
9	CHƯƠNG 4. KÝ HIỆU VÀ NGHĨA 4.1. Tính đa nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	4.2. Hình thức và nội dung của ký hiệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	4.3. Ngôn ngữ-lời nói-ngôn từ-từ-văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
12	4.4. Mã và mã thẩm mỹ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
13	4.5. Ký hiệu, nghĩa và phê bình văn học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV		CLO 1, 2,3,4
14				R2,3,4	

15	Thảo luận và Ôn tập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV		CLO 1, 2,3,4,5
----	---------------------	-----------------	---	--	----------------

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Đỗ Hữu Châu	2005	<i>Từ vựng-ngữ nghĩa</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Lotman	2007	<i>Cấu trúc văn bản nghệ thuật</i>	Nxb. ĐHQG. Hà Nội
2	Mai Thị Kiều Phương	2008	<i>Tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ văn học</i>	Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Ngọc Chinh

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá tiểu luận

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168019		
Tên học phần:	NGÔN NGỮ VỚI SÁNG TẠO VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC		
1.2 Tên tiếng Anh:	LANGUAGE AND LITERARY ACQUISITION		
1.3 Số tín chỉ:	3		
1.4 Phân bố thời gian:			
- Lý thuyết:	30		
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30		
- Tự học:			
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:			
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Thị Giao Chi		
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:			
1.6 Điều kiện tham gia học phần:			
- Học phần tiên quyết:	Không		
- Học phần học trước:	Không		
- Học phần song hành:			
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do		
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương		
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:	☒ Kiến thức cơ sở ngành	
		☐ Kiến thức ngành	
		☐ Kiến thức bổ trợ tự do	
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp		

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học (Language and Literary Acquisition) nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận từ góc độ liên ngành ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận nghệ thuật ngôn từ nhằm làm sáng tỏ vai trò của ngôn ngữ trong việc tạo dựng các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ (tác phẩm văn học hay tác phẩm văn chương. Học phần

Ngôn ngữ và Tiếp nhận Văn học còn giúp người học xác lập cơ chế chuyển mã từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng gắn với hoạt động năng động của người tiếp nhận, góp phần làm sáng tỏ các vấn đề về lý luận tiếp nhận cũng như lý luận phê bình văn học, vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận phê bình văn học nhằm hình thành kỹ năng cảm nhận, phân tích, phê bình các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp cho người học các khái niệm và lý luận về ngôn ngữ, tiếp nhận và phê bình văn học
- Giúp người học xác lập mối liên quan giữa ngôn ngữ, ngôn ngữ học và văn chương
- Giúp người học xác định các đặc thù diễn ngôn văn học – ngôn ngữ hình tượng, hình ảnh, biện pháp tu từ, cốt truyện, lời thoại, cao trào
- Tạo cơ hội cho người học bàn luận các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân tích, phê bình, tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ
- Tạo điều kiện cho người học tranh luận các vấn đề cần quan tâm trong nghiên cứu sáng tạo và tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ - ngữ nghĩa học, mỹ học, phong cách học, tu từ học, dụng học, hành vi lời nói, lịch sử, bối cảnh văn hóa xã hội, hệ tư tưởng

3.2. Về kỹ năng:

- Giúp người học hình thành kỹ năng tiếp nhận văn học bằng phương tiện ngôn ngữ
- Giúp người học phát triển tính năng động của chủ thể tiếp nhận văn học qua lăng kính và bằng năng lực tiếp nhận văn học

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Diễn giải được các lý luận về ngôn ngữ, tiếp nhận và phê bình văn học
CLO2	Tranh luận các vấn đề cần quan tâm trong nghiên cứu sáng tạo và tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ - ngữ nghĩa học, mỹ học, phong cách học, tu từ học, dụng học, hành vi lời nói, lịch sử, bối cảnh văn hóa xã hội, hệ tư tưởng
CLO3	Xác định các đặc thù diễn ngôn văn học – ngôn ngữ hình tượng, hình ảnh, biện pháp tu từ, cốt truyện, lời thoại, cao trào
CLO4	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân tích, phê bình, tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ
CLO5	Phát triển tính năng động của chủ thể tiếp nhận văn học qua lăng kính và bằng năng lực tiếp nhận văn học

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO3			PLO5		PLO6			PLO9	
	PI3.1	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI9.1	P9.2
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	R	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	R	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên cần phải:

- Chủ động thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (học viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Học viên tham gia các hoạt động lớp học, thảo luận cặp/nhóm	R1,2	20%	20%	
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Học viên làm thuyết trình nhóm - đóng vai, phân tích tác phẩm, thể hiện đường hướng cách thức tiếp cận và tiếp nhận	R2,,3	30%	30%	
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Bài tập lớn (Viết phân tích phê bình tác phẩm văn học,	R5	50%	50%	

		thể hiện cách tiếp cận và tiếp nhận theo lý thuyết phân tích phê bình văn học)				
--	--	--	--	--	--	--

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
1	CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VĂN HỌC VÀ LÝ LUẬN VĂN HỌC 1.1. Văn học 1.1.1. Nghệ thuật 1.1. 2. Nghệ thuật sử dụng ngôn từ 1.1.3. Nghệ thuật viết sáng tạo	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.2. Literary Theory 1.2.1 Đọc hiểu hội dung 1.2.2 Đọc hiểu hình thức 1.2.3 Đọc triết lý 1.2.4 Văn học là lịch sử 1.2.5 Văn học là văn hóa 1.2.6 Văn học và giới 1.2.7 Đọc hiểu hội dung	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	1.3 Lý thuyết phê phán và phân tích văn học 1.3.1. Lý thuyết phê phán 1.3.2. Phân tích văn học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	CHƯƠNG 2. NGÔN NGỮ, NGÔN NGỮ HỌC VÀ VĂN CHƯƠNG 2.1. 1 Các mối quan hệ cơ bản 2.1. 2 Văn bản 2.1.3 Ngữ pháp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4

	2.1. 4 Diễn ngôn				
5	2.2. Ngôn ngữ, Ngôn ngữ học và Văn chương 2.2.1 Mối quan hệ ngôn ngữ 2.2.2 Lý luận văn học 2.2. 3 Phong cách học 2.2. 4 Ngữ dụng học 2.2.5 Hành vi lời nói trong văn học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	CHƯƠNG 3. CẤU TRÚC VĂN HỌC 3.1. Ý nghĩa cấu trúc văn học 3.1.1 Hiểu văn học 3.1.2 Phân tích văn học 3.1. 3Cảm thụ văn học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	3.2. Hệ thống 3.2.1 Cấp độ vĩ mô: ngữ pháp 3.2. 2Cấp độ vi mô: Cấu trúc văn bản 3.2. 3Phân tích cấu trúc ngôn ngữ kể chuyện 3.2.4 Cấu trúc và dụng ý tác giả	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
8	3.3. Ký hiệu học 3.3.1. Ký hiệu học 3.3.2. Nhược điểm của ký hiệu học	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4

9	CHƯƠNG 4. NGÔN NGỮ VĂN CHƯƠNG 4.1. Hiểu ngôn ngữ kịch 4.2. Hiểu thơ ca	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
10	4.3. Hiểu ngôn ngữ truyện 4.4. Sáng tác	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO3,4,5
11	CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH VĂN HỌC 5.1. Phân tích nội dung, chủ đề 5.1. 1 Cốt truyện 5.1. 2 Chủ đề trong thơ ca 5.1. 3 Hệ tư tưởng trong truyện 5.1.4 Giọng kể 5.1.5 Góc nhìn của nhà thơ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	5.2. Cảm nhận ngôn ngữ biểu đạt 5.2.1 Ngôn ngữ hình tượng 5.2. 2 Ngôn ngữ hình ảnh 5.2. 3 Giọng văn 5.2. 4 Thủ pháp tu từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 3,4,5
13	CHƯƠNG 6. PHÊ BÌNH VĂN HỌC 6.1. Cảm thụ văn học 6.1.1 Cách tiếp cận truyền thống 6.1.2 Cách tiếp cận thẩm mỹ 6.1.3 Cách tiếp cận cấu trúc	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 2,3,4

14	6.2. Thực hành phê bình văn học 6.2.1 Tìm hiểu ngữ cảnh 6.2.2 Tìm hiểu tác giả 6.2.3 Tìm hiểu văn bản 6.2.4 Giải mã ngôn từ 6.2.5 Lựa chọn giọng văn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5
15	Thảo luận và Ôn tập	GV tổ chức ôn tập theo chuyên đề	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4,5	CLO 3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Hà Minh Đức và các tác giả	2003	<i>Lý luận văn học</i>	Nxb Giáo dục, Hà Nội
2	Lê Nguyên Căn	2000	<i>Phân tích – Bình giảng tác phẩm văn học nước ngoài</i>	Nxb. ĐHQG. Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Ann B. Dobie	2012	<i>Theory into Practice: An Introduction to Literary Criticism, Third Edition</i>	Boston: Wadsworth
2	Bennett and Nicholas Royle	2004	<i>Introduction to Literature, Criticism and Theory – Third Edition</i>	London; Longman

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loa

Lê Thị Giao Chi

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Đánh giá bài tập tiểu luận**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	4168020
Tên học phần:	GIAO THOA VĂN HÓA
1.2 Tên tiếng Anh:	Cross-Cultures
1.3 Số tín chỉ:	2
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Nguyễn Ngọc Chinh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Giao thoa văn hóa là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm về văn hóa, đặc tính của văn hóa, giao thoa văn hóa, sốc và xung đột trong giao văn hóa. Người học còn được trang bị kiến thức về các giá trị văn hóa, tính lịch sự trong dụng học giao văn hóa, các hình thức xung hô trong các ngôn ngữ- văn hóa khác nhau. Ngoài ra, người

học có thể so sánh đối chiếu các hình thức giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa, một số hành vi ngôn từ trong dụng học giao văn hóa và phát triển năng lực nghiên cứu về các hành vi ngôn từ trong giao văn hóa. Học phần dành cho học viên sau đại học chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. Những học viên sau đại học thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác cũng tìm thấy ở môn học này những kiến thức bổ ích và thiết thực

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc tính của văn hóa, giao thoa văn hóa.
- Trang bị cho người học kiến thức về các giá trị văn hóa trong giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa.
- Giúp người học hiểu rõ thể diện và tính lịch sự trong dụng học giao văn hóa.
- Cung cấp cho người học kiến thức về giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa.

Về kỹ năng:

- Giúp người học hiểu rõ các hình thức xung hô trong các ngôn ngữ-văn hóa để giao tiếp hiệu quả hơn.
- Trang bị cho người học kiến thức về một số hành vi ngôn từ trong dụng học giao văn hóa.

3.2. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về văn hóa, các đặc tính của văn hóa, giá trị văn hóa, giao thoa văn hóa, giao tiếp phi ngôn từ.
CLO2	Phân tích được các giá trị văn hóa và ảnh hưởng của chúng trong giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa.
CLO3	Giải thích được các khía cạnh của thể diện và tính lịch sự trong dụng học giao văn hóa.
CLO4	So sánh đối chiếu được các hình thức giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa.
CLO5	So sánh đối chiếu được các hành vi ngôn từ trong giao thoa văn hóa.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI
-----	----------

	PLO1			PLO3		PLO5			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI3.2	PI3.3	PI5.1	PI5.2	PI5.3	PI6.1	P6.3
CLO1	I	-	I	-	R	I	I	-	R	I
CLO2	R	I	-	R	-	-	-	R	I	-
CLO3	-	R	R	-	R	R	R	M	R	R
CLO4	I	-	M	R	-	-	M	-	I	M
CLO5	R	R	M	R	R	M	M	M	R	R
Học phần	I	R	M	R	R	R	M	M	R	R

6. Nhiệm vụ của học viên

- Tham dự giờ học và thảo luận: học viên cần phải tham dự ít nhất là 80 % các buổi học cũng như các cuộc thảo luận ở tổ hay toàn lớp. Học viên, tùy theo sự phân công cụ thể của lớp hoặc giảng viên phụ trách bộ môn, sẽ chịu trách nhiệm trình bày một nội dung nào đó trong chương trình bộ môn và hướng dẫn thảo luận,

- Làm việc nhóm: tùy theo sự phân công cụ thể của lớp mỗi học viên sẽ được biên chế vào một nhóm, mỗi nhóm sẽ chịu trách nhiệm thực hiện một bài tập nghiên cứu về một nội dung có liên quan đến chương trình môn học.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Học viên thuyết trình trước lớp: - Học viên được phân nhóm để chuẩn bị thuyết trình trước lớp về một chủ đề là một phần của nội dung chương được cho trước. - Học viên thuyết trình theo nhóm trong mỗi buổi học.	R3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Học viên làm bài kiểm tra giữa kỳ:	R4,5	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4

		- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm tự luận - Học viên làm bài trắc nghiệm tự luận sau khi hoàn tất việc học các chương 1, 2 và 3.				
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Trắc nghiệm khách quan + tự luận	R4,5	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1	CHƯƠNG 1. VĂN HÓA VÀ GIAO THOA VĂN HÓA 1.1. Văn hóa - Định nghĩa văn hóa - Các đặc tính của văn hóa - Nền tảng của các khác biệt văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.2. Giao thoa văn hóa - Định nghĩa giao thoa văn hóa - Sốc và xung đột trong giao thoa văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	1.3. Giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ Thảo luận	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4

4	CHƯƠNG 2. CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA 2.1. Các chiều văn hóa của Hofstede - Tính cá nhân / tính tập thể - Khoảng cách quyền lực - Mức độ e ngại rủi ro - Nam tính/ nữ tính - Định hướng ngắn hạn và dài hạn	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
5	2.2. Áp lực quyền lực trong giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
6	2. Liên kết và phương tiện liên kết, phép liên kết - Liên kết - Phương tiện liên kết - Phép liên kết - Vai trò của liên kết đối với cấu trúc nội dung của văn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
7	CHƯƠNG 3. TÍNH LỊCH SỰ TRONG DỤNG HỌC GIAO VĂN HÓA 3.1. Trực tiếp – gián tiếp - Hành động lời nói trực tiếp - Hành động lời nói gián tiếp	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
8	3.2. Tính lịch sự trong dụng học giao văn hóa - Thể diện - Lịch sự âm tính và lịch sự dương tính	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,4	CLO 1, 2,3,4

9	CHƯƠNG 4. GIAO TIẾP PHI NGÔN TỪ TRONG GIAO THOA VĂN HÓA 4.1. Giao tiếp phi ngôn từ - Định nghĩa giao tiếp phi ngôn từ - Tầm quan trọng của giao tiếp phi ngôn từ - Các chức năng cơ bản của giao tiếp phi ngôn từ - Các nguyên tắc của giao tiếp phi ngôn từ - Phân loại giao tiếp phi ngôn từ - Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và giao tiếp phi ngôn từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	- Phân loại giao tiếp phi ngôn từ - Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và giao tiếp phi ngôn từ 4.2. Giao tiếp phi ngôn từ trong giao thoa văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
11	CHƯƠNG 5. HÌNH THỨC XUNG HÔ TRONG CÁC NGÔN NGỮ 5.1. Hình thức xung hô - Định nghĩa hình thức xung hô - Hình thức xung hô trong các ngôn ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
12	5.2. Quan hệ xung hô trong ngôn ngữ- văn hóa - Quan hệ xung hô trong ngôn ngữ - văn hóa Việt - Hình thức xung hô trong các ngôn ngữ - văn hóa Anh-Mỹ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5

13	CHƯƠNG 6. HÀNH VI NGÔN TỪ TRONG DỤNG HỌC GIAO VĂN HÓA 6. 1. Hành vi ngôn từ - Định nghĩa hành vi ngôn từ - Các đặc điểm của hành vi ngôn từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	6.2. Các hành vi ngôn từ trong dụng học giao văn hóa - Hành vi chào hỏi - Hành động ngỏ lời giúp đỡ - Hành vi xin phép và hỏi đáp - Hành vi khen trong dụng học giao văn hóa Việt-Mỹ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
15	Ôn tập	GV Tổ chức ôn tập theo chủ đề	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Quang	2002	<i>Giao Tiếp và Giao Tiếp Giao Văn Hóa</i>	NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Hồ Thị Kiều Oanh	2014	<i>Một số phương tiện ngôn ngữ biểu đạt tính lịch sự trong giao tiếp lời nói bằng tiếng Anh và tiếng Việt - Hành động ngỏ lời giúp đỡ</i>	Nxb Đại học Huế

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024**11. Cấp phê duyệt:****Trưởng khoa****Tổ trưởng Bộ môn****Giảng viên biên soạn**

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Ngọc Chinh

RUBRIC ĐÁNH GIÁ**R1.Đánh giá chuyên cần****R2. Đánh giá hoạt động****R3. Đánh giá thuyết trình****R4. Kiểm tra trắc nghiệm****R5. Kiểm tra tự luận**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHUYÊN ĐỀ

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã chuyên đề:	4168021
Tên chuyên đề:	LÝ THUYẾT DỊCH
1.2 Tên tiếng Anh:	THEORY OF TRANSLATION
1.3 Số tín chỉ:	3
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Thị Giao Chi
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành
	☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lý Thuyết Dịch (Theory of Translation) nhằm trang bị cho người học những kiến thức, lý luận và kỹ năng cần thiết về dịch thuật như là một hoạt động xuyên ngôn ngữ. Người học sẽ được tiếp cận các vấn đề về lý thuyết dịch thuật từ khái niệm, lịch sử đến các vấn đề liên quan đến dịch thuật như quan hệ ngôn ngữ với văn hóa, cách tiếp cận tương đương, hiện tượng thêm bớt, hiện tượng không dịch được, vấn đề nghĩa trong dịch, v.v.

Ngoài ra, người học còn có cơ hội phân tích các cách tiếp cận dịch thuật từ góc nhìn ngôn ngữ, hệ thống chức năng nhằm vận dụng các lý thuyết dịch thuật vào giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực hành dịch. Người học còn có cơ hội đánh giá các sản phẩm dịch thông qua hoạt động phê bình dịch, qua đó rút ngắn khoảng cách nhận về lý luận dịch thuật và thực tiễn thực hành dịch.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Cung cấp các khái niệm và mô hình cơ bản liên quan đến dịch thuật
- Bàn luận các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động dịch – yếu tố văn hóa, ngữ cảnh, loại văn bản, ngữ nguồn, ngữ đích
- Bàn luận các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dịch: vấn đề nghĩa trong dịch, tương đương, hiện tượng không dịch được, chuẩn mực dịch, giải mã, tái lập mã, chuyển đổi trong dịch
- Bàn luận các cách tiếp cận dịch thuật (trên bình diện ngôn ngữ, chức năng, hệ thống chức năng)

3.2. Về kỹ năng:

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành, phân tích, và phê bình dịch.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Liệt kê được các khái niệm và vấn đề liên quan đến dịch thuật như là một ngành khoa học ngôn ngữ
CLO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động dịch - văn hóa, ngữ cảnh, loại văn bản, ngữ nguồn, ngữ đích
CLO3	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dịch: vấn đề nghĩa trong dịch, tương đương, hiện tượng không dịch được, chuẩn mực dịch, hiện tượng giải mã và tái lập mã, chuyển đổi trong dịch
CLO4	Vận dụng các cách tiếp cận dịch thuật (trên bình diện ngôn ngữ, chức năng, hệ thống chức năng)

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO8			PLO9	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	P9.2
CLO1	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-

CLO2	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO3	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO4	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải:

- Đọc tài liệu tham khảo trước khi đến lớp
- Tham gia thảo luận trên lớp
- Hợp tác với giảng viên và các học viên cùng nhóm
- Làm bài tập nhóm
- Thuyết trình hoạt động phân tích và phê bình dịch theo nhóm

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập nhóm	Khả năng làm việc theo nhóm, thuyết trình và thảo luận	R2,3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Kiểm tra giữa kỳ	Học viên làm thuyết trình nhóm (phân tích các cách tiếp cận dịch thuật, chọn trích đoạn song ngữ)	R3	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Bài tập lớn (Viết phân tích tác phẩm dịch, phê bình các cách tiếp cận dịch, đưa minh chứng từ khối liệu song ngữ)	R5	50%	50%	CLO 3 CLO 4

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	CĐR học phần
---------------	-------------------	----------------------	--------------	--------------

1	CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU DỊCH THUẬT VÀ NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT 1. 1. Định nghĩa 1.2. 1 Các khái niệm cơ bản trong dịch thuật 1.2.2 Dịch là khái niệm 1.2.3 Dịch là quá trình 1.2.4 Dịch là sản phẩm 1.2.5 Dịch là hoạt động giao tiếp 1.2.6 Dịch là hoạt động ngôn ngữ 1.2.7 Dịch là hoạt động dạy ngoại ngữ 1.2. 8 Dịch thuật là một ngành nghiên cứu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
2	1.3. Lịch sử nghiên cứu dịch thuật 1.3.1 Thực hành dịch thuật 1.3.2 Lý thuyết dịch trước thế kỷ 20 1.3.3. Lý thuyết dịch đương đại 1.3.4 Contemporary translation	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3	CHƯƠNG 2. CÁC VẤN ĐỀ VỀ DỊCH THUẬT VÀ NGHIÊN CỨU DỊCH THUẬT 2.1.1 Dịch là một nghề nghiệp 2.1.2 Điều kiện tiên quyết 2.1.3 Các yêu cầu đối với dịch giả 2.1.4 Đạo đức của người phiên dịch 2.1.5 Kỹ năng biên –phiên dịch Các loại hình dịch thuật	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
4	2.2. Các tranh cãi trong dịch thuật	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4

	2.2.1 Dịch thuật – Đường hướng ngôn ngữ hay văn hóa 2.2.2 Dịch thuật – Sát từ (word for word) hay sát nghĩa (sense for sense) 2.2.3 Dịch thuật – hình thức hay ý nghĩa 2.2.4 Dịch thuật – liên ngữ, nội ngữ hay liên kí hiệu 2.2. 5 Dịch thuật phong cách, hình thức hay nội dung 2.2. 6 Tương đương dịch thuật		tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV		
5	CHƯƠNG 3. CÁC KHÍA CẠNH DỊCH THUẬT 1 3.1. Khía cạnh ngôn ngữ 3.1.1 Nội ngữ (Intralingual) 3.1.2 Liên ngữ (Interlingual) 3.1.3 Liên kí hiệu (Intersemiotic)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
6	3.2. Ngôn ngữ và Văn hóa 3.2.1 Ngôn ngữ và văn hóa 3.2.2 Ngôn ngữ và Tư duy 3.2.3 Khác biệt văn hóa	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7	3.3. Ngữ cảnh trong dịch 3.3.1. Từ trong ngữ cảnh 3.3.2. Quan hệ từ 3.4. Loại hình văn bản 3.4.1. Loại văn bản 3.4.2. Ngữ cảnh, Nghĩa, Thể loại	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 2,3,4

8	3.5. Ngôn ngữ nguồn và Ngôn ngữ đích 3.5.1. Ngôn ngữ nguồn và Ngôn ngữ đích 3.5.2. Văn bản nguồn và Văn bản đích	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4
9	CHƯƠNG 4. CÁC KHÍA CẠNH DỊCH THUẬT 2 4.1. Vấn đề nghĩa trong dịch 4.2. Equivalence	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4,5
10	4.3. Hiện tượng không chuyển dịch 4.4. Chuẩn mực dịch thuật 4.5. Giải mã và Tái lập mã	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,4,5
11	CHƯƠNG 5. CÁC CÁCH TIẾP CẬN TRONG DỊCH THUẬT 5.1. Cách tiếp cận ngôn ngữ 5.1.1 Cách tiếp cận của Jacobson 5.1.2 Mô hình ngôn ngữ của Catford 5.1.3 Cách tiếp cận của Vinay and Darbelnet	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
12	5.2. Cách tiếp cận chức năng 5.2.1 Góc nhìn chức năng về nghĩa 5.2.2 Hiểu nghĩa trong ngữ cảnh	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận	R1,2	CLO 2,3,4

	5.2.3 Cách tiếp cận của Peter Newmark		theo hướng dẫn và điều phối của GV		
13	5.3. Cách tiếp cận hệ thống chức năng 5.3.1 Ý niệm 5.3.2 Liên nhân 5.5.3 Ngôn bản	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
14	CHƯƠNG 6. PHÊ BÌNH DỊCH VÀ THỰC HÀNH 6.1. Phân tích văn bản 6.1.1 Dụng ý của tác giả 6.1.2 Ý định của dịch giả 6.1.3 Thông điệp của bản văn 6.1.4 Độc giả 6.1.5 Loại hình văn bản 6.1.6 Các cấp độ tu từ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
15	6.2. Phê bình dịch và thực hành 6.2.1 Dụng ý của tác giả 6.2.2 Ý định của dịch giả 6.2.3 Thông điệp của bản văn 6.2.4 Độc giả 6.2.5 Thực hành phê bình dịch Ôn tập	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 2,3,4

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Jeremy Munday	2009	<i>Nhập môn nghiên cứu dịch thuật: Lý thuyết và ứng dụng</i>	NXB Tri thức

Sách, giáo trình tham khảo				
1	Jeremy Munday	2009	<i>Introducing Translation Studies: Theory and Applications</i>	London; Routledge
2	Lawrence Venuti	1991	<i>The Translation Studies Readers</i>	London; Routledge

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			
2			

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Lê Thị Giao Chi

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

R5. Đánh giá bài tiểu luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

- Ngành: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
- Mã ngành: 8220241
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHUYÊN ĐỀ

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã chuyên đề:	4168022
Tên chuyên đề:	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NGHIÊN CỨU VÀ DẠY HỌC NGOẠI NGỮ
1.2 Tên tiếng Anh:	Computer-Assisted Language Learning and Research
1.3 Số tín chỉ:	3
1.4 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	30
- Tự học:	
1.5 Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Nguyễn Văn Long
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.6 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	
1.7 Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.8 Thuộc khối kiến thức	☐ Giáo dục đại cương
	☐ Giáo dục chuyên nghiệp, cụ thể:
	☒ Kiến thức cơ sở ngành
	☐ Kiến thức ngành
	☐ Kiến thức bổ trợ tự do
	☐ Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần được thiết kế nhằm giới thiệu cho học viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ. Học phần bao gồm yếu tố lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những

tài liệu nghiên cứu về CALL cũng như các phương pháp sư phạm hiện hành trong việc học ngôn ngữ.

Việc ứng dụng máy tính và công nghệ thông tin trong dạy và học ngôn ngữ ngày nay đã tồn tại một thời gian dài và dần phát triển. Để công nghệ này có thể được áp dụng hiệu quả, bản thân giáo viên phải có hiểu biết đáng kể về bản chất và quá trình hoạt động của công nghệ trong khuôn khổ chuyên môn. Học viên có mong muốn theo đuổi trình độ cao hơn ở các lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng hoặc TESOL, hoặc dự định bắt đầu việc giảng dạy ngôn ngữ, sẽ nhận thấy khóa học hữu ích và thiết thực.

Học phần sẽ trình bày cho học viên về ứng dụng của máy tính cũng như các công nghệ khác hiện nay trong việc dạy và học ngôn ngữ. Học phần sẽ bao gồm các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn, dựa trên những tài liệu nghiên cứu về CALL cũng như các phương pháp giáo học pháp hiện hành trong giáo dục ngôn ngữ. Kết thúc học phần, học viên sẽ có khả năng tự phát triển dự án CALL của riêng mình

3. Mục tiêu học phần

3.1. Về kiến thức:

- Nắm bắt kiến thức hoạt động của các tài liệu về lĩnh vực CALL.
- Nhận thức được mối liên hệ giữa công nghệ thông tin và giáo học pháp.
- Có khả năng đánh giá phê phán về các chương trình CALL.

Về kỹ năng:

- Thiết kế và phát triển một chương trình CALL.
- Thảo luận những vấn đề nghiên cứu và tìm thấy chủ đề trong lĩnh vực CALL/TELL..

3.2. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trang bị cho người học năng lực chủ động, tích cực, tự giác học tập.
- Trang bị cho người học năng lực tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR học phần	Nội dung CDR học phần (CLO)
CLO1	Áp dụng được lý thuyết ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ.
CLO2	Giải thích được mối liên hệ tương hỗ giữa CNTT và giáo học pháp.
CLO3	Phát triển tư duy phê phán trong phân tích và tổng hợp kết quả từ khối liệu và tổng quan tài liệu nghiên cứu.
CLO4	Xây dựng được một chương trình ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ.
CLO5	Xác định chủ đề và sử dụng tài liệu nghiên cứu trong lĩnh vực ứng dụng CNTT.

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)

CLO	PLO & PI									
	PLO1			PLO2		PLO4			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.3	PI2.1	PI2.3	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI7.1	P7.3
CLO1	-	-	I	-	-	I	I	-	R	R
CLO2	R	R	-	R	-	-	-	R	R	-
CLO3	-	M	R	-	M	R	R	M	R	M
CLO4	R	-	M	R	-	-	M	-	M	M
CLO5	R	M	M	R	M	M	M	M	M	R
Học phần	R	M	M	R	M	R	M	M	M	M

6. Nhiệm vụ của học viên

Presentation:Thuyết trình

Học viên sẽ thực hiện một bài thuyết trình cá nhân/cặp/nhóm trong vòng 20-30 phút, được hỗ trợ bởi các tài liệu online(hoặc tài liệu giấy) dựa trên những vấn đề nảy sinh từ khóa học và được thảo luận với giảng viên.

Tiêu chí: 25% đối với mỗi phạm vi thực nghiệm, mô tả và phân tích, sử dụng tài liệu, và trình bày.

Literature review essay:Tiểu luận tổng quan tài liệu

Chọn một trong những phạm vi chủ đề, chọn lọc và nghiên cứu phê phán một lượng đáng kể các tài liệu tổng quan nghiên cứu trước đây, tùy vào sở thích cá nhân hoặc trong bối cảnh công nghệ thông tin và kỹ năng ngôn ngữ nói chung. Đây là bài tập về Tổng quan tài liệu phê phán. Cần đảm bảo bao gồm cả ý tưởng/mô tả VÀ ví dụ về công trình dựa trên công nghệ thông tin có đính kèm địa chỉ URL thích hợp hoặc đĩa, băng, vv. Bài tiểu luận (khoảng 1000 từ) có thể không cùng chủ đề với bài thuyết trình đầu tiên. Thảo luận chủ đề với giảng viên.

Tiêu chí: 25% cho mỗi mục nghiên cứu, phạm vi thực nghiệm, mô tả và phân tích, trình bày.

Thiết kế chương trình CALL, thử nghiệm và đánh giá:

1. Chọn một chương trình biên soạn (ví dụ: Hot Potatoes, QUIA, hoặc bất kỳ chương trình khác), thiết kế một mô đun hoặc một đơn vị CALL đơn giản dành cho giáo viên hoặc học sinh. Mô đun hoặc đơn vị đó hoặc là nền tảng web hoặc là độc lập. Mô đun cần bao gồm lý do thực hiện được trình bày dạng tiểu luận, trong đó chứa:

- ✓ mô tả về đối tượng dự định
- ✓ cách những tài liệu nên được sử dụng
- ✓ vai trò của phần mềm công nghệ thông tin, người học, người dạy, và
- ✓ cách thức chúng có thể được tích hợp vào một bài học hoặc một chuỗi bài học
- ✓ mô tả về ngữ cảnh học tập cho mỗi mô đun được thiết kế, ví dụ:
- ✓ nơi phù hợp với chương trình dạy và học nói chung
- ✓ những gì được dạy trước khi mô đun này được áp dụng
- ✓ những gì sẽ được dạy sau đó

Sử dụng các tiêu đề: Description of learners, Description of teaching environment, Pedagogical Approach, vv

2. Thử nghiệm chương trình CALL trên ít nhất 2 người học, có thể là thành viên của chính lớp học nếu không thể tiếp cận được những người học ngôn ngữ thực tế. Nên đính kèm một bản sao về nhận xét của người học và/hoặc một bản báo cáo điều tra, cũng như đánh giá của chính mình về quá trình thực hiện chương trình.
3. Độ dài: (a): Lý do thực hiện dành cho thiết kế phần mềm: dạng tiểu luận, 1000 từ; (b): Đánh giá về quá trình thử nghiệm: 400 từ.
4. Cần nộp:
 - a) Chương trình CALL (hoặc địa chỉ web nếu là chương trình online)
 - b) Hướng dẫn về cách thức mở chương trình
 - c) Tiểu luận Lý do thực hiện
 - d) Nhận xét của người đánh giá chương trình
 - e) Đánh giá của bản thân

Tiêu chí: 25% mỗi mục đối với Sự tích hợp/Lý do thực hiện; Quá trình thực hiện và thiết kế phần mềm; Khảo sát/Nhận xét của người học; Đánh giá của bản thân.

7. Đánh giá học phần

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần
Thành phần 1	Bài tập cá nhân	Trình bày chủ đề tự chọn (presentation)	R2,3	20%	20%	CLO 1 CLO 2 CLO 3
Thành phần 2	Bài tập lớn và bài kiểm tra giữa kỳ	Báo cáo tổng quan tài liệu nghiên cứu trước đây (Library research)	R3	30%	30%	CLO 2 CLO 3 CLO 4
Thành phần 3	Thi kết thúc học phần	Thiết kế chương trình CALL (CALL software design, testing and evaluation)	R5	50%	50%	CLO 3 CLO 4 CLO 5

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
1,2	1. Giới thiệu về các công nghệ mới có thể ứng dụng trong việc dạy và học ngôn ngữ 2. Giới thiệu về phần cứng và phần mềm máy tính: Những điều giáo viên ngoại ngữ cần biết	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
3,4	3. Sử dụng phần mềm xử lý văn bản và thuyết trình trong lớp học ngoại ngữ hiện đại 4. Giới thiệu về khái niệm học ngoại ngữ thông qua sự hỗ trợ của máy tính (CALL)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
5,6	5. Giới thiệu Internet 6. Tích hợp ITC vào việc dạy ngoại ngữ	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2	CLO 1, 2,3,4
7,8	7. Giới thiệu về các phương tiện dùng cho CALL 8. Khai thác các tài nguyên mạng trực tuyến và phi trực tuyến	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4
9,10	9. Sử dụng chương trình concordance trong lớp học ngoại ngữ hiện đại 10. Giới thiệu các chương trình biên soạn CALL	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
11,12	11. Quản lý một trung tâm ngôn ngữ đa phương tiện	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực	R1,2	CLO 1, 2,3,4

	12. Thiết kế và triển khai phần mềm CALL		tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV		
13	13. Tạo lập trang web	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,3	CLO 1, 2,3,4
14	14. Ngôn ngữ học khối liệu	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R2,4	CLO 1, 2,3,4
15	15. Công nghệ ngôn ngữ con người (HLT)	GV Thuyết giảng	Học viên theo dõi, tích cực tham gia thảo luận theo hướng dẫn và điều phối của GV	R1,2,3	CLO 1, 2,3,4,5

9. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Davies, G. (Ed.)	2012	<i>Information and Communications Technology for Language Teachers (ICT4LT)</i>	Slough: Thames Valley University
2	Levy, M., & Stockwell, G	2006	<i>CALL dimensions: Options and issues in Computer-Assisted Language Learning</i>	London: Erlbaum

Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Văn Long	2013	<i>Integrating computer-mediated communication into foreign language education: A Vietnamese sociocultural context of higher education</i>	Munich: Lincom Academic Publishers.

Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Thư viện Ngôn ngữ học	https://hcmussh.edu.vn/thuvien	12/5/2024
2	Ngôn ngữ học lý thuyết	https://www.ngonnguhoc.org/nghien-cuu/tac-gia-tac-pham/1011-2021-02-02-07-15-51	12/5/2024

10. Năm phê duyệt: 2024

11. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Tổ trưởng Bộ môn

Giảng viên biên soạn

Lê Thị Phương Loan

Nguyễn Văn Long

RUBRIC ĐÁNH GIÁ

R1.Đánh giá chuyên cần

R2. Đánh giá hoạt động

R3. Đánh giá thuyết trình

R4. Kiểm tra trắc nghiệm

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Ngoại ngữ về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Trưởng Khoa quản lý sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Ngoại ngữ và theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá./.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Đối sánh với CDR của các CTĐT đang đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT Ngôn ngữ Anh		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.	Có khả năng am hiểu sâu về lý thuyết và kỹ năng trong khoa học ngôn ngữ Anh, có khả năng phân tích, tổng hợp, vận dụng các lý thuyết hiện đại, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học ngôn ngữ và văn hoá trong lĩnh vực tiếng Anh cũng như khả năng hướng dẫn nghiên cứu trong lĩnh vực này.	X	X	X	X	X	X				
2.	Có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học-công nghệ của đất nước, đóng góp một cách hiệu quả vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.									X	X
3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ 2 tương đương B1 tiếng Pháp bậc 3/6 theo khung tham chiếu năng lực chuẩn Châu Âu hoặc bằng Đại học chuyên ngành Ngoại ngữ khác (Pháp, Nga, Trung ...)										
4	Có kiến thức, kỹ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục đại học và phổ thông, và công việc tại môi trường lao động sử dụng tiếng Anh			X	X	X	X				

Chuẩn đầu ra của CTĐT Ngôn ngữ Anh		Chuẩn đầu ra của CTĐT hiện hành									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Có khả năng khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng Anh										
6	Có thể làm việc với tư cách là nhà giáo dục, nghiên cứu về ngôn ngữ Anh tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường Phổ thông Trung học và Cơ sở; nhà quản lý, chuyên viên cao cấp về ngoại ngữ, đặc biệt là Anh ngữ cho các tổ chức giáo dục, các đơn vị hành chính sự nghiệp.			X	X	X	X	X			
7	Có khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc Tiến sĩ trong và ngoài nước; Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như tự nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí quản lý chuyên môn ở cơ quan công tác.							X	X	X	

Đối sánh với CDR của các CTĐT tiên tiến:

Tên Trường được chọn để đối sánh:

(1). Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

(2). Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tiêu chí	CTĐT Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	CTĐT Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	CTĐT Ngôn ngữ học Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội
Chuẩn đầu ra về kiến thức	PLO1. Ứng dụng kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học ngôn ngữ vào học tập và công việc. PI.1.1: Xác định được mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ, mối quan hệ qua lại giữa chúng, và quá trình ảnh hưởng đến mối quan hệ này PI.1.2: Phân tích được bản chất và cơ sở của các lý thuyết, mô hình, nguyên tắc, và giả thuyết về ngôn ngữ PI.1.3: Sử dụng hiệu quả kiến thức về ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế PLO2. Ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ, và các thủ pháp phân tích, đối	PLO1: Kiến thức về ngôn ngữ học, ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu và các khoa học có liên quan; PLO2: Kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước trên thế giới; PLO3: Kiến thức về biên- phiên dịch; Kiến thức về giảng dạy ngôn ngữ trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể;	PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học. PLO 2. Lý giải được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ học nhờ vận dụng được kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành. PLO 3. Đánh giá một cách khách quan về một số lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến Ngôn ngữ học như các vấn đề lý luận chung của ngôn ngữ học, các vấn đề nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ học. PLO 4. Xác định được một đề tài nghiên cứu, trình bày được kết quả nghiên cứu dưới dạng thuyết trình hay một sản phẩm nghiên cứu như bài báo, luận văn. PLO 5. Tạo ra một luận văn đáp ứng các yêu cầu luận văn thạc sĩ

	chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế PI.2.1: Phân biệt rõ ràng các cấp độ khác nhau của sự phân tích ngôn ngữ, ngữ âm học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ. PI.2.2: Xác định các loại nguồn và ý nghĩa của các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ một cách hợp lý PI.2.3: Sử dụng đúng các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế		đối với chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn theo Quy chế Đào tạo sau đại học hiện hành của ĐHQGHN, có đóng góp mới về lý luận, học thuật, là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh.
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	PLO3. Thực hiện nghiên cứu khoa học về so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác. PI.3.1: Sử dụng chuẩn xác các phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng trong so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác PI.3.2: Xây dựng đề cương nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo	PLO4: Phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành được đào tạo để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu ngôn ngữ vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; PLO5: Ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên	PLO 6. Xác định khung nghiên cứu cho một đề tài về ngôn ngữ (xây dựng đề cương, đi điền dã, thu thập và xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp và trình bày kết quả nghiên cứu, v.v). PLO 7. Hệ thống hoá các tri thức về Ngôn ngữ học dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên

PI.3.3: Viết báo cáo tổng thuật nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo PLO4. Tạo ra các nguồn tài nguyên và tài liệu cho công việc học tập, nghiên cứu ngôn ngữ có hiệu quả PI.4.1: Tạo ra được tài liệu tổng quan liên quan đến vấn đề nghiên cứu PI.4.2: Tìm kiếm được thông tin và giải pháp phù hợp cho vấn đề nghiên cứu PI.4.3: Chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc có đóng góp quan trọng vào việc thực hiện một dự án có liên quan đến ngôn ngữ (giảng dạy, xây dựng chính sách, kiểm tra năng lực ngôn ngữ, xây dựng chương trình, giáo án giảng dạy, từ điển, v.v.) PLO5. Đánh giá xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mối tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác PI.5.1: Giải thích hợp lý các vấn đề ngôn ngữ và những thách thức ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh chuyên môn khác nhau	dịch, phiên dịch và giảng dạy; Vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ so sánh, đối chiếu: Các vấn đề về Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học v.v PLO6: Có kỹ năng so sánh, đối chiếu ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng viết luận văn, luận án bằng ngoại ngữ hoặc bằng tiếng Việt tùy theo khả năng; PLO7: Biết xác định hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu nói riêng.	môn và khoa học với các nhà nghiên cứu Ngôn ngữ học trong và ngoài nước. PLO 8. Lập kế hoạch, tổ chức nhóm làm việc để giải quyết các vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ và Ngôn ngữ học. PLO 9. Thuyết trình, thảo luận, tranh luận, đối thoại, giao tiếp trực tuyến và giao tiếp qua văn bản. PLO 10. Sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam trong công tác chuyên môn, nghiên cứu và tiếp cận các thông tin có liên quan đến hoạt động chuyên môn về Ngôn ngữ học.
---	---	--

	PI.5.2: Đánh giá một cách hiệu quả những xu hướng vận động, phát triển của tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mối tương quan với các ngôn ngữ khác PI.5.3: Sử dụng các khía cạnh phức tạp và xuyên suốt của kỹ năng phân tích, đối chiếu ngôn ngữ nhằm xác định đúng xu hướng vận động và phát triển của tiếng Việt trong mối tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác PLO6. : Đánh giá hiệu quả xu hướng giao thoa văn hóa và tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới PI.6.1: Phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là trong ngữ cảnh đa ngôn ngữ, và liên quan đến các phương pháp, mô hình và ứng dụng trong nghiên cứu giao thoa văn hoá và tiếp nhận văn học bằng hai ngôn ngữ trở lên. PI.6.2: Đánh giá những xu hướng giao thoa văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.		
--	--	--	--

	PI.6.3: Đánh giá những xu hướng tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới. PLO7. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc giảng dạy, học tập, và nghiên cứu ngôn ngữ. PI.7.1: Sử dụng một cách hiệu quả các kỹ năng ứng dụng CNTT và truyền thông vào công việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ PI.7.2: Ứng dụng hiệu quả các phương pháp, công nghệ và khái niệm cần thiết để xử lý ngôn ngữ (xử lý văn bản thông minh, giao diện người-máy, dịch máy, điều hướng tài liệu, v.v.). PLO8. Phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân.		
--	---	--	--

	PI.8.1: Trình bày được các phương diện của vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và một ngôn ngữ khác để phục vụ công việc PI.8.2: Vận dụng các kỹ năng mềm để giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả PI.8.3: Vận dụng các kỹ năng mềm để phát triển khả năng tư duy độc lập phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân		
Chuẩn đầu ra về thái độ (Mức tự chủ và trách nhiệm)	PLO9. Xây dựng kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao chất lượng sử dụng sinh ngữ trong giao tiếp và công việc. PI.9.1: Xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm cải thiện kiến thức và kỹ năng cá nhân dựa trên sự đánh giá đúng về năng lực của bản thân	PLO8: Có thái độ khách quan khoa học trước các vấn đề về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Có thái độ tiếp thu phê phán, cầu tiến trong học tập cũng như nghiên cứu; PL09: Có tinh thần yêu nghề và có trách với công việc; Có tinh thần học tập suốt đời.	PLO 11. Xác định và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ học, đề xuất những sáng kiến có giá trị. PLO 12. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao. PLO 13. Trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có tư duy phản biện, sáng tạo; có thái

	PI.9.2: Giải quyết các vấn đề liên quan đến chất lượng sử dụng sinh ngữ trong cuộc sống một cách hiệu quả PLO10. Hoàn thiện phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, xây dựng ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước. PI.10.1: Vận dụng hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức luật pháp và đạo đức nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước PI.10.2: Hình thành ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước		độ liên chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; hợp tác tích cực trong nghiên cứu và giảng dạy. PLO 14. Tôn trọng tính đa dạng, thể hiện ý thức xây dựng và cống hiến cho cộng đồng
--	--	--	--

PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
KHOA QUỐC TẾ HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA												
Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng												
STT	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
	I	Phần kiến thức chung										
1		Triết học (Philosophy)	I	I	R	I	I	I	I	I	M	M
2		Triết học (Philosophy)	I	I	R	R	R	R	I	M	R	R
		Phần kiến thức cơ sở										
		Học phần bắt buộc										
3		Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	M	R	M	M	R	R	R	M	M	R
4		Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	M	M	R	R	I	R	R	I	R	I
5		Ngôn ngữ học văn bản (Text Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	I	I
		Các chuyên đề nghiên cứu										
6		Chuyên đề 1: Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	I	I
7		Chuyên đề 2: Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	I	R	I
		Học phần tự chọn (chọn 02 trong 06 học phần)										
8		Ngữ dụng học (Pragmatics)	M	M	R	R	I	I	I	R	R	I
9		Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics)	M	M	R	R	I	I	I	R	I	I
10		Loại hình học Ngôn ngữ (Linguistic Typology)	M	M	R	I	R	I	I	I	R	I
11		Ngôn ngữ học xã hội (Sociolinguistics)	M	M	R	R	M	R	I	I	R	I
12		Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	M	M	R	R	M	I	R	I	R	I
13		Lược sử Việt ngữ học (An Introduction to the History of Vietnamese Linguistics)	M	M	I	I	M	R	I	I	I	I

		Phần kiến thức chuyên ngành										
		Học phần bắt buộc										
14	II	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	R	M	M	R	R	R	I	I	R	R
15		Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Phonetics & Phonology versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	I	I
16		Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Lexical - semantics versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	R	R
17		Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Vietnamese Grammar versus Other Languages)	M	M	M	R	R	R	I	I	R	R
18		Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	I	I
		Chuyên đề nghiên cứu										
19		Chuyên đề 3: Lý thuyết dịch (Theory of Translation)	M	I	I	R	R	I	I	M	R	I
20		Chuyên đề 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ (Computer Assisted Language Learning and Research)	R	I	I	R	I	I	M	R	M	R
		Học phần tự chọn (chọn 02 trong 05 học phần)										
21		Kí hiệu học (Semiotics)	M	R	R	M	I	I	I	I	I	I
22	III, IV	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học (Language and Literary Acquisition)	R	I	R	R	I	M	I	I	R	I
23		Giao thoa văn hoá (Cross Cultures)	R	I	R	I	I	M	I	I	R	I
24		Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) (Sentence Components in Vietnamese versus Other Languages)	M	M	M	R	R	I	I	I	I	I
25	III, IV	Luận văn tốt nghiệp (Thesis)	M	M	M	M	M	M	M	M	M	R
Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp												
Mức I			2	6	3	4	11	14	20	18	7	17
Mức R			3	2	14	18	10	7	3	3	13	7
Mức M			19	17	8	3	4	3	2	4	4	1

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU				
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO1	Ứng dụng kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học ngôn ngữ vào công việc	PI 1.1: Xác định được mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ, mối quan hệ qua lại giữa chúng, và quá trình ảnh hưởng đến mối quan hệ này PI 1.2: Phân tích được bản chất và cơ sở của các lý thuyết, mô hình, nguyên tắc, và giả thuyết về ngôn ngữ PI 1.3: Ứng dụng hiệu quả kiến thức về ngôn	Ngôn ngữ học tri nhận	Trình bày được sự ra đời của ngôn ngữ học tri nhận, những giả định nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận và tư duy nghiệm thân
				Trình bày những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận, Ngữ nghĩa học tri nhận và ngữ pháp tri nhận
				Diễn giải được những kiến thức cơ bản về nghiệm thân và cấu trúc ý niệm, sơ đồ hình ảnh, cấu trúc ý niệm
				Diễn giải được những kiến thức cơ bản về phạm trù hóa, lí thuyết điển mẫu
				Phân biệt được ẩn dụ tri nhận và hoán dụ tri nhận
				So sánh được hình và nền, vật được định vị và mốc định vị, biểu hiện của hình và nền trong cú pháp
				Diễn giải được kiến thức cơ bản về ngữ pháp kết cấu, Mô hình của ngữ pháp kết cấu và một số cách tiếp cận, và phạm trù xuyên tâm

		ngữ vào học tập và công việc thực tế		Ứng dụng phương pháp và phát triển định hướng nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận
			Ngôn ngữ học khối liệu	Trình bày được các khái niệm về diễn ngôn, khối liệu và ngôn ngữ học khối liệu, những thuận lợi của hướng tiếp cận khối liệu trong phân tích diễn ngôn.
				Diễn giải được nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ học khối liệu, bản chất và chức năng của ngôn ngữ học khối liệu.
				Phân tích được mục đích sử dụng các loại khối liệu chuyên biệt khác nhau trong nghiên cứu ngôn ngữ, sử dụng khối liệu nghiên cứu và khối liệu tham khảo.
				Đánh giá được các thành tố cơ bản của việc thiết kế khối liệu, quá trình xây dựng khối liệu phục vụ mục đích nghiên cứu một vấn đề ngôn ngữ cụ thể.
				Sử dụng được các công cụ tìm kiếm để thu thập dữ liệu và phân tích khối liệu nghiên cứu.
				Sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu về vấn đề nghiên cứu thông qua một khối liệu cụ thể.
				Khái quát hóa được bản chất của vấn đề nghiên cứu qua những kết quả được tìm thấy từ khối liệu để đi đến kết luận về đối tượng ngôn ngữ được nghiên cứu bằng phương pháp phân tích khối liệu.
PLO2	Ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp	PI 2.1: Phân biệt rõ ràng các cấp độ khác nhau của sự phân tích ngôn ngữ, ngữ âm học, từ	Ngôn ngữ học đại cương	Hiểu được bản chất và chức năng ngôn ngữ; Xác định được hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ; Trình bày được cơ chế hoạt động của ngôn ngữ; Xác định được bước đầu phương pháp tiếp cận ngôn ngữ của ngôn ngữ học.

	học, từ vựng - Ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ, và các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào công việc thực tế.	vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, các loại hình học ngôn ngữ. PI 2.2: Xác định các loại nguồn và ý nghĩa của các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ một cách hợp lý PI 2.3: Sử dụng đúng các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào học tập và công việc thực tế	Ngôn ngữ học văn bản	Xây dựng được các kỹ năng học và tiếp cận lý luận ngôn ngữ trên lớp, kỹ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng được các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của Việt ngữ học.
				Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ.
				Giải thích được bản chất của giao tiếp, các mô hình giao tiếp, chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, quan hệ tương liên giữa giao tiếp và văn bản.
				Trình bày được lịch sử ra đời và đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản, các đặc trưng của văn bản, sự phân loại văn bản, các cách phân tích một văn bản – sản phẩm.
				So sánh được cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, quan hệ giữa bố cục với cấu trúc nội dung.
				Xác định được các phần cụ thể trong cấu trúc ba phần của văn bản, phân tích được cấu trúc nội dung của văn bản có ba phần.
				Xác định được bản chất của quy chiếu, các loại quy chiếu và hướng quy chiếu trong văn bản, định nghĩa liên kết, quan hệ giữa quy chiếu và liên kết.
				Phân biệt được các phương tiện liên kết với phương thức (phép) liên kết, và lý giải được vai trò của liên kết đối với cấu trúc nội dung của văn bản.

				Trình bày được định nghĩa về mạch lạc, vai trò quyết định của mạch lạc trong việc tạo lập văn bản, phân biệt mạch lạc với liên kết.
				Lý giải được các biểu hiện của mạch lạc trong các quan hệ đa dạng thể hiện trong văn bản.
				Xác định được đoạn văn và vị trí của đoạn văn trong cấu tạo hình thức của văn bản, lý giải được cấu tạo của đoạn văn lệ thuộc vào các kiểu loại văn bản.
				Trình bày được hai tác dụng của việc chia tách thành đoạn văn, mô tả được cấu tạo của đoạn văn và một số cấu trúc trong đoạn văn.
				Phân tích được các tiêu chí phân loại văn bản, phân biệt các loại văn bản, các khuôn hình văn bản.
				Phân tích được một số kiểu văn bản thông dụng cũng như áp dụng được những điều cần lưu ý khi tạo lập và phân tích văn bản
			Ngữ dụng học	So sánh ngữ nghĩa học, cú pháp học trong mối tương quan với ngữ dụng học.
				Thảo luận các yếu tố chỉ xuất như yếu tố chỉ xuất về người, về không gian, về thời gian và mối tương quan giữa những yếu tố chỉ xuất này với lịch sử ngôn ngữ.
				Diễn giải các loại quy chiếu, đối tượng được quy chiếu
				Áp dụng kiến thức về tiền giả định, và quan hệ kéo theo, nội dung của vấn đề phóng chiếu; quan hệ kéo theo định tự.
				Diễn giải nguyên tắc hợp tác hội thoại, phân biệt các loại hàm ý hội thoại, tính chất của hàm ý hội thoại và hàm ý quy ước.

				Giải thích và đánh giá hành động lời nói, phương tiện ngôn ngữ thể hiện hành động ngôn trung, điều kiện thuận ngôn, giả thiết ngữ vi và sự phân loại hành động lời nói, những sự kiện lời nói.
				Lý giải việc tạo ra và sử dụng phương tiện ngôn ngữ rào đón trong giao tiếp, các loại thể diện, lịch sự hướng nội và hướng ngoại.
				Tạo ra và đánh giá những cấu trúc hội thoại khác nhau trong giao tiếp.
				So sánh tính cá nhân tự phát và tính cá nhân quy chuẩn; tính tự phát, tính tự chủ; sự thay đổi lượt lời; tính trực ngôn và gián ngôn trong giao tiếp tiếng Việt với các thứ tiếng khác; Phát triển kiến thức về ngữ dụng học giao văn hóa để có thể áp dụng vào những công trình nghiên cứu về đối chiếu ngôn ngữ.
PLO3	Thực hiện nghiên cứu khoa học về so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác	PI 31: Sử dụng chuẩn xác các phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng trong so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác PI 3.2:.. Xây dựng đề cương nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Hiểu được bản chất của quy trình nghiên cứu.
				Hiểu các kiến thức cơ bản của các loại hình của phương pháp nghiên cứu khoa học.
				Phát triển tư duy phê phán trong phân tích và tổng hợp kết quả từ khối liệu và tổng quan tài liệu nghiên cứu.
				Xác định được phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, hay hỗn hợp.
				Xác định và sử dụng tài liệu nghiên cứu trong lĩnh vực liên quan.
				Xây dựng đề cương và kết quả nghiên cứu theo phương pháp khoa học ở dạng văn viết và văn nói.

		PI 3.3: Viết báo cáo tổng thuật nghiên cứu về các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo		Tiếp cận với phương pháp công bố khoa học trong và ngoài nước.
			Ngôn ngữ học ứng dụng	Trình bày được các khái niệm về ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng và quá trình phát triển của ngôn ngữ học ứng dụng
				Trình bày được nhiệm vụ của các nhà ngôn ngữ học ứng dụng, tầm quan trọng của kinh nghiệm trong các hoạt động của lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng
				Trình bày được các lĩnh vực nghiên cứu thuộc nhiệm vụ của ngôn ngữ học ứng dụng
				Phân tích được các phương diện cơ bản về ngôn ngữ và ứng dụng ngôn ngữ trong thực tiễn thiết kế chương trình, kiểm tra đánh giá, quá trình nhận thức và lĩnh hội ngôn ngữ
				Khái quát hóa được các vấn đề cơ bản của ngôn ngữ học ứng dụng và việc vận dụng kiến thức ngôn ngữ học ứng dụng trong dạy và học ngoại ngữ
				Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học ứng dụng trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ
				Khái quát hóa được các hướng tiếp cận khác nhau trong ngôn ngữ học ứng dụng.
				Trình bày được đường hướng, triển vọng và thách thức đặt ra đối với nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.
			Ngôn ngữ học đối chiếu	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phạm vi nghiên cứu của ngôn ngữ học đối chiếu và mối quan hệ giữa ngôn ngữ học đối chiếu với các phân ngành ngôn ngữ học khác cũng như

				quan hệ với lý luận và thực tiễn dịch thuật, với việc khắc phục lỗi trong khi học ngoại ngữ
				Trình bày được kiến thức cơ bản về so sánh, các kiểu so sánh, khái niệm “cái thứ 3 trong so sánh” (tertium comparationis-TC), các kiểu của nó trong nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và xác định được TC khi đối chiếu 2 đối tượng cụ thể trong 2 ngôn ngữ cụ thể
				Áp dụng được các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu phù hợp khi đối chiếu các đối tượng cụ thể trong các ngôn ngữ cụ thể.
				Vận dụng một cách sáng tạo kiến thức được trang bị vào đối chiếu 2 bình diện ngữ âm và hình vị và tìm ra được những điểm giống nhau và khác biệt về 2 bình diện này giữa các ngôn ngữ được nghiên cứu đối chiếu.
				Vận dụng một cách sáng tạo kiến thức được trang bị vào đối chiếu từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng và một số bình diện khác và tìm ra được những điểm giống nhau và khác biệt về các bình diện này giữa các ngôn ngữ được nghiên cứu đối chiếu.
				Phân tích các lý thuyết ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc, phương pháp phân tích đối chiếu đã được vận dụng trong hai thử nghiệm về phân tích đối chiếu phương tiện so sánh và phương tiện nổi trong tiếng Anh và tiếng Việt và bình luận được kết quả phân tích đối chiếu của hai thử nghiệm.

PLO4	Thiết kế và tạo ra các nguồn tài nguyên và tài liệu cho công việc học tập, nghiên cứu ngôn ngữ có hiệu quả	PI 4.1: Tạo ra được tài liệu tổng quan liên quan đến vấn đề nghiên cứu PI 4.2: Tìm kiếm được thông tin và giải pháp phù hợp cho vấn đề nghiên cứu PI 4.3: Chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc có đóng góp quan trọng vào việc thực hiện một dự án có liên quan đến ngôn ngữ (giảng dạy, xây dựng chính sách, kiểm tra năng lực ngôn ngữ, xây dựng chương trình, giáo án giảng dạy, từ điển, v.v.)	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt	Xác định được vai trò tín hiệu học của âm trong mô hình cấu trúc nhị diện của Sausure
				Giải thích được cơ chế tạo âm cùng cách hoạt động tương tác của các bộ phận cấu âm trong quá trình tạo âm
				Xác định được các tương đồng, dị biệt trong tiếng Việt và tiếng Anh về đặc trưng ngữ âm và chức năng của trọng âm, thanh điệu, các loại ngữ điệu,
				Đối chiếu được các tương đồng, dị biệt trong tiếng Việt và tiếng Anh về khả năng phân bố và khả năng kết hợp của các âm trong cấu trúc âm tiết; các biến thể phát âm của âm vị cùng cơ sở phái sinh của các âm trong phát âm.
				Vận dụng được các công nghệ phần mềm để xử lý phân tích và minh họa đặc trưng âm học, cấu tạo âm tiếng Việt và tiếng Anh
				Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm để hợp tác giải quyết các vấn đề của đề tài được giao với bài tập nhóm
		Từ vựng - từ nghĩa học tiếng Việt		Trình bày được những vấn đề cơ bản của từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt
				Giải thích được những vấn đề về từ vựng và nghĩa của từ tiếng Việt
				So sánh những vấn đề về từ vựng và nghĩa của từ tiếng Việt với các ngôn ngữ khác
				Chọn lựa thủ pháp phù hợp khi thực hiện nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa trong một bối cảnh cụ thể
				Chủ động, tự tin khi sử dụng và nghiên cứu từ ngữ

			Ngữ pháp tiếng Việt	Xác định được các siêu chức năng của câu; các kiểu cấu trúc nghĩa biểu hiện khác nhau của tiếng Việt diễn đạt cùng một sự việc; cấu trúc đề - thuyết trong chức năng văn bản của câu tiếng Việt và tính liên kết giữa câu với câu cùng những tri thức cơ bản về nghiên cứu, đối chiếu các ngôn ngữ.
				Phát triển các kỹ năng học và tiếp cận lý luận ngôn ngữ trên lớp, kỹ năng đọc tài liệu lý luận, tham gia seminar; thuyết trình một vấn đề trong nội dung học và thảo luận nhóm, vận dụng được các tri thức lý luận vào những vấn đề cụ thể của Việt ngữ học và so sánh đối chiếu.
				Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của lý luận ngôn ngữ và ngôn ngữ học đối chiếu
			Thành phần câu tiếng Việt	Trình bày được khái niệm các quan điểm ngôn ngữ học về thành phần câu và giải pháp cho vấn đề thành phần câu tiếng Việt, vai trò, vị trí của thành phần câu trong nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy và công tác dịch thuật.
				Xác định được mục đích, nhiệm vụ của việc ứng dụng lý thuyết thành phần câu vào nghiên cứu đối sánh, nghiên cứu giảng dạy ngoại ngữ, nghiên cứu dịch thuật, v.v...
				Giải thích được các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu thành phần câu nói chung và đối sánh thành phần câu nói riêng
				Ứng dụng một số bình diện ngôn ngữ hữu quan như cấu trúc, chức năng cú pháp, đặc điểm cú pháp v.v... của thành phần câu vào giảng dạy ngoại ngữ và nghiên cứu dịch thuật.

PLO5	Phân tích và dự đoán xu hướng vận động, phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mối tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác	PI 5.1: Giải thích hợp lý các vấn đề ngôn ngữ và những thách thức ngôn ngữ trong nhiều bối cảnh chuyên môn khác nhau PI 5.2: Đánh giá một cách hiệu quả những xu hướng vận động, phát triển của tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt trong mối tương quan với các ngôn ngữ khác PI 5.3: Sử dụng các khía cạnh phức tạp và xuyên suốt của kỹ năng phân tích, đối chiếu ngôn ngữ nhằm xác định đúng xu hướng vận động và phát triển của tiếng Việt trong mối tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác	Giao thoa văn hóa	Trình bày được các khái niệm cơ bản về văn hóa, các đặc tính của văn hóa, giá trị văn hóa, giao thoa văn hóa, giao tiếp phi ngôn từ.
				Phân tích được các giá trị văn hóa và ảnh hưởng của chúng trong giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa.
				Giải thích được các khía cạnh của thể diện và tính lịch sự trong dụng học giao văn hóa
				So sánh đối chiếu được các hình thức giao tiếp phi ngôn từ trong giao văn hóa.
PLO6	Phân tích và đánh giá hiệu quả xu hướng giao thoa văn hóa và tiếp	PI 6.1: Phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là trong ngữ cảnh đa ngôn ngữ, và liên	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học	Giải thích được các quan hệ xung hô trong ngôn ngữ-văn hóa.
				So sánh đối chiếu được các hành vi ngôn từ trong giao thoa văn hóa.

	nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới	quan đến các phương pháp, mô hình và ứng dụng trong nghiên cứu giao thoa văn hoá và tiếp nhận văn học bằng hai ngôn ngữ trở lên. PI 6.2: Đánh giá những xu hướng giao thoa văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới. PI 6.3: Đánh giá những xu hướng tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.		Diễn giải được các lý luận về ngôn ngữ, tiếp nhận và phê bình văn học Xác lập được mối liên quan giữa ngôn ngữ, ngôn ngữ học và văn chương Tranh luận các vấn đề cần quan tâm trong nghiên cứu sáng tạo và tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ - ngữ nghĩa học, mỹ học, phong cách học, tu từ học, dụng học, hành vi lời nói, lịch sử, bối cảnh văn hóa xã hội, hệ tư tưởng Xác định các đặc thù diễn ngôn văn học – ngôn ngữ hình tượng, hình ảnh, biện pháp tu từ, cốt truyện, lời thoại, cao trào Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân tích, phê bình, tiếp nhận các tác phẩm nghệ thuật ngôn từ Hình thành kỹ năng tiếp nhận văn học bằng phương tiện ngôn ngữ Phát triển tính năng động của chủ thể tiếp nhận văn học qua lăng kính và bằng năng lực tiếp nhận văn học
PLO7	Khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc giảng dạy, học tập, và nghiên cứu ngôn ngữ.	PI 7.1: Sử dụng một cách hiệu quả các kỹ năng ứng dụng CNTT và truyền thông vào công việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ PI 7.2: Ứng dụng hiệu quả các phương pháp,	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ	Áp dụng được lý thuyết ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ. Giải thích được mối liên hệ tương hỗ giữa CNTT và giáo học pháp Phát triển tư duy phê phán trong phân tích và tổng hợp kết quả từ khối liệu và tổng quan tài liệu nghiên cứu Xây dựng được một chương trình ứng dụng CNTT trong dạy-học ngoại ngữ

		công nghệ và khái niệm cần thiết để xử lý ngôn ngữ (xử lý văn bản thông minh, giao diện người-máy, dịch máy, điều hướng tài liệu, v.v.).		Xác định chủ đề và sử dụng tài liệu nghiên cứu trong lĩnh vực ứng dụng CNTT.
PLO8	Phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng ngôn ngữ để trình bày vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân	PI 8.1: Trình bày được các phương diện của vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả bằng cả tiếng Việt và một ngôn ngữ khác để phục vụ công việc PI 8.2: Vận dụng các kỹ năng mềm để giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả PI 8.3: Vận dụng các kỹ năng mềm để phát triển khả năng tư duy độc lập phục vụ công việc và thăng tiến sự nghiệp của bản thân	Lý thuyết dịch	Diễn giải được các lý thuyết dịch thuật
				Liệt kê được các khái niệm và vấn đề liên quan đến dịch thuật như là một ngành khoa học ngôn ngữ
				Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động dịch - văn hóa, ngữ cảnh, loại văn bản, ngữ nguồn, ngữ đích
				Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dịch: vấn đề nghĩa trong dịch, tương đương, hiện tượng không dịch được, chuẩn mực dịch, hiện tượng giải mã và tái lập mã, chuyển đổi trong dịch
				Vận dụng các cách tiếp cận dịch thuật (trên bình diện ngôn ngữ, chức năng, hệ thống chức năng)
				Vận dụng lý luận và kiến thức lý thuyết vào thực hành, phân tích, và phê bình dịch.
			Ngôn ngữ học xã hội	Phân tích được lịch sử ra đời và nhiệm vụ của Ngôn ngữ học xã hội.
				Giải thích được các khái niệm liên quan đến nội dung của môn học như biến thể ngôn ngữ, cảnh huống ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, giao thoa và lai tạp ngôn ngữ, phương ngữ địa lý và phương ngữ xã hội, sự lựa chọn ngôn ngữ, v.v....

				Lý giải được một số mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và cấu trúc xã hội. Phát triển kỹ năng, thao tác để tiến hành một nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội ở mức độ trung bình.
PLO9	Xây dựng kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao chất lượng sử dụng sinh ngữ trong giao tiếp và công việc	PI 9.1: Xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm cải thiện kiến thức và kỹ năng cá nhân dựa trên sự đánh giá đúng về năng lực của bản thân PI 9.2: Giải quyết các vấn đề liên quan đến chất lượng sử dụng sinh ngữ trong cuộc sống một cách hiệu quả	Ngôn ngữ học chức năng	Hệ thống được khái niệm cơ bản về NNCN, quá trình phát triển của ngôn ngữ học chức năng, ngữ pháp học qua một số định nghĩa như cấu trúc, cấu trúc ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ và lời nói, nội hàm của ngữ pháp, vai trò khối liệu trong nghiên cứu ngôn ngữ. Áp dụng kiến thức về nền tảng lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống vào nghiên cứu vấn đề chuyên ngành Xác định được hệ thống về ngữ pháp học; các lý thuyết ngôn ngữ: Ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học hành vi, ngôn ngữ học tạo sinh và ngôn ngữ học chức năng; nghĩa văn bản trong mệnh đề như một thông điệp So sánh tính hệ thống trong ngữ pháp chức năng với tính cấu trúc trong ngôn ngữ học cấu trúc; các khái niệm hình thức khác với chức năng; cơ chế tạo nghĩa trong ngôn ngữ; các chiến lược giao tiếp; và Nghĩa liên nhân trong mệnh đề như một trao đáp Xác định được các hệ thống khái niệm mang tính nền tảng của Ngữ pháp chức năng như ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ pháp chức năng, và 3 loại nghĩa trong 3 loại mệnh đề; sự khác biệt của ngữ pháp chức năng với các lý thuyết ngôn ngữ khác ở bình diện ngữ pháp; nghĩa kinh nghiệm trong mệnh đề như một sự biểu hiện qua 6 diễn trình: diễn trình vật chất, diễn

				trình tinh thần, diễn trình quan hệ, diễn trình phát ngôn, diễn trình hành vi và diễn trình tồn tại.
				Ứng dụng ngữ pháp chức năng, Đối chiếu và nhận ra sự giống nhau và khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh ở lĩnh vực này
				Ứng dụng phương pháp phân tích và nghiên cứu ngôn ngữ qua phân tích để tìm hiểu ngữ pháp chức năng; Xác định được các loại hình văn bản khác nhau, nhất là văn bản văn học, phân tích nghiên cứu để cảm thụ; Phân tích văn bản thông thường để ứng dụng, và phân tích các loại hình văn bản phức tạp để hiểu biết sâu sắc và đánh giá.
			Loại hình học ngôn ngữ	Xác định được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của loại hình học, ý nghĩa của việc nghiên cứu loại hình học, và các hướng nghiên cứu chính trong loại hình học
				Giải thích được những vấn đề cơ bản về phân loại các loại hình ngôn ngữ (cơ sở phân loại, đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ), các cách phân loại của loại hình học cổ điển và loại hình học hiện đại (quan niệm, tiêu chí, kết quả phân loại, ưu điểm và hạn chế).

				Giải thích được khái niệm, đặc điểm, cách thức biểu hiện và phương pháp xây dựng phổ niệm ngôn ngữ; khái niệm, đặc điểm loại hình ngôn ngữ đơn lập (trong sự phân biệt với các loại hình khác); đặc điểm loại hình cơ bản của tiếng Việt và vị trí của tiếng Việt trong loại hình ngôn ngữ đơn lập.
				Vận dụng các kiến thức, đặc điểm về loại hình ngôn ngữ, các tiêu chí phân loại, phổ niệm ngôn ngữ để phân tích, mô tả và đối chiếu đặc điểm của các ngôn ngữ cụ thể, và đặc điểm loại hình của tiếng Việt vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, học tập bản ngữ và ngoại ngữ
				So sánh được tính thống nhất và đa dạng về mặt loại hình của ngôn ngữ, sự khác biệt về loại hình của các ngôn ngữ để có thể chống lại thái độ kỳ thị với các ngôn ngữ thuộc loại hình khác, qua đó bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt, giữ gìn những đặc trưng vốn có của tiếng Việt, đồng thời cũng biết cách tiếp nhận, đồng hóa đặc điểm của các ngôn ngữ khác để làm cho tiếng Việt thêm phong phú, giàu khả năng biểu hiện.
PLO10	Hoàn thiện phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, xây dựng ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học	PI 10.1: Vận dụng hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức luật pháp và đạo đức nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước PI 10.2: Hình thành ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng nhu cầu phát	Lượt sử Việt ngữ học	Giải thích được sự hình thành và phát triển tiếng Việt và Việt ngữ học.
				Giải thích được sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cổ trung đại.
				Giải thích được sự phát triển của Việt ngữ học trong giai đoạn cận hiện đại trên các bình diện ngôn ngữ học.
				Phân tích được sự đóng góp quan trọng của một số nhà ngôn ngữ học trong việc phát triển Việt ngữ học.

	- công nghệ của đất nước.	triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước		
--	---------------------------	---	--	--

PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

1. Danh sách giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1.	Trần Hữu Phúc, 1971, Hiệu trưởng		TS, Anh, 2013	Ngôn ngữ học ứng dụng	2014, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN -15 bài báo, 03 tham luận	
2.	Nguyễn Văn Long, 1973, Phó Hiệu trưởng	PGS, 2015	TS, Newzealand, 2011	Ngôn ngữ học ứng dụng	2011, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN - 15 bài báo và tham luận trong nước, 23 bài báo và tham luận quốc tế, chủ biên 03 sách	
3.	Dương Quốc Cường, 1958	PGS, 2015	TS, Việt Nam	Ngữ văn	2012, ĐHĐN	- 02 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 02 đề tài cấp Bộ - 40 bài báo và tham luận trong nước, 01 bài báo quốc tế, chủ biên 01 sách	
4.	Phan Văn Hòa, 1956	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 1998	Lý luận ngôn ngữ	1998, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp ĐHĐN, 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp thành phố	cơ hữu đúng tên mở chuyên ngành

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
5.	Trần Quang Hải, 1954		TS, Việt Nam, 2003	Lý luận ngôn ngữ	2003, ĐHQĐ	- 01 đề tài cấp thành phố, 2 đề tài cấp Bộ - 17 bài báo, biên soạn 03 giáo trình	
6.	Lưu Quý Khương, 1960	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2004	Lý luận ngôn ngữ	2004, ĐHQĐ	- 01 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp ĐHQĐ, 02 đề tài cấp Bộ - 79 bài báo trong nước, 04 bài báo quốc tế, - Đồng tác giả 03 sách giáo khoa, chủ biên 01 sách	cơ hữu đứng tên mở chuyên ngành
7.	Lê Tấn Thi, 1959		TS, Việt Nam, 2006	Lý luận ngôn ngữ	2006, ĐHQĐ	06 bài báo	cơ hữu đứng tên mở chuyên ngành
8.	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 1970,		TS, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ học	2005, ĐHQĐ	02 đề tài cấp ĐHQĐ 34 bài báo trong nước, 06 bài báo quốc tế 01 sách giáo trình (chủ biên)	

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
9.	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, 1988		TS, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ học	2021, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở - 35 bài báo trong nước, - - 03 bài báo quốc tế - 01 sách tham khảo (chủ biên)	
10.	Huỳnh Ngọc Mai Kha, 1981		TS, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		- 01 đề tài cấp ĐHĐN - 04 bài báo trong nước, 01 bài báo quốc tế - 02 sách giáo trình (đồng tác giả)	cơ hữu đúng tên mở chuyên ngành
11.	Nguyễn Ngọc Chinh, 1956	PGS, 2010	TS, Việt Nam, 2011	Ngữ văn		- 04 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 09 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp thành phố - 90 bài báo trong nước, 04 bài báo quốc tế, 16 sách và giáo trình được xuất bản	cơ hữu đúng tên mở chuyên ngành

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1.	Trần Hữu Phúc, 1971, Hiệu trưởng		TS, Anh, 2013	Ngôn ngữ học ứng dụng	2014, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN -15 bài báo, 03 tham luận	-Ngôn ngữ học ứng dụng - Ngôn ngữ học khối liệu
2.	Nguyễn Văn Long, 1973, Phó Hiệu trưởng	PGS, 2015	TS, Newzealand, 2011	Ngôn ngữ học ứng dụng	2011, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN - 15 bài báo và tham luận trong nước, 23 bài báo và tham luận quốc tế, chủ biên 03 sách	-Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngôn ngữ - Ứng dụng công nghệ cao trong dạy và học ngoại ngữ
3.	Dương Quốc Cường, 1958	PGS, 2015	TS, Việt Nam	Ngữ văn	2012, ĐHĐN	- 02 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 02 đề tài cấp Bộ - 40 bài báo và tham luận trong nước, 01 bài báo quốc tế, chủ biên 01 quyển sách	Ngôn ngữ học đại cương
4.	Phan Văn Hòa, 1956	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 1998	Lý luận ngôn ngữ	1998, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp ĐHĐN, 02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp thành phố	- Ngôn ngữ học chức năng -Phong cách học tiếng Việt (có đối

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
						-58 bài báo trong nước, 11 bài báo quốc tế, - 01 giáo trình, 02 sách	chiếu với các ngôn ngữ khác)
5.	Trần Quang Hải, 1954		TS, Việt Nam, 2003	Lý luận ngôn ngữ	2003, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp thành phố, 2 đề tài cấp Bộ - 17 bài báo, biên soạn 03 giáo trình	Ngôn ngữ học xã hội
6.	Lưu Quý Khương, 1960	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2004	Lý luận ngôn ngữ	2004, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp ĐHĐN, 02 đề tài cấp Bộ -86 bài báo trong nước, 04 bài báo quốc tế, - Đồng tác giả 03 sách giáo khoa tiếng Anh đang được giảng dạy chính thức cho bậc Trung học cơ sở, chủ biên 01 sách	Ngôn ngữ học đối chiếu
7.	Ngũ Thiện Hùng, 1962		TS, Việt Nam, 2004	Lý luận ngôn ngữ	2004, ĐHĐN	3 đề tài cấp Bộ, 17 bài báo	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
8.	Lê Thị Giao Chi, 1968		TS, Anh, 2014	Ngôn ngữ Anh	2015, ĐHĐN	01 đề tài cấp ĐHĐN, 09 bài báo	- Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học - Lý thuyết dịch
9.	Lê Tấn Thi, 1959,		TS, Việt Nam, 2006	Lý luận ngôn ngữ	2006, ĐHĐN	06 bài báo	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác) - Lược sử Việt ngữ học
10.	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 1970		TS, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ học	2005, ĐHĐN	34 bài báo trong nước 6 bài báo nước ngoài 01 đề tài cấp ĐHĐN	Ngôn ngữ học văn bản
11.	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, 1988		TS, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ học	2021, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp cơ sở - 35 bài báo trong nước, - 03 bài báo quốc tế - 01 sách tham khảo (chủ biên)	Ngữ pháp Tiếng Việt
12.	Huỳnh Ngọc Mai Kha, 1981		TS, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		-04 bài báo trong nước -01 bài báo quốc tế -02 sách giáo trình -01 đề tài cấp ĐHĐN	Ngôn ngữ học tri nhận và tiếng Việt

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
13.	Nguyễn Ngọc Chinh, 1956	PGS, 2010	TS, Việt Nam, 2011	Ngữ văn		- 04 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN, 09 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp thành phố - 90 bài báo trong nước, 04 bài báo quốc tế, 16 sách và giáo trình được xuất bản	- Ngôn ngữ học loại hình - Kí hiệu học
14.	Nguyễn Hữu Bình, 1974		TS, 2013, Pháp	Ngôn ngữ và văn chương	2008	-02 đề tài cấp cơ sở, 02 đề tài cấp ĐHĐN - 09 bài báo trong nước, 05 bài báo quốc tế, 02 sách	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
15.	Trịnh Thị Thái Hòa, 1963,		TS, 2010, Việt Nam	Tiếng Nga, Khoa học giáo dục			Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, Cơ sở ĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1.	Trần Văn Phước, 1956 Giảng viên cao cấp, Trường ĐHNN, ĐH Huế		TS, Việt Nam, 1996	Lý luận ngôn ngữ	1996, ĐH Huế	- 05 đề tài cấp cơ sở, 04 đề tài cấp ĐH Huế, 09 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài cấp thành phố - 60 bài báo trong nước, 10 bài báo quốc tế, 07 sách và giáo trình được xuất bản	- Ngữ pháp chức năng - Ngôn ngữ học tri nhận - Ngữ nghĩa học
2.	Bùi Trọng Ngoãn, 1960, Trưởng Bộ môn Ngôn ngữ học, Trường ĐHSP, ĐHĐN	PGS, 2017	TS, Việt Nam, 2004	Lý luận ngôn ngữ	2004, ĐHĐN	- 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp ĐHĐN - 30 bài báo và tham luận trong nước, chủ biên 05 sách	-Ngôn ngữ học đại cương - Ngữ dụng học
3.	Thái Duy Bảo, 1958, Giảng viên ĐH Quốc gia Úc (ANU)		TS, Việt Nam, 1989	Ngữ văn	2005, ĐHĐN	- 10 bài báo và tham luận trong nước, 20 bài báo quốc tế, chủ biên 05 quyển sách	Ngữ nghĩa học
4.	Nguyễn Văn Hiệp, 1969, Nguyên Viện Trưởng Viện Ngôn ngữ học VN	GS, 2010	TS, Việt Nam,	Lý luận ngôn ngữ	ĐHQG Hà Nội		- Ngữ nghĩa học -Phong cách học tiếng Việt

PHỤ LỤC 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy chương trình đào tạo

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần	
1	Phòng học, giảng đường	68	9.609	Máy chiếu, âm thanh	74		
2	Phòng máy tính	8	455	Máy tính, tai nghe	310		
3	Phòng học ngoại ngữ	4	260	Tai nghe	160		

PHỤ LỤC 7: THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH, SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

7. 1. Thư viện

Nhà trường có điều kiện về trang thiết bị phục vụ tốt việc đào tạo.

Trung tâm Thông tin tư liệu điện tử, ĐHQĐN.

Trung tâm Thông tin học liệu Đại học Đà Nẵng có số lượng lớn các sách báo, tạp chí ngành và chuyên ngành của Đại học Đà Nẵng tuyển chọn, nối mạng Internet phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Thư viện Trường Đại học Ngoại ngữ gồm có phòng đọc cho sinh viên, phòng nghiên cứu chuyên đề, phòng máy tính, phòng tư liệu tiếng Hàn và 02 phòng lưu trữ tài liệu. Thư viện được trang bị vốn tài liệu gồm 24.897 bản tài liệu(chủ yếu là sách chuyên ngành ngôn ngữ; 14.967 đầu tên sách; 4100 sách giáo trình; 50 tên báo, tạp chí; số lượng băng đĩa 1150 CD, DVD, phục vụ hơn 4.000 lượt bạn đọc.Ngoài ra, thư viện còn thường xuyên nhận được các nguồn sách tặng từ dự án, các cá nhân, tổ chức như Quỹ Châu Á, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Đại sứ quán Nhật. Nhà trường bố trí 20 máy vi tính có nối mạng tại phòng máy tính phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí của bạn đọc. Thư viện đang áp dụng phần mềm tra cứu tài liệu qua 4 phương diện tra tìm theo nhan đề, tên tác giả, từ khóa, đề mục chủ

đề. Năm 2015, Nhà trường được Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 tin cậy giao phó xây dựng Trung tâm Học liệu Ngoại ngữ <http://elib.ufl.udn.vn/> và Trung tâm này đã bước đầu đi vào hoạt động, mang lại nhiều cơ hội học tập và nghiên cứu cho giáo viên, sinh viên và học viên của trường và cả khu vực.

7.2. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Sách tiếng Anh

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
1.	An introduction to word grammar	Anh	2010	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
2.	English grammar in use (145 bài ngữ pháp tiếng Anh trình độ trung cấp)	Việt Nam	2010	1	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
3.	Language used and cognition	Anh	2010	1	Ngôn ngữ học tri nhận và tiếng Việt
4.	Meaning in the media. Discourse, controversy and debate	Anh	2010	1	Ngữ dụng học
5.	An Introducing to Function Grammar	Việt Nam	2013	1	Ngôn ngữ học văn bản
6.	An Introduction to Language	Anh	2013	1	Ngôn ngữ học đại cương
7.	Course in Modern English Lexicology	Anh	2013	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
8.	Developing Phonemic Awareness for Young Learners	Anh	2013	1	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
9.	Discourse in English Language Education	Anh	2013	1	Ngôn ngữ học văn bản
10.	English Grammar A University Course	Anh	2013	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
11.	Introducing language in use	Anh	2013	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
12.	Introducing to English stylistics	Anh	2013	1	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
13.	Introducing to pragmatics	Anh	2013	1	Ngữ dụng học
14.	Language and culture	Anh	2013	1	Giao thoa văn hoá
15.	Semantics -a coursebook	Anh	2013	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
16.	Словообразование	Nga	2010	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
17.	Слушать и услышать	Nga	2010	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
18.	Approach on Modifiers' Comparion Between Chinese and Vietnamese	Việt Nam	2012	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
Tổng cộng: 18 đầu sách					

Sách tiếng Việt

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
1.	300 bài tập phong cách học tiếng Việt	Việt Nam	2000	1	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
2.	Bài đọc tiếng Việt nâng cao	Việt Nam	2006	1	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
3.	Câu trong tiếng Việt, quyển 1. Cấu trúc, nghĩa, công dụng	Việt Nam	2003	1	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
4.	Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt	Việt Nam	2008	3	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
5.	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt	Việt Nam	2009	3	Ngôn ngữ học đại cương
6.	Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt	Việt Nam	2008	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
7.	Cội nguồn tiếng Việt	Việt Nam	2006	1	Lược sử Việt ngữ học
8.	Cùng nhau học tiếng Nhật	Việt Nam	2015	15	Giao thoa văn hoá có đối chiếu với các ngôn ngữ khác
9.	Đặc điểm của câu hỏi tiếng Anh đối chiếu với tiếng Việt	Việt Nam	2010	1	Thành phần câu tiếng Việt(có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
10.	Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt	Việt Nam	2009	1	Giao thoa văn hoá
11.	Danh ngữ tiếng Anh. Đặc trưng Cú pháp - Ngữ nghĩa thành tổ liên hệ đối chiếu với tiếng Việt	Việt Nam	2010	1	Ngôn ngữ học đối chiếu
12.	Đề tiếng Việt ngày càng trong sáng	Việt Nam	2007	2	Ngôn ngữ học đại cương
13.	Đề viết đúng tiếng Việt	Việt Nam	2007	7	Ngôn ngữ học văn bản

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
14.	Đi tìm bản sắc tiếng Việt	Việt Nam	2011	1	Giao thoa văn hoá
15.	Định tổ tính từ trong tiếng Việt	Việt Nam	2010	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
16.	Giáo trình lịch sử Tiếng Việt	Việt Nam	2011	5	Lược sử Việt ngữ học
17.	Giáo trình ngữ nghĩa học thực hành tiếng Việt	Việt Nam	2000	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
18.	Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt	Việt Nam	2000	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
19.	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Việt Nam	2009	5	Ngôn ngữ học văn bản
20.	Hệ thống từ nối biểu thị quan hệ Logic - ngữ nghĩa trong tiếng Anh và tiếng Việt	Việt Nam	2008	37	Ngôn ngữ học đối chiếu
21.	Logic và tiếng Việt	Việt Nam	1998	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
22.	Mấy vấn đề lý luận và phương pháp dạy học từ ngữ tiếng Việt trong nhà trường	Việt Nam	2003	1	Ngôn ngữ học ứng dụng
23.	Nghiên cứu cú pháp - ngữ nghĩa của các phương tiện biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt	Việt Nam	2009	2	Ngôn ngữ học đối chiếu
24.	Ngôn ngữ học tri nhận. Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt	Việt Nam	2009	31	Ngôn ngữ học tri nhận và tiếng Việt
25.	Ngữ âm tiếng Việt	Việt Nam	2003	1	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
26.	Ngữ liệu văn học dân gian trong dạy học tiếng Việt	Việt Nam	2007	2	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học
27.	Ngữ pháp chức năng tiếng Việt, câu trong tiếng Việt, Quyển 1	Việt Nam	2003	1	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
28.	Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt. Mô tả quan điểm chức năng của hệ thống	Việt Nam	2005	2	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
29.	Ngữ pháp tiếng Việt	Việt Nam	2008	5	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
30.	Ngữ Pháp Tiếng Việt những Vấn Đề Về Thời, Thể	Việt Nam	2008	3	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
31.	Ngữ Pháp tiếng Việt thực hành	Việt Nam	2006	2	Kí hiệu học
32.	Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1	Việt Nam	2006	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
33.	Ngữ pháp tiếng Việt, tập 2	Việt Nam	2006	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
34.	Nguồn gốc tiếng việt	Việt Nam	2008	2	Lược sử Việt ngữ học
35.	Nhóm từ vựng-ngữ nghĩa của các động từ nói năng trong tiếng Nga hiện đại và các phương thức truyền đạt chúng trong tiếng Việt	Việt Nam	2000	1	Ngôn ngữ học đối chiếu
36.	Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại	Việt Nam	2008	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
37.	Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt. Loại từ và chỉ thị từ	Việt Nam	2002	1	Thành phần câu tiếng Việt có đối chiếu với các ngôn ngữ khác
38.	Phong cách học tiếng Việt	Việt Nam	2010	13	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
39.	Phương pháp dạy học tiếng Việt	Việt Nam	1996	1	Ngôn ngữ học ứng dụng
40.	Phương thức biểu đạt quan hệ nguyên nhân - kết quả trong câu phức hợp tiếng nga đối chiếu với tiếng việt	Việt Nam	2008	4	Ngôn ngữ học đối chiếu
41.	Sổ tay từ - ngữ lóng tiếng Việt	Việt Nam	2008	3	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học
42.	Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX	Việt Nam	2010	3	Ngôn ngữ học đại cương
43.	Thành ngữ tiếng Việt	Việt Nam	2009	1	Lý thuyết dịch
44.	Tiếng Việt cho mọi nhà	Việt Nam	2008	3	Ngôn ngữ học xã hội
45.	Tiếng việt cho người nước ngoài	Việt Nam	1993	9	Ngôn ngữ học ứng dụng
46.	Tiếng Việt đại cương. Ngữ âm	Việt Nam	2008	2	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt(có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
47.	Tiếng Việt dùng cho ĐH đại cương	Việt Nam	1998	1	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
48.	Tiếng Việt hiện đại	Việt Nam	2003	1	Ngôn ngữ học xã hội
49.	Tiếng Việt lí thú	Việt Nam	2009	2	Ngôn ngữ học xã hội
50.	Tiếng Việt lý thú, tập 2	Việt Nam	2007	1	Ngôn ngữ học xã hội

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
51.	Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa	Việt Nam	2006	2	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
52.	Tiếng việt sơ thảo ngữ pháp chức năng	Việt Nam	2006	1	Ngôn ngữ học chức năng
53.	Tiếng Việt thực hành	Việt Nam	2005	5	Ngôn ngữ học ứng dụng
54.	Tiếng Việt tinh nghĩa	Việt Nam	2009	2	Ngôn ngữ học tri nhận và tiếng Việt
55.	Tiếng Việt Trong Tiếp Xúc Ngôn Ngữ Từ Giữa Thế Kỷ XX	Việt Nam	2011	5	Lược sử Việt ngữ học
56.	Tiếng Việt từ chữ đến nghĩa	Việt Nam	2005	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
57.	Tiếng Việt và các ngôn ngữ phía Nam	Việt Nam	1995	1	Ngôn ngữ học loại hình
58.	Tiếng Việt, văn Việt và người Việt	Việt Nam	2000	1	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học
59.	Tiếng Việt: Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa	Việt Nam	2006	1	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
60.	Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và tiếng Việt Văn học	Việt Nam	2011	3	Lược sử Việt ngữ học
61.	Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử	Việt Nam	2003	1	Lược sử Việt ngữ học
62.	Từ láy trong tiếng Việt	Việt Nam	2008	2	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
63.	Từ tiếng Việt	Việt Nam	2008	2	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
64.	Tự vị tiếng Việt Miền Nam	Việt Nam	1993	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
65.	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Việt Nam	2009	5	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
66.	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt	Việt Nam	2010	4	Ngôn ngữ học văn bản
67.	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt: Văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn	Việt Nam	2010	1	Ngôn ngữ học văn bản
68.	Vấn đề “TỪ” Trong Tiếng Việt	Việt Nam	2011	5	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
69.	Vấn đề sử dụng các thành ngữ trong văn xuôi của L...TÔNXTÔI và các phương thức truyền đạt chúng sang tiếng việt	Việt Nam	2009	1	Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học
70.	Viết đúng chính tả tiếng Việt	Việt Nam	1999	1	Ngôn ngữ học ứng dụng
71.	Vui học tiếng Việt (chơi chữ, cùng dấu ...)	Việt Nam	2006	1	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
72.	Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt	Việt Nam	2009	2	Ngôn ngữ học đại cương
73.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Việt Nam	2009	1	Ngôn ngữ học đại cương
74.	Phương ngữ học tiếng Việt	Việt Nam	2009	5	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
75.	Ngữ pháp VN phần câu	Việt Nam	2009	1	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
76.	Dụng học Việt ngữ	Việt Nam	2009	7	Ngữ dụng học

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
77.	Ngữ pháp VN	Việt Nam	2009	5	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
78.	Dịch thuật văn bản khoa học	Việt Nam	2009	5	Lý thuyết dịch
79.	Tiếng Việt lí thú	Việt Nam	2009	2	Ngữ dụng học
80.	Ngữ nghĩa học dẫn luận	Việt Nam	2009	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
81.	Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản	Việt Nam	2009	6	Ngôn ngữ học văn bản
82.	Tiếng Việt tình nghĩa	Việt Nam	2009	2	Ngôn ngữ học ứng dụng
83.	Thành ngữ tiếng Việt	Việt Nam	2009	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
84.	Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt	Việt Nam	2009	1	Giao thoa văn hoá
85.	Đại cương ngôn ngữ học, tập 2. Ngữ dụng học	Việt Nam	2009	3	Ngữ dụng học
86.	Sự phát triển của từ vựng nửa thế kỷ xx	Việt Nam	2009	3	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
87.	Nhập môn nghiên cứu dịch thuật	Việt Nam	2009	1	Lý thuyết dịch
88.	Những bình diện tâm lí ngôn ngữ học	Việt Nam	2010	5	Ngôn ngữ học ứng dụng
89.	Tuyển tập ngôn ngữ học	Việt Nam	2010	1	Ngôn ngữ học đại cương
90.	Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	Việt Nam	2010	1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngôn ngữ
91.	Khơi dậy khả năng ngôn ngữ	Việt Nam	2010	1	Ngôn ngữ học ứng dụng
92.	Định tổ tính từ trong tiếng Việt	Việt Nam	2010	1	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt(có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)

Số TT	Tên sách	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
93.	Nỗi oan Thì, Là, Mà	Việt Nam	2011	6	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
94.	Giáo trình Từ vựng học	Việt Nam	2011	3	Từ vựng-Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
95.	Tóm tắt kiến thức ngôn ngữ học	Việt Nam	2011	4	Ngôn ngữ học đại cương
96.	Giáo trình tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	Việt Nam	2011	5	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)
97.	Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học	Việt Nam	2011	1	Ngôn ngữ học đại cương
98.	Lược sử ngôn ngữ học	Việt Nam	2012	1	Ngôn ngữ học đại cương
99.	Nhận thức từ tiền đề ngôn ngữ và hoạt động thực tiễn	Việt Nam	2012	4	Lược sử Việt ngữ học
100.	Nghiên cứu định ngữ tiếng Việt dưới góc độ loại hình học trật tự từ và lý luận định hướng ngữ nghĩa	Việt Nam	2012	1	Ngôn ngữ học loại hình
Tổng số sách là: 100 đầu sách					

Tạp chí

Số TT	Tên tạp chí	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng cuốn	
01	Tạp chí Khoa học (KHXH & NV)	Việt Nam	2022	2	Tất cả các học phần
02	Tạp chí Khoa học & Công nghệ (Journal of Science & Technology) Số 3	Việt Nam	2023	1	Tất cả các học phần
03	Tạp chí Khoa học & Công nghệ (Journal of Science & Technology)	Việt Nam	2022	1	Tất cả các học phần

Số TT	Tên tạp chí	Nước xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng cuốn	
04	Tạp chí Khoa học (Journal of Science)	Việt Nam	2021	1	Tất cả các học phần
05	Tạp chí Khoa học Giáo dục	Việt Nam	2022	12	Tất cả các học phần
06	Tạp chí Khoa học	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
07	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
08	Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
09	Tạp chí Ngôn ngữ	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
10	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
11	Tạp chí Giáo dục	Việt Nam	2023	12	Tất cả các học phần
12	Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống	Việt Nam	2023	6	Tất cả các học phần
13	Tạp chí Cộng sản	Việt Nam	2023	6	Tất cả các học phần
14	Tạp chí Ngôn ngữ	Việt Nam	2023	6	Tất cả các học phần
15	Tạp chí Giáo dục	Việt Nam	2023	3	Tất cả các học phần
16	Tạp chí Công nghệ thông tin & Truyền thông	Việt Nam	2023	3	Tất cả các học phần
17	Tạp chí Ngôn ngữ văn hóa	Việt Nam	2023	6	Tất cả các học phần
18	Hồ sơ sự kiện	Việt Nam	2019	4	Tất cả các học phần
18	Tạp chí tiếng Nhật	Việt Nam	2023	15	Tất cả các học phần
19	Tạp chí Tiếng Anh	Việt Nam	2023	10	Tất cả các học phần
19	Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ Văn hóa	Việt Nam	2023	6	Tất cả các học phần
20	Tạp chí Khoa học (KHXH & NV)	Việt Nam	2022	2	Tất cả các học phần